

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

ĐỖ GIANG SƠN

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

HÀ NỘI, NĂM 2020

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

ĐỒ GIANG SƠN

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

Mã số: 8 14 01 14

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Tiến Hùng

HÀ NỘI, NĂM 2020

LỜI CẢM ƠN!

Với tình cảm chân thành, tác giả xin cảm ơn Hội đồng khoa học, quý thầy cô trường Đại học Giáo dục Hà Nội đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tác giả trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu đề tài.

Đặc biệt tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy giáo hướng dẫn khoa học PGS.TS Nguyễn Tiến Hùng đã tận tình, chu đáo giúp tác giả nghiên cứu hoàn thành luận văn này.

Đồng thời tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn tới Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ, trường THPT Kỹ thuật Việt Trì đã cung cấp cho tác giả nguồn số liệu chính xác và cập nhật giúp tác giả hoàn thành các bản thống kê, làm nguồn minh chứng cho đề tài. Xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu trường THPT Kỹ thuật Việt Trì, anh chị em và các bạn đồng nghiệp đã giúp đỡ, động viên để tôi yên tâm học tập, nghiên cứu.

Luận văn chắc chắn sẽ còn những hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy cô giáo và những người quan tâm đến đề tài này./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Việt Trì, tháng 6 năm 2020

Tác giả

Đỗ Giang Sơn

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Chữ viết tắt	CỤM TỪ VIẾT TẮT
1.	CBQL	Cán bộ quản lý
2.	CB-GV-NV	Cán bộ - giáo viên - nhân viên
3.	CMHS	Cha mẹ học sinh
4.	CNH-HĐH	Công nghiệp hóa- hiện đại hóa
5.	ĐTB	Điểm trung bình
6.	ĐTN	Đoàn thanh niên
7.	GD	Gia đình
8.	GD	Giáo dục
9.	GDDĐ	Giáo dục đạo đức
10.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
11.	GV	Giáo viên
12.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
13.	HS	Học sinh
14.	KTVT	Kỹ thuật Việt Trì
15.	NT	Nhà trường
16.	NXB	Nhà xuất bản
17.	LLGD	Lực lượng giáo dục
18.	QL	Quản lý
19.	THPT	Trung học phổ thông
20.	XH	Xã hội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời cảm ơn	i
Danh mục các chữ viết tắt	ii
Danh mục các bảng	ix
Danh mục các biểu đồ, sơ đồ	x
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu	3
4. Câu hỏi nghiên cứu	3
5. Giả thuyết khoa học	3
6. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	4
8. Phương pháp nghiên cứu	5
9. Những đóng góp của đề tài	5
10. Cấu trúc luận văn	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	7
1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề	7
1.1.1. Các nghiên cứu nước ngoài	7
1.1.2. Các nghiên cứu trong nước	8
1.2. Các khái niệm cơ bản	9
1.2.1. Quản lý, quản lý nhà trường	9
1.2.1.1. Quản lý	9
1.2.1.1. Quản lý nhà trường	10
1.2.2. Đạo đức và giáo dục đạo đức	11
1.2.2.1. Đạo đức	11
1.2.2.2. Giáo dục đạo đức	12
1.2.3. Hoạt động giáo dục đạo đức	13
1.2.4. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức	14
1.3. Giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông	15

1.3.1. Vị trí, vai trò của giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông.....	15
1.3.1. Mục tiêu của giáo dục đạo đức của học sinh trung học phổ thông...	15
1.3.3. Đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh trung học phổ thông	17
1.3.3.1. Về thể lực và trí tuệ	17
1.3.3.2. Về mặt tính cách, tình cảm và nhân cách	18
1.3.4. Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức của học sinh trung học phổ thông	19
1.3.4.1. Nội dung giáo dục đạo đức.....	19
1.3.4.2. Hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông	22
1.3.4.3. Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông.....	23
1.4. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường trung học phổ thông	24
1.4.1. Tổ chức nghiên cứu đặc điểm của học sinh, bối cảnh nhà trường, chương trình giáo dục đạo đức, lập kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông	24
1.4.1.1. Tổ chức nghiên cứu đặc điểm của học sinh, bối cảnh nhà trường, chương trình giáo dục đạo đức	24
1.4.1.2. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông	25
1.4.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch	26
1.4.3. Phối hợp các lực lượng tham gia quản lý các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông	27
1.4.4. Xây dựng tập thể sư phạm mô phạm làm gương cho học sinh như một công cụ hữu hiệu trong giáo dục đạo đức cho học sinh	28
1.4.5. Xây dựng tập thể học sinh	28
1.4.6. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức học sinh	29
1.4.7. Quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh	30
1.4.1.1. Tổ chức nghiên cứu đặc điểm của học sinh, bối cảnh nhà trường, chương trình giáo dục đạo đức	30
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức	30
1.5.1. Yếu tố giáo dục nhà trường	30
1.5.2. Yếu tố giáo dục gia đình	31
1.5.3. Yếu tố kinh tế - xã hội	32
1.5.4. Yếu tố tự giáo dục của bản thân học sinh	33

1.5.5. Bạn bè	34
1.5.6. Chất lượng đội ngũ giáo viên (đặc biệt là năng lực sư phạm) tham gia giáo dục đạo đức	34
1.5.7. Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính	35
Tiểu kết chương 1	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	37
2.1. Khái quát về trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì	37
2.1.1. Đặc điểm giáo dục ở nhà trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì	37
2.1.1.1. Quy mô học sinh, lớp học	37
2.1.1.2. Cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	38
2.1.2. Khái quát về địa bàn dân cư phường Vân Phú	39
2.1.3. Hoạt động giáo dục đạo đức của nhà trường	40
2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng	44
2.2.1. Mục đích khảo sát	44
2.2.2. Nội dung khảo sát	43
2.2.3. Phương pháp khảo sát	44
2.2.3.1. Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi	44
2.2.3.2. Phương pháp khảo sát bằng phỏng vấn sâu	45
2.2.3.3. Phương pháp nghiên cứu các tài liệu và kết quả giáo dục đạo đức	45
2.2.4. Đối tượng khảo sát	45
2.2.5. Xử lý kết quả	44
2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay	45
2.3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò, ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	45
2.3.2. Thực trạng nhận thức về mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	46
2.3.3. Thực trạng nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	47
2.3.4. Thực trạng hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh THPT trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	50

2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay	58
2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức	.58
2.4.2. Thực trạng về tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức	59
2.4.3. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh	60
2.4.4. Thực trạng về công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức	61
2.4.5. Thực trạng đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường gia đình và xã hội.....	63
2.5. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì	65
2.5.1. Ưu điểm	65
2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân.....	67
2.5.2.1. Hạn chế.....	67
2.5.2.2. Nguyên nhân.....	68
Tiểu kết chương 2	71
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	72
3.1. Những nguyên tắc đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh	72
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu.....	72
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ.....	72
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi, hiệu quả	72
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông	73
3.2. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay	74
3.2.1. Biện pháp 1: Tổ chức nâng cao nhận thức về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho cán bộ - giáo viên - học sinh và phụ huynh trong bối cảnh hiện nay	74
3.2.1.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp	74

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp.....	74
3.2.1.3. Cách tiến hành biện pháp	75
3.2.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.....	77
3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	77
3.2.2.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp	77
3.2.2.2. Nội dung của biện pháp.....	77
3.2.2.3. Cách tiến hành biện pháp	78
3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.....	80
3.2.3. Biện pháp 3: Quản lý, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh	81
3.2.3.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp	81
3.2.3.2. Nội dung của biện pháp.....	82
3.2.3.3. Cách tiến hành biện pháp	82
3.2.3.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.....	85
3.2.4. Biện pháp 4: Quản lý, đổi mới công tác chủ nhiệm lớp	85
3.2.4.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp	85
3.2.4.2. Nội dung của biện pháp.....	85
3.2.4.3. Cách tiến hành biện pháp	86
3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.....	89
3.2.5. Biện pháp 5: Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho học sinh và phản hồi thông tin để cải tiến	90
3.2.5.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp	90
3.2.5.2. Nội dung của biện pháp.....	90
3.2.5.3. Cách tiến hành biện pháp	91
3.2.5.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.....	93
3.2.6. Biện pháp 6: Quản lý, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội	98
3.2.6.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp	98
3.2.6.2. Nội dung của biện pháp.....	98
3.2.6.3. Cách tiến hành biện pháp	100
3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp.....	101
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	102

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp quản lý được đề xuất.....	103
3.4.1 Mục đích	103
3.4.2. Đối tượng thăm dò ý kiến	103
3.4.3. Cách thức tiến hành	99
3.4.4. Kết quả khảo nghiệm.....	100
Tiểu kết chương 3	107
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	109
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số lớp, học sinh, giáo viên trường THPT KTVT	37
Bảng 2.2: Cơ sở vật chất của trường THPT KTVT	38
Bảng 2.3: Đánh giá của HS về mức độ hành vi vi phạm đạo đức, nội quy trường học, vi phạm pháp luật	40
Bảng 2.4: Đánh giá của lực lượng giáo dục về mức độ hành vi vi phạm đạo đức, nội quy trường học, vi phạm pháp luật	41
Bảng 2.5: Bảng thực trạng nhận thức về vai trò, ý nghĩa của GDĐĐ	45
Bảng 2.6: Kết quả thực hiện mục tiêu GDĐĐ HS	46
Bảng 2.7: Đánh giá của học sinh về thực trạng nội dung GDĐĐ HS	47
Bảng 2.8: Đánh giá của các lực lượng giáo dục về thực trạng nội dung giáo dục đạo đức học sinh.....	48
Bảng 2.9: Thực trạng sử dụng các hình thức GDĐĐ cho học sinh.....	53
Bảng 2.10: Kết quả khảo sát về các phương pháp GDĐĐ cho học sinh	52
Bảng 2.11: Mức độ đánh giá các lực lượng tham gia GDĐĐHS.....	54
Bảng 2.12: Kiểm tra mức độ hình thành nội dung GDĐĐ HS	57
Bảng 2.13. Mức độ lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục đạo đức	58
Bảng 2.14. Triển khai kế hoạch công tác GDĐĐ cho học sinh	59
Bảng 2.15: Chỉ đạo thực hiện kế hoạch quản lý GDĐĐ cho học sinh	60
Bảng 2.16: Mức độ thực hiện các phương thức đánh giá kết quả GDĐĐ	61
Bảng 2.17: Hiệu quả phối hợp với CMHS và các LLGD trong nhà trường.	64
Bảng 2.18: Những ưu điểm trong quản lý GDĐĐ	65
Bảng 3.1: Khảo sát tính cấp thiết của các biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì.....	103
Bảng 3.2: Khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì.....	105

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Biểu đồ:

Biểu đồ 2.1: Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh các khối năm học 2016-2017.....	55
Biểu đồ 2.2: Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh các khối năm học 2017-2018.....	56
Biểu đồ 2.3: Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh các khối năm học 2018-2019.....	56

Sơ đồ:

Sơ đồ 3.1: Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì.....	102
---	-----

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục để phát triển toàn diện luôn con người luôn là mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của giáo dục Việt Nam. Chỉ thị số 32-CT/TW cũng đã nêu "Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục đạo đức không phải là công việc riêng của ngành giáo dục mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị để công tác này ngày càng phát huy cao hơn nữa đến các tầng lớp nhân dân. Vì thế, việc tuyên truyền cần sử dụng các công cụ phương tiện của Nhà nước và xã hội, với lực lượng nòng cốt là ngành tư pháp, từ đó có các biện pháp tuyên truyền và phổ biến thực sự hiệu quả, phong phú, hiện đại sao cho đúng trọng tâm, trọng điểm, địa bàn, đối tượng gắn với giáo dục đào tạo cùng sự tham gia của thành phần với kế hoạch cụ thể của từng ngành, từng lĩnh vực" [9].

Trước viễn cảnh về sự phát triển của giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo dục Việt Nam có những thuận lợi căn bản để đón nhận cơ hội phát triển mà cuộc cách mạng công nghiệp này mang đến, Chúng ta luôn được đánh giá cao trong việc tạo môi trường học tập tích cực, bảo đảm kỷ cương, nề nếp trường học và giúp học sinh có thái độ học tập tốt. Sự tham gia, khuyến khích lớp trẻ từ các bậc cha mẹ học sinh cũng là yếu tố tích cực trong việc hình thành một xã hội học tập

Học sinh THPT là lứa tuổi đang hình thành và phát triển nhân cách. GDĐĐ cho học sinh trung học phổ thông là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình giáo dục ở Việt Nam. Đối với đội ngũ cán bộ giáo viên, đặc biệt là đối với người quản lý thì GDĐĐ học sinh là công việc trọng tâm và vô cùng nan giải, không thể giải quyết trong một thời gian ngắn mà là cả một quá trình có tính lâu dài. Trong tình hình hiện nay, đã có một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên có những biểu hiện chưa ngoan trong học tập, rèn luyện đạo đức dẫn đến thực trạng đạo đức của HS có chiều hướng đi xuống. Nhiều tỉnh, thành HS còn đang ngồi trên ghế nhà trường đã trở thành tội phạm giết người hoặc gây thương tích cho người khác. Nhiều HS đã trở thành hiện tượng mạng nhưng với hình ảnh phản cảm, thiếu đạo đức, làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lí lứa tuổi

Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì(KTVT) cũng không đứng ngoài thực trạng đó, HS chủ yếu ở nông thôn, điều kiện gia đình khá khó khăn. Trong xã hội ngày nay, nhiều gia đình tập trung cho việc phát triển kinh tế, không chăm lo đến sự học hành, đời sống của con trẻ, hàng loạt các tệ nạn xã hội đã tác động rất xấu đến đạo đức học sinh. Đặc thù trường THPT KTVT có vị trí địa lý khá phức tạp, là nơi giáp ranh giữa thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao, Phú Ninh; giáp với trường Cao đẳng nghề Phú Thọ, là trường có nhiều học sinh thường xuyên mắc vào các tệ nạn xã hội; học sinh trường THPT KTVT đến từ 10 phường xã nên lối sống, tập tục khác nhau làm cho việc quản lý, giáo dục học sinh cũng rất khó khăn

Trong năm học 2019 - 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ ban hành Quy định đạo đức, phong cách học sinh với 10 nội dung: kính trọng, lễ phép với người thân, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; đoàn kết, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ bạn học; hành vi, ngôn ngữ ứng xử văn minh, lịch sự; chăm chỉ, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; trung thực trong kiểm tra, thi cử; giữ gìn vệ sinh, quang cảnh trường lớp và nơi công cộng; trang phục, đầu tóc gọn gàng, giản dị, phù hợp lứa tuổi học sinh; không sử dụng điện thoại trong giờ học, không hút thuốc lá, không gây gổ đánh nhau, không nói tục, chửi bậy, không mắc tệ nạn xã hội; không bịa đặt, vu khống, không lợi dụng mạng xã hội làm ảnh hưởng đến nhà trường, danh dự, nhân phẩm nhà giáo và bạn học... Thực hiện nghiêm quy định này, 100% trường học đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; tổ chức cho học sinh ký cam kết thực hiện ngay từ đầu năm học. Đối với cấp tiểu học, chú trọng giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua môn đạo đức; cấp THPT thông qua môn giáo dục công dân. Tăng cường các hoạt động xã hội, từ thiện, sinh hoạt ngoại khóa bằng nhiều hình thức như trò chơi dân gian, hội thi sân khấu hóa, chăm sóc các di tích lịch sử, chăm sóc cây xanh, vệ sinh đoạn đường do nhà trường đảm nhận, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, học sinh nghèo... Thông qua đó góp phần giáo dục học sinh tình yêu quê hương, đất nước, lòng biết ơn các thế hệ đi trước, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”.

Tuy nhiên một số trường trong địa bàn thành phố chỉ chú trọng đến việc trang bị những kiến thức chuyên môn mà chưa quan tâm đến GDĐĐ cho học sinh đúng như yêu cầu. Hiện tượng HS có hành vi như: vô lễ, vi phạm nội quy HS tăng lên trong các nhà trường; hiện tượng lười học, bỏ giờ ngày càng nhiều, truyền thống tôn sư trọng đạo bị chà đạp.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu vấn đề: ***“Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay”***. làm đề tài luận văn Thạc sĩ quản lý giáo dục với mong muốn nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức và các kỹ năng sống cho học sinh THPT, góp phần giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu giáo dục giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận làm tiền đề nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh ở trường trung học phổ thông thành phố Việt Trì nói chung và trường THPT Kỹ thuật Việt Trì nói riêng, đề xuất những biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức học sinh, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì

4. Câu hỏi nghiên cứu

- Những yếu tố nào tác động đến quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT?

- Làm thế nào để quản lý tốt hơn hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì?

5. Giả thuyết khoa học

Học sinh không chỉ được học những kiến thức cơ bản mà còn được rèn dạy về đạo đức. Những giá trị đạo đức căn bản (tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, lòng

yêu thương...) sẽ giúp cho con người sống tốt đẹp hơn. Nhưng dường như những giá trị này đang bị xuống cấp, thể hiện qua những hành vi bạo lực trong nhà trường, những vụ án nghiêm trọng, nhưng hành vi gian lận ở nhiều cấp độ... Vấn đề này đang là sự quan tâm của xã hội hiện nay. Đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc xử lý các mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng hay xã hội, được thừa nhận rộng rãi. Đạo đức quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội nói chung; là những nguyên tắc phải tuân theo trong quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với xã hội, phù hợp yêu cầu của mỗi chế độ chính trị và kinh tế xã hội nhất định. Nếu không tuân theo những "nguyên tắc" ấy thì được gọi là người vô đạo đức. Nếu có những biện pháp quản lý giáo dục đạo đức phối hợp với giáo dục đạo đức đổi mới cả về nội dung, hình thức, phương pháp sẽ nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức góp phần giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu giáo dục giai đoạn hiện nay.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu quản lý giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông thành phố Việt Trì, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, luận văn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và những kinh nghiệm về giáo dục đạo đức cấp THPT

- Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác quản lý giáo dục đạo đức học sinh ở các trường THPT trong thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ để rút ra những ưu, nhược điểm cũng như tìm ra nguyên nhân dẫn đến hạn chế của thực trạng đó đối với trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

- Đề xuất những biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì để thực hiện tốt công tác này

7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

7.1. Giới hạn đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu 219 người trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 04 cán bộ
- + Giáo viên: 80 giáo viên
- + Học sinh: 120 học sinh

+ Lực lượng giáo dục khác: 15 người

7.2. Giới hạn về thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì trong năm học: 2019-2020

Sử dụng số liệu thứ cấp: năm học 2017- 2018; 2018-2019

8. Phương pháp nghiên cứu

Kết hợp một số nhóm nghiên cứu sau

8.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở của đề tài

8.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập các thông tin từ đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo, học sinh và phụ huynh về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

- Phương pháp phỏng vấn được sử dụng để thu thập thông tin về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

- Phương pháp quan sát: nhằm thu thập các thông tin về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm được sử dụng để tổng kết các kinh nghiệm quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì hiện nay

8.3. Phương pháp thống kê số liệu, phân tích thực trạng

Nghiên cứu các báo cáo tổng kết của các nhà trường trong thành phố Việt Trì, của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì về kết quả giáo dục đạo đức học sinh nhằm đúc rút những kinh nghiệm về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay

9. Những đóng góp của đề tài

Luận văn đã làm sáng tỏ thêm nội hàm khái niệm đạo đức học sinh và các đặc trưng biểu hiện suy thoái đạo đức trong bối cảnh kinh tế-xã hội chuyển đổi hiện nay, các giá trị mới và các yếu tố tác động đến nhân cách nói chung và đạo đức nói riêng của học sinh THPT, từ đó phát hiện kịp thời những biểu hiện suy thoái đạo đức của học sinh

Thông qua khảo sát và phân tích thực trạng, luận văn đã chỉ ra được những bất cập trong giáo dục đạo đức học sinh ở trường THPT Kỹ thuật Việt Trì hiện nay, tìm ra nguyên nhân của thực trạng này. Đó là: Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, quản lý còn chưa sát sao thể hiện qua kế hoạch sơ sài, hình thức, thiếu chỉ đạo sát sao hoạt động giáo dục này; sự phối kết hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội chưa được phát huy trong giáo dục đạo đức cho học sinh

Xây dựng các giải pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì nói riêng một cách hiệu quả và thuận tiện cho các nhà trường trên địa bàn thành phố Việt Trì vận dụng.

Xác định được vai trò và mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội về hoạt động giáo dục đạo đức ở cấp THPT.

10. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông trong bối cảnh hiện nay

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Giáo dục đạo đức là một trong những nội dung quan trọng của quá trình giáo dục hình thành và phát triển nhân cách của học sinh, đặc biệt trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Có thể kể đến một số hội thảo, công trình nghiên cứu tiêu biểu về giáo dục pháp luật trong thời gian gần đây như

Ở phương Đông, Khổng Tử coi giáo dục đạo đức là vị trí hàng đầu và quan niệm có tính hệ thống về phương pháp giáo dục cũng như về tâm lý giáo dục. Ông cho rằng sự hiểu biết không phải bẩm sinh mà phải được hình thành qua quá trình học tập, rèn luyện lâu dài, bền bỉ. Qua nhiều năm giảng dạy cũng như nghiên cứu, Ông đã căn dặn học sinh rằng: *Ở nhà thì ăn ở hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài xã hội thì kính trọng nhường nhịn các bậc huynh trưởng; nên ít lời và đã nói thì phải thành thực, nên thân yêu rộng khắp mọi người.* Các đức tính cần phải học tập rèn luyện thì mới có thể phát triển đúng hướng, ứng dụng hoàn hảo như *nhân, trí, tín, trực, dũng, cương* [33].

Ở phương Tây, Nhà triết học Socrate (470 – 399 TCN) coi tính thiện, đạo đức luôn là nguồn gốc của đạo đức con người, tức là có đạo đức là nhờ sự hiểu biết và con người sau khi có hiểu biết mới trở thành đạo đức [19].

Tại Nhật bản thì đạo đức là môn học bắt buộc dành cho học sinh ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. Đạo đức không đơn thuần là một môn học mà còn đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ các khía cạnh trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chương trình giáo dục đạo đức tại Nhật được xây dựng trên nền tảng pháp luật quốc gia với bộ tiêu chuẩn mà tất cả các trường học từ công lập đến tư thục đều phải thực hiện. Trang đầu tiên cuốn sách đạo đức của học sinh Nhật Bản có một lời nhắn nhủ rất tâm huyết: "Bất kỳ đâu, bất kỳ khi nào, bao nhiêu lần đi nữa, các em hãy mở cuốn sách đạo đức, để suy nghĩ xem trong cuộc sống, điều gì là quan trọng nhất đối

với chúng ta và hãy phát huy nó trong đời sống của mình"[12]. Đạo đức có rất nhiều chức năng, trong đó tập trung ở ba chức năng cơ bản là chức năng điều chỉnh hành vi, chức năng giáo dục và chức năng nhận thức.

1.1.2. Các nghiên cứu trong nước

Vấn đề đạo đức luôn được nhiều nhà quản lý giáo dục quan tâm, nghiên cứu và chọn làm đề tài luận văn để nghiên cứu như đề tài “ Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trung học cơ sở thành phố Hà Nội trong bối cảnh hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Thi, “Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh THPT tỉnh Phú Thọ” của Nguyễn Thị Lý, “ Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT” của Lê Thị Ngọc Thảo

Phẩm chất quan trọng nhất của nhân cách đó chính là đạo đức con người. Việc giáo dục đạo đức cho học sinh hiện nay là nhiệm vụ chung của nhà trường, các nhà giáo dục và của toàn xã hội. Việt Nam là đất nước có truyền thống dân tộc với nhiều giá trị tốt đẹp, đó cũng đều nhờ giáo dục mà nên.

Từ các lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác, trở thành những châm ngôn sống, nội dung giảng dạy trong các trường học thời bấy giờ

Nước ta có nhiều sách dạy về luân lý, dạy làm người, dạy giao tiếp từ những năm trước cách mạng tháng 8 năm 1945, như các tác phẩm “Cờ bạc nha phiến”, “Phong hóa điều hành”, “Gia huấn ca”, “Đạo đức và luân lý” của Phan Chu Trinh , “Khổng học đấng” của Phan Bội Châu [18].

Trong các tác phẩm nói về luân lý, dạy làm người thì tác phẩm “Đạo đức và luân lý” của Phan Chu Trinh có tính đề sức mạnh đạo đức, nhân cách, bản lĩnh con người. Theo ông, một dân tộc muốn đứng lên không bị người ta chèn ép thì phải có một nền đạo đức vững chắc, đó là cái tính chất của dân tộc đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử... [18].

Như vậy, mặc dù trải qua nhiều các biến động của lịch sử, điều kiện nghiên cứu và nhận thức con người khác nhau nhưng các nhà lãnh đạo cấp cao đến các học giả, các sĩ phu yêu nước, những nhà nghiên cứu đều rất coi trọng việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm phát triển sự nghiệp giáo dục của đất nước, đặc biệt là giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ. Người rất coi trọng vấn đề GDĐĐ cho con người, nhất là lứa tuổi học sinh. Người luôn có ý thức rất rõ ràng về vị trí, vai trò, sức mạnh của đạo đức. Trong GDĐĐ có ba mối quan hệ cơ bản đó là với mình, với người và với công việc thì luôn được người xem xét, coi trọng. Trong ba mối quan hệ đó, hoạt động của con người hình thành nên những hành vi, chuẩn mực đạo đức, đó là việc mình có nghiêm khắc với chính bản thân hay không? Với gia đình, đối với đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới, đối với quần chúng nhân dân, đối với Đảng và Nhà nước, với kẻ thù thì thái độ của mình như thế nào? Chúng ta thực sự có dành hết tâm huyết với công việc được giao hay không? Điều đó phần nào xác định đạo đức của mỗi người

Trong hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII đã chỉ rõ “Muốn tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá thắng lợi phải phát triển mạnh giáo dục - đào tạo, phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững”, xuất phát từ mục tiêu lấy con người là trung tâm trong giai đoạn phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá, Đảng ta đã chỉ đạo “Mục tiêu chủ yếu là giáo dục toàn diện, đức dục, trí dục, mỹ dục ở tất cả các bậc học, hết sức coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành”. [5]

Những kết quả nghiên cứu của các công trình trên đã giúp tác giả tham khảo, nghiên cứu và định hướng cho việc nghiên cứu đề tài của mình. Đã chỉ ra được rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến đạo đức và sự cần thiết của GDĐĐ. Tuy nhiên, ở tỉnh Phú Thọ nói chung và trường THPT Kỹ thuật Việt Trì nói riêng thì vấn đề GDĐĐ chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống dựa trên đặc điểm đặc thù của nhà trường về lý luận và thực tiễn. Vì vậy qua đề tài này tác giả mong rằng sẽ giúp cho trường THPT KTVT cũng như các trường THPT trong thành phố tìm ra được những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức ở trường phổ thông trong tỉnh nhà

1.2. Các khái niệm cơ bản

1.2.1. Quản lý, quản lý nhà trường

1.2.1.1. Quản lý

Một công việc mà một người lãnh đạo cần học suốt đời, không thấy chán đó chính là quản lý và những gì họ nghiên cứu cho sự khởi đầu công việc lãnh đạo cũng là quản lý. Quản lý có thể hiểu như là nhiệm vụ của một nhà quản lý, nó gồm hai quá trình luôn song hành với nhau. Quá trình “ Quản gồm sự coi sóc, giữ gìn, duy trì ở trạng thái “ ổn định ”; quá trình “ lý ” gồm sửa sang, sắp xếp, đổi mới, đưa hệ vào thế “ phát triển ” [22].

Quản lý là khái niệm được xem xét theo hai khía cạnh khác nhau:

- Theo khía cạnh chính trị-xã hội: quản lý là sự kết hợp giữa tri thức với lao động, giữa lý thuyết với thực hành. Để thực hiện thành công sự kết hợp này cần có một cơ chế quản lý phù hợp với thực tiễn. Để xã hội có thể phát triển được thì phải có cơ chế đúng, hợp lý thì và ngược lại thì xã hội kém phát triển, tụt hậu

- Theo khía cạnh các trường phái QLGD: quản lý được hiểu là chỉ huy, điều khiển, điều hành.

Ta có thể đi đến định nghĩa từ những cơ sở lý luận trên, như sau:

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực, các thời cơ của tổ chức để đạt mục tiêu đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động

1.2.1.2. Quản lý nhà trường

Nhà trường là một tổ chức chính trị, ở đó tiến hành quá trình dạy và học, chủ thể trực tiếp được giáo dục là con người. Hoạt động đặc trưng của nhà trường chính là hoạt động dạy học. Hoạt động dạy học là hoạt động có kế hoạch, mục tiêu có sự lãnh đạo của nhà quản lý, có sự hoạt động của người học. Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho các nội dung nói trên đạt được các mục tiêu mà xã hội đó đặt ra

Nhà trường là nơi tổ chức QL quá trình giáo dục. Quá trình này gồm hoạt động của chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục luôn gắn bó, tương tác, hỗ trợ nhau tựa vào nhau để thực hiện mục tiêu theo yêu cầu của xã hội. Cụ thể, QL nhà trường là hệ thống những tác động của hiệu trưởng đến giáo viên, cán bộ, nhân viên và học

sinh trong trường nhằm đẩy mạnh các hoạt động của nhà trường theo nguyên lý giáo dục, đạt được mục tiêu giáo dục hợp với quy luật và quy chuẩn đề ra.

Nội hàm của khái niệm QL nhà trường được nhiều tác giả trong và ngoài nước diễn tả theo nhiều góc độ khác nhau. Để đẩy mạnh những hoạt động của nhà trường theo mục tiêu đào tạo thì QL nhà trường phải vận dụng tất cả các nguyên lý chung của QLGD. QL nhà trường cần thực hiện một cách toàn diện, chú trọng hoàn thiện và phát triển nhân cách cho HS một cách hiệu quả, hợp lý và khoa học. Do vậy muốn thực hiện công tác QL giáo dục có hiệu quả cần phải xem xét đến những điều kiện đặc thù của mỗi nhà trường, quan tâm thực hiện việc cải tiến công tác QLGD đối với nhà trường, nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân.

QL nhà trường cũng chính là một bộ phận của QLGD, QL nhà trường là những tác động sư phạm khoa học có hệ thống và có tính định hướng của chủ thể QL đến GV, HS và các lực lượng giáo dục khác để nhà trường hoạt động theo đúng đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng trong thực tiễn Việt Nam.

1.2.2. Đạo đức, giáo dục đạo đức

1.2.2.1. Đạo đức

Có rất nhiều những quan điểm khác nhau khi tiếp cận khái niệm đạo đức. Theo tác giả, đạo đức là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội, con người có thể nhờ vào đó mà tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng và xã hội. Một người có đạo đức là một người có sự rèn luyện và thực hành các lời răn dạy về đạo đức, có lối sống chuẩn mực và có nét đẹp trong đời sống và tâm hồn. Đạo đức có những biểu hiện như sau:

Theo phạm vi hẹp: đạo đức được thể hiện trong phong cách sống của mỗi người, rèn luyện ý chí theo các bậc tiền nhân, có quy tắc ứng xử, tư duy tốt đẹp.

Theo phạm vi cộng đồng: đạo đức thể hiện qua những quy tắc ứng xử dựa trên những đạo lý xưa nay và phong tục của địa phương, cộng đồng. Có thể nói, đạo đức chính là một nét đẹp trong truyền thống văn hóa.

Theo phạm vi xã hội: khi xã hội bị hỗn loạn và thiếu chuẩn mực, đạo đức sẽ là yếu tố đầu tiên được nhắc đến. Lúc này sẽ xuất hiện những chuẩn mực cơ bản nhất để tạo dựng nền tảng đạo đức mới cho xã hội.

Các giá trị đạo đức ở Việt Nam là sự kết hợp giữa truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc với xu hướng tiến bộ của thời đại. Đạo đức không ở đâu xa, đó chính là tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, là lòng yêu quê hương đất nước, là cách sống và làm việc theo pháp luật, lối sống văn minh lành mạnh... Sự phát triển của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đã khiến cho các quy tắc và chuẩn mực đạo đức dần bị biến đổi và mai một. Những giá trị đạo đức cũ bị mất đi và thay thế bằng giá trị đạo đức mới. Do đó, mỗi bản thân chúng ta cần phải biết nhận thức đúng đắn về giá trị đạo đức để có lối hành xử phù hợp

Trong luận văn này quan niệm: Đạo đức là một hệ thống các qui tắc, các chuẩn mực của cộng đồng xã hội nhằm điều chỉnh hành vi và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội.

1.2.2.2. Giáo dục đạo đức

Để hình thành nhân cách cho học sinh phổ thông thì GDĐĐ là một vấn đề cốt lõi, mang tính quyết định, GDĐĐ là cả một quá trình được chuẩn bị đầy đủ về kế hoạch, tri thức và chiến lược đào tạo lâu dài, từ đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến trừu tượng.

GDĐĐ là một quá trình hai mặt, mặt chủ thể từ việc tiếp nhận của người được giáo dục và mặt tác động của nhà sư phạm, xuất phát từ những nhu cầu, phát triển của xã hội và được hình thành những phẩm chất bên trong của cá nhân. Nhà trường là nhân tố chủ đạo trong quá trình GD nhưng chúng ta không thể loại trừ các tác nhân quan trọng khác là gia đình và xã hội, vì vậy gia đình, nhà trường và xã hội là ba thành tố của GDĐĐ. Sự phát triển giáo dục của nhà trường có thể tăng lên rất nhanh nếu trình độ văn hóa của gia đình và xã hội tốt nhưng cũng có thể diễn biến xấu đi kết quả quá trình giáo dục rất công phu của thầy cô giáo trong nhà trường. GDĐĐ được hợp thành từ ba bộ phận giáo dục, bao gồm: Giáo dục kiến thức đạo đức; Giáo dục thái độ đạo đức; Giáo dục kỹ năng - hành vi đạo đức. Những năm gần đây, công tác GDĐĐ, lối sống cho HS đã được quan tâm nhiều hơn tuy nhiên một số công tác GDĐĐ chưa được đồng bộ, vẫn bộc lộ những hạn chế, bất cập, thể hiện qua số HS vi phạm chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật còn nhiều, có xu

hướng diễn biến phức tạp. Do đó, phải những giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho HS

Bản chất GDĐĐ là chuỗi tác động có định hướng của LLGD và yếu tố tự giáo dục của HS, để HS nhận thức đúng, hình thành hành vi văn minh trong cuộc sống, phù hợp với chuẩn mực xã hội, tình cảm và thái độ đúng, hình thành những thói quen. Trong cuộc sống, nhân cách con người mới được hình thành và phát triển thông qua hoạt động, thông qua giao lưu giữa người với người

GDĐĐ có nhiệm vụ rèn luyện ý trí, thái độ, thói quen và hình thành ở người học các phẩm chất đạo đức như tính trung thực, khiêm tốn, tự trọng, lòng dũng cảm, nhân ái, yêu tổ quốc, yêu lao động...GDĐĐ không thể tách rời với giáo dục trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục chính trị, giáo dục pháp luật và lao động hướng nghiệp.

GDĐĐ giúp đối tượng giáo dục nâng cao nhận thức được các giá trị đạo đức, góp phần tạo ra những giá trị đạo đức mới, xây dựng những phẩm chất đạo đức mới và hình thành quan niệm sống tích cực cho mỗi đối tượng giáo dục. Hơn nữa, GDĐĐ đã góp phần khắc phục những quan điểm đạo đức lạc hậu, sự lệch chuẩn các giá trị nhân cách, chống lại các hiện tượng phi đạo đức, vô văn hóa tạo ra cơ chế phòng ngừa các phản giá trị đạo đức, phản văn hóa trong mỗi một con người. GDĐĐ giúp cho thế hệ sau tiếp nối những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp mà từ đời này qua đời khác mà chúng ta đã dày công xây dựng và giữ gìn.

1.2.3. Hoạt động giáo dục đạo đức

GDĐĐ trong nhà trường là một hoạt động của quá trình hoạt động sư phạm tổng thể. Nó có quan hệ chặt chẽ với các những hoạt động giáo dục bộ phận khác như: giáo dục trí tuệ, giáo dục thể chất, giáo dục lao động, giáo dục thẩm mỹ và giáo dục hướng nghiệp

Hoạt động GDĐĐ sẽ hình thành và phát triển các phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho HS, xây dựng các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, với cộng đồng - xã hội, với lao động, với tự nhiên một cách đúng mực. Hoạt động GDĐĐ phải có sự lựa chọn về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp với lứa tuổi và với vai trò chủ đạo của nhà giáo dục. Hoạt động GDĐĐ phải có sự đa dạng, đảm bảo

được các mối quan hệ như: giáo dục thể chất, tinh thần; giáo dục tư tưởng chính trị, tư tưởng; giáo dục cho HS các phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người mới

Hoạt động GDĐĐ là các hoạt động có định hướng của chủ thể giáo dục và yếu tố tự giáo dục của HS, giúp HS chuyển hóa những chuẩn mực, qui tắc đạo đức... từ bên ngoài xã hội thành cái của riêng mình. Hoạt động GDĐĐ không chỉ đơn thuần là việc truyền thụ lý thuyết, khái niệm, những tri thức đạo đức, mà kết quả GDĐĐ phải được thể hiện qua hành động thực tế, tình cảm, niềm tin của học sinh.

GDĐĐ trong nhà trường chỉ đạt được kết quả khi nhà giáo dục biết tổ chức hoạt động một cách phù hợp, đa dạng về hình thức, khơi dậy được tính tích cực, chủ động sáng tạo và tự giáo dục của người học. Qua đó GDĐĐ cho học sinh về giáo dục truyền thống tốt đẹp của ông cha ta, giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc và sự kế thừa, tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại; giúp cho học sinh thấy được và biết giữ gìn những thành quả Cách mạng, chuyển hoá những cái tốt đẹp đó thành phẩm chất nhân cách của mình, phục vụ cho cuộc sống xã hội.

Như vậy, giáo dục đạo đức là những tác động sư phạm một cách có mục đích, có hệ thống và có kế hoạch của nhà giáo dục tới người được giáo dục (học sinh) để bồi dưỡng cho họ những phẩm chất đạo đức (chuẩn mực, hành vi đạo đức) phù hợp với yêu cầu của xã hội.[24]

1.2.4. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

Hoạt động giáo dục đạo đức là một hoạt động đặc biệt của con người, là hoạt động có mục đích, có chương trình, có kế hoạch vì vậy hoạt động GDĐĐ cũng cần có quản lý như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Quản lý hoạt động GDĐĐ là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý nhằm giúp hoạt động GDĐĐ giúp mọi người trong xã hội nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng, từ đó đạt được kết quả mong muốn, cho thấy tính cấp thiết của công tác giáo dục đạo đức trong xã hội.

Quản lý hoạt động GDĐĐ nhằm mục đích đảm bảo việc giáo dục đạo đức người học, đảm bảo sự phát triển toàn diện và hài hòa. Trên cơ sở nhận thức cũng

như sử dụng những quy luật khách quan của sự phát triển về tâm lý và thể chất của người học, của quá trình dạy học và giáo dục

Quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường là sự tác động có chủ đích, có căn cứ khoa học, hợp quy luật và phù hợp các điều kiện khách quan của Hiệu trưởng tới các lực lượng giáo dục, học sinh và các điều kiện hỗ trợ nhằm phát huy sức mạnh các nguồn lực giáo dục, từ đó đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra với chất lượng, hiệu quả cao nhất

Như vậy, có thể định nghĩa quản lý hoạt động giáo dục đạo đức là tác động có tổ chức, có mục đích của nhà quản lý lên đối tượng quản lý nhằm điều phối, điều chỉnh, giám sát các kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh

1.3. Giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

1.3.1. Vị trí, vai trò của giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

GDĐĐ cho HS trong bối cảnh toàn cầu hóa ở Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng. Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tác động rất lớn đến thế hệ trẻ. Những tệ nạn xã hội mang ảnh hưởng rất lớn đến đạo đức, lối sống của học sinh phổ thông, đã không ít HS mắc vào các tệ nạn xã hội từ rất sớm.

Lịch sử xã hội loài người đã khẳng định tầm quan trọng của GDĐĐ trong quá trình tổ chức thiết lập, duy trì trật tự, ổn định và phát triển xã hội. Tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội mà sự tác động của đạo đức đến cá nhân và xã hội có khác nhau. Vai trò của GDĐĐ được thể hiện như sau:

GDĐĐ góp phần nhân đạo hóa con người và xã hội loài người, giúp con người sống thiện, sống có ích.

Qua các nghiên cứu lý luận cho thấy vị trí, vai trò quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh trung học phổ thông là hết sức quan trọng, là yếu tố ảnh hưởng mang tính quyết định đến chất lượng hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh. Lứa tuổi HS THPT đang trong độ tuổi mà tâm sinh lý có sự chuyển biến mạnh mẽ, rất thích khám phá cái mới nhưng chưa đủ nhận thức và bản lĩnh do đó dễ bị lôi kéo bởi các tác động tiêu cực trong đời sống xã hội, nhất là sự tác động của mặt trái cơ chế thị

trường. Do đó, việc xác định rõ vị trí, vai trò GDĐĐ và quản lý công tác giáo dục đạo đức cho học sinh THPT là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách đối với tất cả các trường nói chung

1.3.2. Mục tiêu của giáo dục đạo đức của học sinh trung học phổ thông

Mục tiêu GDĐĐ trong NT THPT là giúp cho học sinh có được những tri thức cần thiết về đạo đức, tri thức, văn hóa, giao tiếp ứng xử, học tập, lao động, hoạt động xã hội. Thông qua hoạt động giáo dục này để hình thành ở HS thái độ đúng đắn, tình cảm, niềm tin đạo đức trong sáng đối với bản thân, mọi người xung quanh, xây dựng cho HS những chuẩn mực đạo đức xã hội, thực hiện tốt quy định của pháp luật, nỗ lực học tập rèn luyện, tích cực công hiến sức lực, trí tuệ vào sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. Cụ thể, mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT là:

Một là: Phải có tinh thần yêu nước, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội

Đây là đức tính có tính xuyên suốt trong quá trình GDĐĐ cho HS. Yêu nước thể hiện thông qua ý trí, hành động để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội

Hai là: Phấn đấu vì lợi ích chung của tập thể, đoàn kết, đùm bọc

Đây là những phẩm chất quý báu của dân tộc ta. Nhờ có sự đoàn kết mà dân tộc ta đã tạo nên một sức mạnh to lớn và giành thắng lợi to lớn, vẻ vang trước các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc xâm lược. Trong công cuộc đổi mới đất nước, đẩy mạnh CNH – HĐH, tăng cường ý thức tập thể, tinh thần đoàn kết chính là thể hiện trách nhiệm của bản thân với tập thể, với cộng đồng trong thực hiện mục tiêu chung; mỗi người phải tự đấu tranh với chính mình, ra sức tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống, học tập và làm việc vì lợi ích chung.

Ba là: Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Mỗi cá nhân không ngừng tự tu dưỡng rèn luyện,

thực hành những chuẩn mực xã hội, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, biết lắng nghe và điều chỉnh hành vi đạo đức nhằm hoàn thiện mình.

Bốn là: Lao động chăm chỉ để nâng cao hiệu quả, làm việc phải có lương tâm, có kỹ thuật, sáng tạo, phát triển lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

Người học, nhất là thế hệ trẻ mà có ý thức, tổ chức kỷ luật thì các việc làm sẽ có năng suất cao, chất lượng, hiệu quả. Đã lao động phải cố gắng vì sự phát triển của đất nước, làm việc chăm chỉ và có lương tâm, trách nhiệm của mình với công việc, với sản phẩm của mình làm ra; lao động gắn lợi ích quốc gia, dân tộc,.

Năm là: Thường xuyên học hỏi, không ngừng nâng cao hiểu biết trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực [34].

Học suốt đời và luôn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là điều mà thế hệ trẻ đang hướng tới. Học để làm người, làm cán bộ, học để phục vụ nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Trách nhiệm thế hệ trẻ đối với sự nghiệp đổi mới rất to lớn, vì vậy người học phải thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực là yêu cầu vô cùng cần thiết.

1.3.3. Đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh trung học phổ thông

Học sinh THPT còn gọi là tuổi thanh niên, là giai đoạn phát triển mạnh nhất của lứa tuổi học sinh. Lứa tuổi có tâm lý có sự thay đổi mạnh mẽ, có tác động lớn đến quá trình học tập và sinh hoạt.

Lứa tuổi này thường thể hiện tính chất phức tạp và nhiều mặt của hiện tượng, nó được giới hạn ở hai mặt: tâm lý và sinh lý. Trong thời kỳ này, các giai đoạn của sự phát triển tâm sinh lý không phải lúc nào cũng trùng hợp với các thời kỳ trưởng thành về mặt xã hội nên đây là vấn đề khó khăn và phức tạp. Có nghĩa là thể chất, nhân cách trí tuệ, năng lực lao động trưởng thành nhưng sẽ không trùng hợp với thời gian phát triển của lứa tuổi. Công tác GDĐĐ cho học sinh THPT cần lưu ý nhiều hơn tới ảnh hưởng của nhóm - hội tự phát ngoài nhà trường để có thể tránh được những hậu quả xấu của nhóm tự phát này mang lại. Để làm được điều đó nên tổ chức các hoạt động tập thể (như là các nhóm chính thức) thật phong phú, sinh động. Ở trường THPT thì Đoàn thanh niên giữ vai trò quan trọng trong công tác này

Đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi học sinh THPT có những biểu hiện cụ thể như sau :

1.3.3.1. Về thể lực và trí tuệ

Dưới tác dụng sinh lí của tuyến yên và tuyến sinh dục, ở trẻ diễn ra hàng loạt những thay đổi nhanh chóng hình dáng của cơ thể. Đây là thời kì thể lực của cơ thể phát triển sung mãn, sinh lực dồi dào có tính đột biến (bước ngoặt).

Ở thời kì này, các em đạt được sự trưởng thành về mặt cơ thể. Thể chất của các em đã bước vào thời kì phát triển hài hòa, cân đối. So với người trưởng thành thì cơ thể của các em đã đạt tới mức phát triển, nhưng sự phát triển của các em còn kém so với người lớn, các em có khả năng tư duy lí luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập sáng tạo trước các đối tượng đã biết đã đọc.

Có thể thấy về mặt trí tuệ thông thường của các em đã được hình thành và chúng vẫn còn tiếp tục được hoàn thiện.

1.3.3.2. Về mặt tính cách, tình cảm và nhân cách

Học sinh THPT là đối tượng của giáo dục pháp luật kết hợp với GDĐĐ phần lớn trong độ tuổi từ 15 đến dưới 18. Đây là tuổi chưa thành niên theo quy định của pháp luật Việt Nam. Lứa tuổi này có sự chuyên biến mạnh mẽ về thể chất cũng như tâm sinh lí. Trong giai đoạn này, các em thường bộc lộ những nét tính cách đặc biệt có ảnh hưởng đến quá trình giáo dục, nhận thức, hành động như: tâm lý thích cái mới (cả cái mới tích cực lẫn tiêu cực); nhiệt tình, sôi nổi, chân thành; thích tìm hiểu, khám phá, sáng tạo; giàu óc tưởng tượng; tò mò hay bắt chước; nhiều mơ ước, dễ kết bạn, xả thân vì bạn, thích hoạt động tập thể...

Tuy nhiên, hạn chế của lứa tuổi này là sự thiếu kinh nghiệm sống, sự từng trải, bồng bột, hấp tấp vội vàng, cả tin, dễ mắc cảm, hay thần tượng hóa (thường là chủ quan), dễ bốc đồng và tổn thương. Điều này khiến các em rất dễ bị kích động, bị lợi dụng. Mặt khác, tính ham hiểu biết ở giai đoạn phát triển cũng dễ dàng dẫn các em đi vào con đường phiêu lưu mạo hiểm, những hành động cực đoan, gây hậu quả khó lường cho xã hội. Trách nhiệm của chúng ta là phải lắng nghe, theo dõi đến ý kiến của các em, từ đó kịp thời có biện pháp phù hợp để giúp đỡ các em có được hình mẫu về nhân cách của học sinh THPT.

Như vậy, ham học hỏi, thích cái mới, tò mò, hay bắt chước làm theo là những đặc trưng nổi bật của tuổi vị thành niên. Chính sự thay đổi về tâm sinh lý ở độ tuổi giao nhau giữa trẻ con và người lớn mà cái tốt lẫn cái xấu của môi trường xung quanh các em đều có thể tiếp thu rất nhanh, từ nhận thức đến hành vi chỉ là một khoảng cách rất ngắn. Do đó, việc quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của các em là nhờ giáo dục đúng lúc, đúng hướng của NT, GD và XH

Để thực hiện tốt công tác giáo dục nói chung, cũng như GDĐĐ nói riêng, đòi hỏi các chủ thể giáo dục phải có kiến thức và nắm vững các đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi để lựa chọn cách thức tác động phù hợp. Học sinh THPT là những đối tượng cần được giáo dục đặc biệt, quan tâm bảo vệ, chăm sóc trong mọi lĩnh vực, nhất là GDĐĐ, nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện.

1.3.4. Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức của học sinh trung học phổ thông

1.3.4.1. Nội dung giáo dục đạo đức

Nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THPT rất rộng, bao hàm nhiều vấn đề với trọng tâm là hướng đến "chân-thiện-mỹ", phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc, địa phương. Nội dung GDĐĐ cho HS THPT phải căn cứ vào nhận thức tư tưởng, chính trị; nghĩa vụ công dân, hướng vào những đức tính hoàn thiện bản thân, hướng vào tính nhân văn, lợi ích cộng đồng, xây dựng môi trường sống. Nội dung GDĐĐ cần bám sát vào chương trình của các môn văn hóa và tổ chức các hoạt động giáo dục khác kết hợp với giáo dục văn hóa, truyền thống dân tộc, địa phương.

Có thể xác định hệ thống chuẩn mực đạo đức theo năm nhóm phản ánh mối quan hệ chính mà con người phải giải quyết sau đây:

Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện nhận thức tư tưởng chính trị (tư tưởng sống của cá nhân phù hợp với yêu cầu đạo đức xã hội): Nhóm chuẩn mực đạo đức này bao gồm: Có lý tưởng chủ nghĩa xã hội, thực hiện CNH- HĐH đất nước; Yêu quê hương, đất nước; Tự cường và tự hào dân tộc chính đáng; Tin tưởng vào Đảng và đường lối mới của Đảng, của nhà nước. Ý nghĩa của những chuẩn mực đạo đức thể hiện tư tưởng chính trị sẽ góp phần định hướng lẽ sống (lý tưởng sống) cho mỗi cá nhân. Đạo đức cao nhất của mỗi con người là sống và làm việc vì "Dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà trước mắt là thực hiện mục tiêu CNH – HDH đất nước.

Nhóm những chuẩn mực đạo đức hướng vào sự tự hoàn thiện bản thân bao gồm các chuẩn mực sau: Nhóm chuẩn mực đạo đức này bao gồm: Tự trọng (tự tin vào bản thân, tin vào sự phát triển của đất nước); tự lập (không ỷ lại vào người khác); giản dị, trung thực (không lừa dối người khác và chính lương tâm của mình); siêng năng, hướng thiện (trong suy nghĩ và hành động), biết kiểm chế, biết hối hận.

Nhóm những chuẩn mực đạo đức thể hiện quan hệ với mọi người, với dân tộc khác: Đó là: Nhân nghĩa cụ thể là biết ơn (tổ tiên, cha mẹ, thầy cô, người có công với dân, với nước và kính trọng người đã sinh thành, nuôi dưỡng, giúp đỡ những người có nhân cách); yêu thương, khoan dung, vị tha, hợp tác (đồng cảm, biết chia sẻ, đoàn kết, hữu nghị); bình đẳng; lễ độ, lịch sự, tôn trọng mọi người,...

Nhóm những chuẩn mực đạo đức thể hiện quan hệ đối với công việc: Đó là: Trách nhiệm cao; có lương tâm; tôn trọng pháp luật; tôn trọng lẽ phải (chân lý); dũng cảm, liêm khiết. Những giá trị đạo đức này thể hiện nhận thức, thái độ, chất lượng hiệu quả hoạt động của cá nhân đối với nhiệm vụ học tập, lao động ... Những giá trị trên sẽ là động lực giúp mỗi cá nhân nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thiện nhân cách, học tập và hoạt động xã hội.

Nhóm chuẩn mực liên quan đến xây dựng môi trường sống gồm: tự nhiên, văn hóa và xã hội: Đó là: Xây dựng và giữ gìn, bảo vệ tài nguyên, môi trường tự nhiên, xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội bình đẳng dân chủ, văn minh, bảo vệ phát huy truyền thống, di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại.

Những giá trị trên có liên quan đến nghĩa vụ của công dân trong việc xây dựng môi trường sống của con người bao gồm: gia đình, cộng đồng nơi ở, đoàn thể cơ sở của mỗi công dân như Đảng, Đoàn, Đội, các Hội quần chúng, địa phương, quốc gia, quốc tế.

Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội có mối quan hệ với nhau tạo ra môi trường sống của con người. Giữ gìn, xây dựng, bảo vệ môi trường sống là vấn đề bức xúc của thời đại ngày nay, đòi hỏi mọi người phải có lương tâm, phải có những chuẩn mực đạo đức nhất định.

Con người là sản phẩm đồng thời là chủ thể của lịch sử và được sinh ra trong mỗi một gia đình lịch sử xã hội nhất định sẽ chịu sự tác động mạnh mẽ của hệ thống đạo đức xã hội và chính bản thân con người cũng tác động trở lại hệ thống đó. Môi trường đạo đức tác động đến cá nhân bằng nhận thức đạo đức và thực tiễn đạo đức. Nhận thức đạo đức giúp cho đạo đức xã hội chuyển hóa thành ý thức đạo đức cá nhân. Thực tiễn đạo đức là hiện thực hóa nội dung giáo dục đạo đức bằng hành vi đạo đức trong cuộc sống. Các hành vi này lặp đi lặp lại trong đời sống xã hội và cá nhân hình thành nên thói quen, truyền thống, tập quán đạo đức. Để giáo dục đạo đức đạt hiệu quả cao, cần giáo dục đạo đức với những nội dung cơ bản sau:

Giáo dục tri thức đạo đức: Tri thức được coi là nhân tố cốt lõi, cơ bản nhất của ý thức con người. Tri thức có nhiều nhiều mức độ, lĩnh vực khác nhau nhưng trong đó tri thức đạo đức có vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành, phát triển nhân cách con người.

Tri thức đạo đức thông thường là những tri thức mà sự ra đời của tri thức thương gắn liền với sự hình thành của xã hội loài người.

Giáo dục tình cảm đạo đức: Tình cảm là những thái độ thể hiện sự rung cảm, một hình thái đặc biệt của con người đối với sự vật, hiện tượng có liên quan đến nhu cầu và động cơ. Mọi hoạt động của con người được chi phối bởi tình cảm và là một trong những động lực quan trọng của hoạt động con người.

Ý thức đạo đức được cấu thành từ nhiều yếu tố, trong đó tình cảm đạo đức là một yếu tố chủ đạo. Giáo dục tình cảm đạo đức có nhiều ảnh hưởng tích cực và ngày càng có ý nghĩa cấp thiết ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, những ảnh hưởng tiêu cực của nó cũng sẽ làm suy giảm tình cảm đạo đức, tình cảm gắn kết với con người với tập thể và với xã hội. Xã hội ngày càng phát triển, đời sống đạo đức trong gia đình có chiều hướng suy giảm gây ảnh hưởng đến việc duy trì hạnh phúc của gia đình. Một số cán bộ, đảng viên xem nhẹ việc giáo dục và tự giáo dục đạo đức. Do vậy, cùng với sự điều tiết cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giáo dục tình cảm đạo đức sẽ góp phần tích cực khắc phục tình trạng đó, bồi đắp lại những tình cảm đạo đức tốt đẹp đó của con người [25].

Giáo dục lí tưởng đạo đức: Một yếu tố quan trọng cấu thành nên ý thức đạo đức cá nhân chính là lí tưởng đạo đức. Giáo dục lí tưởng có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng, củng cố tình cảm, niềm tin, bản lĩnh chính trị, qua đó xây dựng thế hệ trẻ có hoài bão, lí tưởng, khát vọng[25].

Vì vậy, GDDĐ với tư cách là quá trình làm hình thành và phát triển ý thức đạo đức con người, cũng đồng thời là quá trình phát triển năng lực hoạt động đạo đức hay nói cách khác là đánh giá và thực hiện hành vi đạo đức của con người.

Giáo dục giá trị đạo đức: Giá trị đạo đức bao gồm những giá trị đạo đức cá nhân, giá trị đạo đức cách mạng, giá trị truyền thống của dân tộc và tinh hoa đạo đức nhân loại. Vì thế, nó trở thành một triết lý xã hội, một hình thức giáo dục đạo đức sâu sắc. Giáo dục cho học sinh chủ nghĩa yêu nước; truyền thống đoàn kết “lá lành đùm lá rách”, truyền thống lạc quan, yêu đời và giáo dục truyền thống cần cù, sáng tạo,...

Giáo dục cho học sinh có được giá trị đạo đức cách mạng. Đó là thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng và của nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân, hết lòng phục vụ nhân dân, luôn luôn tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng chính trị của Đảng [21].

Giáo dục đạo đức cho học sinh về tinh hoa đạo đức nhân loại: Giá trị đạo đức phương Đông được thể hiện rõ nét trong Nho giáo đó là triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời; là lí tưởng về một xã hội bình trị. Bên cạnh đó, là những giá trị phật giáo như giáo dục tư tưởng vị tha, nếp sống giản dị, giáo dục tính bình đẳng, dân chủ và đề cao lao động. Giá trị đạo đức phương Tây được thể hiện qua lòng nhân ái, chủ nghĩa nhân văn, quyền tự do[21].

1.3.4.2. Hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông

Cũng như tất cả các loại hình giáo dục khác, giáo dục đạo đức đòi hỏi một hệ thống các hình thức giáo dục thống nhất và đa dạng. Điều đó được quy định trước hết tính đa dạng của đối tượng giáo dục về mặt tuổi tác, nghề nghiệp, điều kiện sinh sống, học vấn và những đặc điểm xu hướng, tính cách. Trong quá trình xã hội hóa giáo dục nói chung, xã hội hóa giáo dục đạo đức nói riêng, đã và đang xuất hiện nhiều hình thức giáo dục cụ thể và hiệu quả. Trường trung học cơ sở nằm trong hệ

thống giáo dục quốc dân nên cũng có những hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh nói chung.

Hình thức GDĐĐ cho HS THPT rất đa dạng và phong phú, không chỉ đóng khung trong các trường học với các giờ giảng trên lớp mà còn đưa các nội dung, chủ đề giáo dục vào mọi hoạt động thực tiễn của cá nhân và tập thể học sinh tại trường lớp, ngoài xã hội qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp như: sinh hoạt dã ngoại, lao động công ích, thể thao, văn nghệ, tham quan,...

Hiện nay các nhà trường có nhiều hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh được sử dụng, nhưng nhìn chung có thể chia thành 3 loại sau đây:

Giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các môn học: Mỗi môn học đều có nội dung, mục tiêu khác nhau. Các em có nhận thức đúng đắn về một số giá trị đạo đức cơ bản, về các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua các môn học

Giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Mục tiêu giáo dục toàn diện ngày càng được chú trọng trong các hoạt động giáo dục hiện nay, các hoạt động ngoài giờ lên lớp góp phần hình thành nhân cách HS. Các hoạt động tập thể, vui chơi sinh hoạt chủ điểm, văn nghệ, thể dục thể thao giúp HS được vui chơi, thư giãn và bộc lộ được những tài năng, giúp học sinh trải nghiệm và hình thành các quan hệ đạo đức, rèn luyện các hành vi đạo đức phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

Thông qua hoạt động này, học sinh có điều kiện rèn luyện ý chí, nghị lực, tinh thần trách nhiệm, có cơ hội mở rộng và hài hòa các mối quan hệ khác nhau trong xã hội.

Giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua sự giáo dục với gia đình và các lực lượng ngoài xã hội: Sự phối hợp này thể hiện chức năng xã hội hóa trong vấn đề giáo dục đạo đức và có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiệm vụ của các CBQL và các nhà giáo dục là phải thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin kịp thời để tìm ra biện pháp tốt nhất trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh, tạo mối đồng thuận cao giữa NT, GD và XH.

1.3.4.3. Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh là cách thức tác động của các nhà giáo dục lên đối tượng giáo dục để hình thành cho đối tượng giáo dục những chuẩn mực đạo đức cần thiết phù hợp với đạo đức xã hội hiện đại.

Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT rất phong phú, đa dạng, kết hợp giữa các phương pháp truyền thống và các phương pháp hiện đại, được thể hiện ở các phương pháp sau:

Phương pháp đàm thoại: Giáo viên và Học sinh sẽ tương tác với nhau qua hệ thống những câu hỏi; HS sẽ tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã tích lũy được trong cuộc sống [35]

Phương pháp nêu gương: Giáo viên dùng những tấm gương điển hình về phẩm chất đạo đức, hành vi để HS có thể học tập, noi theo. Giáo viên cần lựa chọn những điển hình phù hợp với HS khi sử dụng phương pháp này (những tấm gương có thật và tồn tại ngay trong cuộc sống hàng ngày, có tính chân thực và phù hợp với đối tượng cần giáo dục) và chủ yếu sử dụng những tấm gương tốt[35]

Phương pháp dự án: Đây là phương pháp mà học sinh cần thực hiện trong một thời gian dài, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa giáo dục nhận thức với giáo dục các phẩm chất nhân cách cho học sinh. Phương pháp này HS được rèn luyện tính tự lập cao, từ việc lập kế hoạch hành động đến việc thực hiện dự án với nhóm bạn bè, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện[35]

Phương pháp GDDĐ cho học sinh THPT rất đa dạng. Vì vậy, các nhà QLGD và GD cần phải vận dụng linh hoạt phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và từng tình huống cụ thể.

1.4. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường trung học phổ thông

1.4.1. Tổ chức nghiên cứu đặc điểm của học sinh, bối cảnh nhà trường, chương trình giáo dục đạo đức, lập kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

1.4.1.1. Tổ chức nghiên cứu đặc điểm của học sinh, bối cảnh nhà trường, chương trình giáo dục đạo đức

Nhà trường là cơ quan thực hiện chức năng giáo dục và đào tạo con người. QL nhà trường cũng chính là hoạt động quản lý sư phạm của giáo viên và HS, diễn ra trong quá trình dạy học, giáo dục.

Theo giáo sư Phạm Minh Hạc “QL nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, được nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục- với thế hệ trẻ- với trường học” [21].

Để nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường, cần phân nghiên cứu đặc điểm học sinh nhà trường, phân chia theo đối tượng để giáo dục, cùng với đó là điều kiện và bối cảnh nhà trường để đưa ra chương trình giáo dục đạo đức phù hợp. Các nhà trường là cơ quan giáo dục của nhà nước trong đó Hiệu trưởng có trách nhiệm QL nhà trường, QLGD. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn bộ đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường, trong đó có giáo dục đạo đức.

Quản lý GDĐĐ cho HS được thể hiện ở các chức năng QL giáo dục thông qua các hoạt động như: kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá

1.4.1.2. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

Việc xây dựng kế hoạch phải căn cứ đầu tiên vào nội dung GDĐĐ. Kế hoạch hoá là một nội dung và là một chức năng quan trọng nhất của QL. Từ những vấn đề mang tính vĩ mô đến những vấn đề mang tính vi mô trong mỗi giai đoạn. Hiệu trưởng khi xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho học sinh cần dựa trên những cơ sở sau:

Những kết quả của GDĐĐ trong những năm học trước. Kết quả này thể hiện rõ trong báo cáo tổng kết năm học. Từ đó phân tích được ưu và nhược điểm của công tác GDĐĐ, xác định những vấn đề còn tồn tại để xếp ưu tiên từng vấn đề cần giải quyết

Căn cứ vào kế hoạch chung của ngành, mục tiêu giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường để từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức. Kế hoạch này đảm bảo được tính chi tiết, cụ thể về một mặt giáo dục quan trọng của nhà trường, phải có tính thống nhất giữa GDĐĐ với các mặt giáo dục khác, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tìm hiểu đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Xác định điều kiện thực tế của nhà trường như: cơ sở vật chất, tài chính, quỹ thời gian, năng lực của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Những yêu cầu khi xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức:

Kế hoạch phải đảm bảo tính kế thừa, thể hiện được tính khoa học, sáng tạo, cụ thể và trọng tâm trong từng thời kì.

Kế hoạch phải được phát huy những ưu điểm, thành tựu đã đạt được và khắc phục những mặt nhược điểm, vạch ra được định hướng phát triển trong việc GDĐĐ cho học sinh.

Kế hoạch phải được Hiệu trưởng phân cấp quản lý rõ ràng, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và cụ thể.

Do đó, khi xây dựng kế hoạch GDĐĐ thì Hiệu trưởng phải quan tâm đến mục tiêu của nhà trường, hiệu quả kế hoạch và đưa ra sự nhìn nhận đúng đắn, qua đó làm biến đổi nhận thức và hành động của từng thành viên trong nhà trường.

Bản kế hoạch được hoàn thiện vào trước thời gian bước vào năm học mới. Sau đó lãnh đạo nhà trường cùng thảo luận, đóng góp. Đến đầu năm học, sẽ được phổ biến đến các thành viên chủ chốt trong hội đồng sư phạm nhà trường và sau đó là toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên

Việc lập kế hoạch nói chung và kế hoạch GDĐĐ nói riêng không phải chỉ là quá trình lý thuyết mà phải thực hiện được kế hoạch. Do đó yếu tố con người nắm vai trò chủ đạo, vì vậy kế hoạch được coi là quá trình tương tác giữa con người với con người, con người với kế hoạch và có sự giải thích, quyết định, lựa chọn.

1.4.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch

Tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch là xếp đặt một cách khoa học những nội dung, nguồn lực, những dạng hoạt động của các lực lượng giáo dục thành một hệ toàn vẹn, tương tác với nhau một cách tối ưu, đạt được mục đích đề ra. Lênin nói : “Một trăm người sẽ mạnh hơn một ngàn người, khi một trăm người này biết tổ chức lại thì nó sẽ nhận sức mạnh lên mười lần”[33]

HS là được coi là chủ thể của hoạt động nhận thức, được rèn luyện phẩm chất đạo. Việc tổ chức thực hiện GDĐĐ cho HS phải đảm bảo phát huy tính tích

cực, chủ động của học sinh. Qua đó hình thành những chuẩn mực giá trị đạo đức của xã hội và sẽ trở thành những phẩm chất riêng trong nhân cách của HS.

Việc tổ chức hoạt động học tập văn hoá cho học sinh THPT trong nhà trường có liên quan mật thiết đến các hoạt động GDĐĐ.

Kế hoạch được thực hiện bao gồm các quá trình:

Nêu lên mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch GDĐĐ

Thảo luận biện pháp thực hiện kế hoạch

Bố trí, sắp xếp con người, phân công trách nhiệm quản lý, huy động tối đa nguồn lực, cơ sở vật chất, kinh tế. Khi sắp xếp bố trí con người, Hiệu trưởng phải nắm được năng lực và phẩm chất từng người, điểm mạnh, điểm yếu, nếu cần có thể phân công theo từng khâu, từng nội dung nhỏ để công việc được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả.

Xác định rõ thời gian bắt đầu, kết thúc và tiến trình, tiến độ thực hiện. Trong khi tổ chức thực hiện, người tham gia cần phát huy tinh thần tự giác, tích cực, phối hợp với nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ dưới sự tạo điều kiện của Hiệu trưởng.

1.4.3. Phối hợp các lực lượng tham gia quản lý các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

Công tác xã hội hoá trong giáo dục đạo đức là giải pháp then chốt trong hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh. Vì giáo dục đạo đức là sự nghiệp của toàn dân, của mọi tổ chức đoàn thể, cần huy động sức mạnh tổng hợp trong giáo dục đạo đức cho học sinh, đó là sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội và nhất là địa phương nơi học sinh cư trú, học tập, sinh hoạt. Gia đình, nhà trường có thể liên lạc, trao đổi bằng nhiều cách như: mạng xã hội, điện thoại, thư, gặp trực tiếp... để nắm được tình hình học tập rèn luyện của con em mình.

Gia đình là một tế bào của xã hội. Gia đình là nơi trực tiếp chuyển giao các giá trị, nuôi dưỡng lớp trẻ, qua đó hình thành nhân cách con người. Trong nhiều bài viết, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở nhà trường “Phải mật thiết liên hệ với gia đình học trò. Để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn thì phải có sự giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội. Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy nhưng

thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”[26].

Để tạo nên sự phối hợp thống nhất giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức đoàn thể trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh, trước hết phải làm cho lãnh đạo nhà trường và giáo viên nhận thức đúng về sự cần thiết phải tổ chức các hoạt động phối hợp trên cơ sở thống nhất mục đích, nhiệm vụ

Việc học tập, sinh hoạt của HS phải được nhà trường quản lý sát sao, nhà trường cần nắm vững toàn bộ thông tin về học sinh để thông tin thường xuyên với gia đình HS, phối hợp với gia đình đưa ra các biện pháp điều chỉnh, uốn nắn kịp thời những biểu hiện trái đạo đức của HS

Nhà trường cần tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương, tạo lập trật tự và môi trường lành mạnh xung quanh trường học. Phổ biến, tuyên truyền trong cha mẹ học sinh bằng cách xây dựng những tấm gương điển hình, tiến tiến giáo dục trong và ngoài nhà trường. Nâng cao các hoạt động để giúp HS phát huy khả năng cá nhân trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, có ý thức hơn về vai trò và trách nhiệm của mình, phải tự học tập, rèn luyện bản thân mình tiến bộ

1.4.4. Xây dựng tập thể sư phạm mô phạm làm gương cho học sinh như một công cụ hữu hiệu trong giáo dục đạo đức cho học sinh

Đạo đức của đội ngũ nhà giáo có vai trò rất quan trọng, góp phần quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động sư phạm và nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh. Các thầy, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng để mọi thế hệ học trò noi theo và để làm tròn sứ mệnh cao cả “trồng người”, mỗi nhà giáo phải luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để xứng đáng với sự tôn vinh và niềm tin yêu của xã hội

Các thầy, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng về đạo đức để người học noi theo. Xây dựng tập thể sư phạm có đạo đức đóng vai trò rất quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động sư phạm và nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh nhà trường. Mỗi nhà giáo phải luôn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp để xứng đáng với sự tôn vinh và niềm tin yêu của xã hội

1.4.5. Xây dựng tập thể học sinh

Nhìn chung lứa tuổi cấp THPT là thời kỳ đặc biệt quan trọng đối với cuộc đời con người. Đây là thời kỳ có rất nhiều thay đổi về tâm lý, thể chất, HS ở lứa tuổi này sẽ có sự hình thành nhân cách một cách rõ nét nhất

Người ta thường gọi là thời kỳ “quá độ”, “tuổi khó khăn”, “tuổi khủng hoảng”... đã cho thấy sự phức tạp, quan trọng đang diễn ra trong lứa tuổi THPT. Sự phức tạp thể hiện qua tính hai mặt của hoàn cảnh phát triển của HS. Đôi khi lứa tuổi này dễ sinh ra chủ quan, kiêu ngạo, nông nổi, ít chịu học hỏi để nâng cao trình độ. Vì vậy cần phải hướng dẫn, giúp đỡ các em tư duy một cách tích cực độc lập để phân tích đánh giá sự việc và tự rút ra kết luận cuối cùng. Cần phải giáo dục để HS hình thành sự tự ý thức, tự giáo dục của lứa tuổi học sinh THPT để biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục.

Các nhà quản lý và các nhà giáo dục phải xây dựng được chương trình GDĐĐ phù hợp với trình độ tri thức, tâm lý lứa tuổi, có sự thống nhất đồng bộ trong việc chỉ đạo và thực hiện, vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục, các hoạt động nhằm phát huy khả năng tự giác, tự giáo dục của HS một cách đúng đắn nhằm đạt mục tiêu giáo dục đạo đức trong nhà trường

1.4.6. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức học sinh

Kiểm tra đánh giá là một chức năng của quản lý, không phân biệt họ làm việc ở cấp nào trong bộ máy quản lý nói chung và trong bộ máy QL trường học nói riêng, nếu không có chức năng này người quản lý sẽ buông lỏng quản lý, rơi vào tình trạng chủ quan duy ý. Hoạt động kiểm tra, đánh giá phải được thực hiện đồng thời, đó là những phán đoán nhận định về kết quả của công việc dựa trên mục tiêu đã đề ra.

Trong lĩnh vực quản lý thì đánh giá việc GDĐĐ cho HS là rất cần thiết, nó giúp nhà quản lý biết được việc thực hiện kế hoạch, nắm được tiến độ thực hiện, từ đó đưa ra những biện pháp kịp thời điều chỉnh và có hướng đào tạo, sử dụng cán bộ tốt hơn.

Trong quản lý giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh việc kiểm tra đánh giá có ý nghĩa không chỉ đối với nhà quản lý giáo dục mà còn có ý nghĩa đối với học sinh. Vì qua kiểm tra đánh giá của giáo viên, học sinh hiểu rõ

hơn về những hoạt động của mình, khẳng định được mình. Từ đó hoạt động tích cực hơn, tự giác hơn, biết tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp đạo đức và pháp luật.

Việc kiểm tra có tính định kì, thường xuyên hoặc đột xuất kiểm tra, trực tiếp hoặc gián tiếp. Việc kiểm tra đánh giá phải khách quan, toàn diện, đảm bảo tính công khai, minh bạch. Sau kiểm tra có nhận xét, góp ý; phải động viên khen thưởng những người làm tốt, nhắc nhở kịp thời những sai trái thì mới có tác dụng. Cần xây dựng một thang chuẩn đánh giá phù hợp với đặc điểm của nhà trường thì việc kiểm tra, đánh giá mới khách quan công bằng, rõ ràng, chính xác

1.4.7. Quản lí cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước một cách có hiệu quả, kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác từ công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, vườn trường. Tăng cường thực hiện xã hội hóa giáo dục, vận động, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng, cải tạo cảnh quan đạt tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp, an toàn theo qui định; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh thực sự để thu hút HS đến trường; tổ chức cho cán bộ, giáo viên và học sinh tham gia thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao đạo đức cho học sinh

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lí giáo dục đạo đức

1.5.1. Yếu tố giáo dục nhà trường

Phẩm chất của mỗi cá nhân với tư cách là một phần của tính cách, được hình thành và phát triển thông qua chung sống với người khác, hướng tới các chuẩn mực xã hội và ản dụ văn hóa. Trẻ thiết lập biên giới cá nhân thông qua một quá trình đàm phán giữa các cá nhân. Những nỗ lực của nhà trường có vai trò quan trọng trong việc đạt được các giá trị quan trọng, cốt lõi, đạo đức trong giáo dục phẩm chất. Giáo dục phẩm chất khởi nguồn từ gia đình, tiếp tục ở nhà trường, đây chính là môi trường thứ hai trong cuộc sống trẻ em. Bầu không khí chấp nhận và âm áp đối với học sinh là một yếu tố thiết yếu của giáo dục phẩm chất ở mỗi lớp học. Đặc biệt là ở những năm đầu của thời thơ ấu, ảnh hưởng tích cực được thể hiện công

khai trong nội dung giáo dục trong nhà trường. Trẻ em học các phẩm chất trong suốt chương trình giảng dạy, các văn bản và từ giáo viên.

So với gia đình, trường học có ảnh hưởng muộn hơn so với việc nuôi dạy trẻ bởi vì: cha mẹ gần với trẻ nhiều hơn trong những năm đầu đời và nhiều trẻ em không trải nghiệm việc học toàn thời gian hoặc thậm chí là bán thời gian cho đến khi chúng được ba, bốn hoặc năm tuổi, khi đó nhiều khía cạnh của tính cách đã được phát triển. Các trường học có thể ảnh hưởng đến khái niệm bản thân, kỹ năng xã hội, giá trị, sự trưởng thành về lý luận đạo đức, khuynh hướng và hành vi xã hội, kiến thức về đạo đức, giá trị, v.v. Luôn song hành, phối hợp cùng nhau, hai tổ chức xã hội hình thành (trường học và gia đình) có sức mạnh thực sự để nâng cao đạo đức và nâng cao đời sống đạo đức của quốc gia

Giáo viên là thành phần cốt lõi của trường học và họ đóng vai trò quan trọng trong giáo dục phẩm chất. Trước hết GV cần hiểu rõ rằng giáo dục phẩm chất là nỗ lực có chủ ý để dạy các đức tính đại diện cho các tiêu chuẩn đạo đức khách quan vượt qua thời gian, văn hóa và lựa chọn cá nhân. Để phát triển tính cách đạo đức trong học sinh của mình, giáo viên phải giúp trẻ biết những phẩm chất đó là gì, đánh giá cao tầm quan trọng của chúng và muốn sở hữu chúng và để thực hành chúng trong hành vi hàng ngày

1.5.2. Yếu tố giáo dục gia đình

Trong quá trình HS tự rèn luyện tư cách đạo đức thì luôn chịu sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó gia đình là yếu tố tác động sớm nhất, có tính thường xuyên, liên tục và lâu dài nhất. Yếu tố giáo dục gia đình rất có ý nghĩa đối với học sinh, đó là quan hệ giữa cha mẹ, họ hàng, cách đối xử của cha mẹ đối với các thành viên trong gia đình. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng đạo đức của mỗi người bắt đầu hình thành ở gia đình. Khổng Tử, nhà triết học lỗi lạc, tư tưởng của ông rất có ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam cho rằng giáo dục đạo đức là quan trọng nhất, trong đó gia đình là trường học đầu tiên để con người rèn luyện và trưởng thành.

Những nghiên cứu gần đây cũng cho thấy vai trò rất quan trọng của gia đình trong xã hội hiện đại: gia đình là nơi truyền tải giá trị chính hoặc duy nhất; mặc dù trường học có vai trò quan trọng trong việc phát triển tính cách của học sinh, nhưng

tác động sâu sắc nhất đến sự phát triển của học sinh đến từ gia đình, đặc biệt là từ cha mẹ học sinh, cho dù đó là phát triển xã hội, đạo đức, hành vi hay học tập; trẻ nhỏ tin vào những gì đúng và sai theo truyền thống đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi gia đình của chúng; gia đình là nhà giáo dục đạo đức chính của trẻ, cha mẹ chính là giáo viên dạy đạo đức đầu tiên và cha mẹ cũng là người có ảnh hưởng lâu dài nhất; rõ ràng là cách cha mẹ nuôi dạy một đứa trẻ ảnh hưởng chủ yếu đến sự hình thành tính cách của trẻ, tất cả các khía cạnh của tính cách trẻ em đều bị ảnh hưởng bởi những yếu tố này và các yếu tố nuôi dạy trẻ khác và trong giáo dục phẩm chất tốt

Ngày nay, điều kiện kinh tế gia đình cũng ảnh hưởng rất lớn đến mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Bố mẹ đôi khi chỉ tập trung làm kinh tế, việc quan tâm tới quá trình phát triển về tâm sinh lý và các yếu tố tác động đến hành vi đạo đức của con em mình còn ít. Gia đình chỉ cung cấp đầy đủ vật chất cho con nhưng ít quan tâm đến việc học tập, tâm sinh lý cũng như hành vi của con con cái nên con cái dễ có biểu hiện sai lệch chuẩn mực hành vi đạo đức. Việc GDĐĐ thì hoàn toàn trông chờ vào nhà trường, không có sự phối hợp trong việc GDĐĐ cho con mình, dẫn đến HS không được trang bị những kỹ năng sống tối thiểu

1.5.3. Yếu tố kinh tế - xã hội

Do tác động của mặt cơ chế thị trường làm cho trẻ vị thành niên bị cám dỗ vào lối sống hưởng thụ, thực dụng, ích kỉ Việc “*mở cửa, hội nhập*” đã có những tác động tiêu cực, những mặt trái của cơ chế thị trường đã có cơ hội xâm nhập vào đối tượng thanh thiếu niên. Một bộ phận không nhỏ HS thích chạy theo lối sống thực dụng, biểu hiện suy thoái về đạo đức, không có lý tưởng cách mạng. Sự hội nhập với nền văn hóa văn minh, hiện đại đã khiến không ít bạn trẻ choáng ngợp trước lối sống mới lạ và đã không chọn lọc nên rơi vô tình rơi vào nhiều cạm bẫy, nảy sinh những cách sống thiếu lành mạnh, như sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân, tư tưởng thích sống tự do buông thả. Vì vậy, GDĐĐ, lối sống cho HS luôn là một vấn đề cấp bách đặt ra cho toàn xã hội hiện nay cần được giải quyết nhanh chóng và kịp thời

Thực tế cho thấy, một bộ phận không nhỏ trong xã hội đã có những biểu hiện xem nhẹ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, chạy theo thị hiếu không

lành mạnh. Bên cạnh những ưu điểm mà quá trình hội nhập mang lại thì những cái tiêu cực cũng đang xâm nhập vào đạo đức, lối sống của nhiều tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đội ngũ học sinh. Vì thế nhiều HS có đạo đức, lối sống bị “lệch chuẩn”

Môi trường xã hội được đề cập trong việc GDĐĐ học sinh là nơi cư trú của học sinh, là cộng đồng cư trú từ xóm giềng, khu phố đến các tổ chức đoàn thể xã hội, các cơ quan nhà nước. Xã hội là môi trường lớn mà học sinh ở đó tiếp thu, những giá trị đạo đức của xã hội, kiểm nghiệm những giá trị đạo đức được thầy cô, nhà trường giáo dục.

Nền tảng kinh tế của địa phương góp phần xây dựng cảnh quan sư phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp NT, GD và XH trong việc GDĐĐ cho học sinh. Xóm giềng, khu phố, các tổ chức xã hội, chính quyền ở địa phương được tổ chức tốt sẽ tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục cùng với NT và GD học sinh. Các phong trào xây dựng gia đình văn hoá, gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học..., tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm là điều kiện tốt nhất để GDĐĐ cho học sinh. Văn hoá truyền thống của địa phương, các phong tục đẹp (lễ hội, nhớ ơn các bà mẹ anh hùng, thương binh, liệt sĩ...) nếu tổ chức tốt sẽ lôi cuốn được HS, là môi trường thuận lợi, tự nhiên cho sự phối hợp giữa NT, GD, tổ chức XH nhằm GDĐĐ cho học sinh.

Có thể khẳng định, một môi trường xã hội trong sạch lành mạnh, một cộng đồng xã hội tốt đẹp, văn minh là điều kiện thuận lợi nhất cho giáo dục và hình thành nhân cách thế hệ trẻ

1.5.4. Yếu tố tự giáo dục của bản thân học sinh

Ở lứa tuổi học THPT, sự phát triển ý thức đạo đức, lối sống, nếp sống có những diễn biến phức tạp và có nhiều biến động mạnh mẽ, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình định hình nhân cách. Vì thế ở giai đoạn này tự giáo dục có vai trò rất quan trọng. Việc các em không tự lừa dối, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục, đấu tranh đồng thời tu dưỡng, hình thành hành vi, thói quen đạo đức và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động thực tiễn, trong đời sống hằng ngày của mỗi cá nhân cũng như trong sinh hoạt cộng

đồng, trong mọi mối quan hệ của mình sẽ ảnh hưởng rất lớn, có tính chất quyết định đến đạo đức và nhân cách của các em.

Quá trình tự giáo dục và rèn luyện thường xuyên, liên tục là động lực mạnh mẽ, giúp các em chuyển hoá những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của xã hội, quy định của pháp luật của Nhà nước thành những phẩm chất bên trong, thành thói quen chấp hành pháp luật và ngày càng làm cho nó phát triển.

Tự giáo dục có vai trò động lực bên trong hết sức to lớn. GDĐĐ đạt được mục đích trong điều kiện nếu nó phối hợp với tự giáo dục, bổ sung cho tự giáo dục. Quá trình tự giáo dục sẽ góp phần bổ sung cho giáo dục, củng cố kết quả giáo dục. Tự giáo dục thúc đẩy cá nhân và có ảnh hưởng đến kết quả giáo dục.

1.5.5. Bạn bè

Để đạt được sự độc lập, được thích nghi với cái mới, được chia sẻ và được khẳng định mình cũng như đáp ứng những nhu cầu tình cảm và sự thay đổi của sinh lí, thanh niên học sinh thường thích giao lưu với bạn bè và có nhu cầu tình bạn khác giới cao.

Bạn bè cùng lứa tuổi là những người có nhiều điểm chung về môi trường, điều kiện sống, quan niệm, nhận thức, tình cảm và sở thích. Họ có thể chia sẻ, giúp đỡ nhau trong mọi mặt của đời sống.

Với học sinh THPT, quan hệ bạn bè là một trong những quan hệ chủ đạo, rất phong phú và phức tạp. Những ảnh hưởng của mối quan hệ bạn bè này đến đạo đức và sự phát triển nhân cách của các em có tính chất hai mặt rất rõ rệt. Điều kiện thuận lợi để các em học tập, rèn luyện, phát triển nhân cách cũng như đứng vững trước những tác động không tích cực của nhóm bạn xấu, những cám dỗ của tệ nạn xã hội nếu các em có được những người bạn tốt

1.5.6. Chất lượng đội ngũ giáo viên tham gia giáo dục đạo đức

Ảnh hưởng lớn đến đạo đức học sinh chính là đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Đối với các lực lượng tham gia giáo dục GDĐĐ học sinh cần tổ chức tuyên truyền, nâng cao trình độ về công tác GDĐĐ học sinh; là hoạt động quản lý có ý nghĩa trên hết. Vì có hành động đứng trước hết phải có nhận thức đúng và là đó cơ sở để hướng đến một kết quả hoàn thiện

Mỗi một GV, hãy phấn đấu làm tốt công tác chuyên môn của mình, chú ý đến mọi đối tượng HS, đề tận tình giúp đỡ các em tiếp thu tốt nhất kiến thức mình truyền đạt. Thực hiện việc lồng ghép nội dung GDĐĐ học sinh trong môn học, giờ học để nâng cao chất lượng giờ dạy. Trong đó môn giáo dục công dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành, GDĐĐ cho HS, trang bị cho HS những kiến thức cơ bản về nghĩa vụ công dân từ đó hình thành phẩm chất, đạo đức và sẽ giúp học sinh có thái độ tích cực và thực hiện những hành vi phù hợp chuẩn mực đạo đức

Lãnh đạo cần thường xuyên quan tâm, kiểm tra chất lượng đội ngũ GV để nâng cao hiệu quả QL công tác giáo dục nói chung và công tác giáo dục đạo đức nói riêng

1.5.7. Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính

Đối với các cơ sở đào tạo nói chung và trường THPT KTVT nói riêng, ngoài các yếu tố như nội dung chương trình đào tạo, hệ thống giáo dục hay đội ngũ cán bộ QL, giáo viên giảng dạy thì yếu tố cơ sở vật chất, tài chính cũng có vai trò hết sức quan trọng. Một nhà trường có đầy đủ các yếu tố nêu trên nhưng chưa đảm bảo về cơ sở vật chất, không theo kịp sự phát triển của xã hội thì việc nâng cao chất lượng GDĐĐ không thể có được một chất lượng tốt nhất. Do đó, việc tăng cường cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện giảng dạy và học tập hiện đại trong trường học cần được các cấp quan tâm, chú trọng để đáp ứng những yêu cầu GDĐĐ toàn diện cho thế hệ trẻ hiện nay trong, góp phần đào tạo nên đội ngũ lao động có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong xu thế hội nhập hiện nay

Trang thiết bị hiện đại phù hợp với thực tiễn đáp ứng được các hoạt động giáo dục sẽ nâng cao chất lượng GD nói chung và GDĐĐ nói riêng. Vì vậy, để tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ GDĐĐ cho HS cần phải huy động được các nguồn lực tài chính, đây chính là một trong những nội dung của việc quản lý công tác GDĐĐ

Tiểu kết chương 1

GDDĐ cho HS là một bộ phận của quá trình giáo dục tổng thể nên phải đảm bảo chặt chẽ của quy trình QL giáo dục. GDDĐ học sinh là một quy trình đảm bảo thống nhất và toàn vẹn từ việc lập kế hoạch, thực hiện đến việc chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá. Từng khâu thực hiện có một vai trò, chức năng riêng nhưng có mối quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau; chức năng này được thực hiện tốt sẽ tạo cơ sở, điều kiện để thực hiện các chức năng tiếp theo

Trong chương 1 của luận văn, tác giả đã làm rõ các khái niệm về quản lý, quản lý nhà trường; đạo đức, giáo dục đạo đức; hoạt động giáo dục đạo đức, quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT

Để nâng cao công tác GDDĐ học sinh thì bên cạnh việc xây dựng nội quy kỷ luật học sinh, cần xây dựng cán bộ GV có đầy đủ phẩm chất, năng lực, tạo một bầu không khí làm việc tích cực trong nhà trường và ngoài xã hội. Cán bộ, GV luôn có tương trợ đoàn kết, quan hệ đồng nghiệp thân thiết, sự mẫu mực trong sinh hoạt, lối sống của CBGV sẽ là tấm gương GDDĐ để HS noi theo.

Trong giai đoạn hiện nay thì việc GDDĐ học sinh càng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cao hơn, cần thiết hơn, thực hiện tốt cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.

GDDĐ học sinh không những là trách nhiệm của nhà trường, gia đình mà còn của toàn xã hội. Đó vừa là sứ mệnh lịch sử, vừa là niềm vinh dự, trách nhiệm mà xã hội giao cho nhà trường và mỗi chúng ta nói riêng, ngành GD&ĐT nói chung

Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT bao gồm: quản lý mục tiêu, quản lý nội dung, phương pháp, hình thức; quản lý sự phối hợp các lực lượng trong

GDDĐ HS. Trong giai đoạn hiện nay chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó vấn đề bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi, đòi hỏi phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội

Đây là những vấn đề lý luận cơ bản để làm cơ sở cho việc khảo sát và đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức từ đó đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT, tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn hiện nay ở các chương tiếp theo của luận văn

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

2.1. Khái quát về trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì

2.1.1. Đặc điểm giáo dục ở nhà trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì

2.1.1.1. Quy mô học sinh, lớp học

Trường THPT KTVT được thành lập từ năm 2003, tiền thân là mô hình trường vừa dạy văn hóa vừa dạy nghề. Đến nay trải qua 17 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã bỏ mô hình dạy nghề, trở thành trường phổ thông như các trường khác, tuy còn thiếu thốn nhiều về cơ sở vật chất nhưng nhà trường cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản về lớp học, đảm bảo việc học một ca trên ngày

Quy mô phát triển của trường THPT KTVT

Bảng 2.1: Số lớp, học sinh, giáo viên trường THPT KTVT

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tổng số giáo viên
2017-2018	20	710	54
2018-2019	20	712	55
2019-2020	21	725	57

(Nguồn: Trường THPT KTVT)

Nhìn vào bảng 2.1 cho thấy nhà trường tiếp tục được ổn định về lớp, sĩ số, CBGV. Đến nay, cơ sở vật chất trang thiết bị trường lớp đang tiếp tục được củng cố và phát triển, nâng cấp, cơ bản đã đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân. Số học sinh được thống kê trong bảng 2.1 cho thấy công tác huy động số lượng HS đến trường được tiến hành tích cực duy trì và phát triển sĩ số, tình trạng HS bỏ học rất ít

Năm học 2017-2018 nhà trường có 20 lớp học, chưa có các phòng học chức năng theo phân môn, đến năm học 2018 – 2019 nhà trường đã hoàn thiện phòng lớp học bộ môn, đảm bảo được các điều kiện để giáo dục toàn diện cho học sinh

Số lượng học sinh có đã tăng trong giai đoạn 2018 - 2020. Năm học 2018-2019 nhà trường có 712 học sinh với 6 lớp 10, 7 lớp 11 và 7 lớp 12; năm học 2019-2020 NT đã tuyển sinh thêm 1 lớp và có tổng 725 học sinh chia đều cho 3 khối. Nhà trường luôn tiên phong đi đầu trong các phong trào của ngành, thành phố. Từ sau khi đạt chuẩn quốc gia năm 2017 nhà trường tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng GD toàn diện, vươn lên vị trí tốp đầu khối THPT của thành phố Việt Trì. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhà trường và các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đều chủ động hoạt động có hiệu quả; nhiều năm liên tục nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, được Bộ GD&ĐT, ủy ban nhân dân tỉnh, Sở GD&ĐT Phú Thọ tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen, các tổ chức, đoàn thể đạt vững mạnh, vững mạnh xuất sắc.

2.1.1.2. Cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Cơ sở vật chất nhà trường

Bảng 2.2: Cơ sở vật chất của trường THPT KTVT

STT	Năm học	Phòng học	Phòng điều hành			Phòng chức năng							
			BGH	VP	Phòng tài	T.Bị	TV	Đoàn	Y tế	Ngoại ngữ	Tin	Bộ môn	Đa năng
1	2017 - 2018	20	4	1	1	4	2	1	1	1	1	2	1
2	2018 - 2019	20	4	1	1	4	2	1	1	1	2	3	1

3	2019 - 2020	21	4	1	1	6	2	1	1	1	3	5	1
---	-------------	----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

(Nguồn: Báo cáo tổng kết Học kỳ 1 năm học 2019-2020 của trường THPT KTVT)

Năm học 2019 – 2020 nhà trường đã có tổng cộng có 21 phòng học, trong đó 100% phòng học kiên cố. Bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đứng kích thước, quy cách; phòng học có diện tích rộng rãi, thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn.

100% các trường có phòng làm việc cho đội ngũ CBQL, phòng Hội đồng giáo viên. Các phòng đều được trang bị tương đối đầy đủ trang thiết bị hiện đại.

Cơ bản nhà trường có đủ phòng Thư viện, Thiết bị đồ dùng dạy học, thực hành – thí nghiệm (Lý, Hóa, Công nghệ), Y tế, ĐTN. Nhà trường có nhà Đa năng phục vụ các hoạt động tập thể và thể dục thể thao. Số lượng các phòng chức năng như vậy cho thấy điều kiện cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng rất thuận lợi.

Tuy nhiên trong các phòng học bộ môn nhiều thiết bị và các hóa chất đã bị hỏng không sử dụng được; máy tính, máy chiếu ở các lớp cũng cần sửa chữa và mua mới thay thế để đảm bảo phục vụ nhu cầu dạy và học.

Nhìn chung, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực sư phạm và phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các đơn vị đảm bảo đủ về số lượng giáo viên định biên theo qui định. Về cơ bản đội ngũ giáo viên đảm bảo đồng bộ và cân đối cơ cấu.

Năm học 2019-2020, đối với cán bộ quản lý: 100% trình độ Đại học; 100% tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị; 100% cử nhân quản lý giáo dục; 100% có chứng chỉ B ngoại ngữ, A Tin học. Đánh giá chuẩn cán bộ quản lý hàng năm đều được xếp loại xuất sắc. Đối với Giáo viên: 100% trình độ trên chuẩn, 12% bồi dưỡng quản lý giáo dục; 100% giáo viên có chứng chỉ Tin học, 63% giáo viên có chứng chỉ Ngoại ngữ; 100% giáo viên đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên, trong đó có 60% giáo viên được xếp loại xuất sắc; 100% giáo viên đều xếp loại khá, tốt về chuyên môn nghiệp vụ, không có giáo viên xếp loại Trung bình; 80% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, 8% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi tỉnh, 90% giáo viên được xếp loại khá, giỏi về bồi dưỡng thường xuyên, trong

đó có ít nhất 30% giáo viên được xếp loại giỏi, không có giáo viên không hoàn thành kế hoạch

2.1.2. Khái quát về địa bàn dân cư phường Vân Phú

Trường THPT KTVT đóng trên địa bàn phường Vân Phú. Vân Phú là một phường nằm ở phía Tây Bắc thành phố Việt Trì với diện tích tự nhiên 923,6ha. Trên địa bàn phường có Quân khu 2 và các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn như: Lữ đoàn 604, Lữ đoàn 297, Công ty Tây Bắc – Quân khu 2. Là một phường có vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ của thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Phía Đông giáp xã Phượng Lâu và phường Dữu Lâu; phía Tây giáp xã Thụy Vân và phường Vân Cơ; phía Bắc giáp xã Kim Đức; phía Tây Nam giáp xã Chu Hóa, Thanh Đình, Hy Cương. Trên địa bàn phường có Quốc lộ 2 và đường Nguyễn Tất Thành chạy qua, rất thuận tiện cho việc đi lại cũng như thông thương, giao lưu buôn bán hàng hóa. Trường Cao đẳng nghề Phú thọ đóng trên địa bàn phường Vân Phú, giáp với nhà trường, đây cũng là yếu tố tác động rất nhiều đến việc giáo dục đạo đức học sinh nhà trường

2.1.3. Hoạt động giáo dục đạo đức của nhà trường

Công tác giáo dục đạo đức và hoạt động ngoài giờ lên lớp được chỉ đạo triển khai hiệu quả với nhiều hình thức hoạt động, có tác dụng tốt trong việc giáo dục nhân cách học sinh. Việc chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh cần được tăng cường. Hàng năm tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các môn văn hoá và giáo viên giỏi chuyên đề "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" được triển khai có nhiều đổi mới và thu được kết quả tốt.

Phong trào thi đua của nhà trường: sôi nổi, mạnh mẽ, vững chắc, được củng cố bổ sung nhiều năm, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ: Nhà trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên là các tổ chức vững mạnh, chủ động hoạt động có hiệu quả. Đội ngũ CBGV của nhà trường đủ về số lượng, chất lượng, là những người nhiệt tình, trách nhiệm, tận tình chăm lo dạy dỗ rèn luyện học sinh, có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết nội bộ, hoàn thành tốt nhiệm vụ

Bên cạnh đó, trường còn không ít những khó khăn trong quá trình giáo dục kiến thức và đạo đức cho học sinh. Những năm gần đây, tình hình học sinh vi phạm đạo đức, nội quy, kỷ luật trường học đang có xu hướng gia tăng và trở thành hiện tượng khá phổ biến ở các lớp, kể cả những lớp có số lượng học sinh khá, giỏi chiếm tỉ lệ cao

Bảng 2.3: Đánh giá của HS về mức độ hành vi vi phạm đạo đức, nội quy trường học, vi phạm pháp luật

STT	Hành vi	Mức độ đánh giá của HS						Điểm TB	Xếp bậc
		Rất phổ biến		Phổ biến		Ít phổ biến			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Vi phạm quy chế thi cử	15	12.5	18	15	87	72.5	1.4	10
2	Gây gổ đánh nhau	18	15	39	32.5	63	52.5	1.6	7
3	Bỏ giờ, trốn học	22	18.3	28	23.3	70	58.3	1.6	7
4	Không chấp hành các quy định, nội quy của trường, lớp.	28	23.3	30	25	62	51.7	1.7	1
5	Cờ bạc	1	0.8	3	2.5	116	96.7	1	16
6	Trộm cắp	0	0	7	5.8	113	94.2	1.1	13
7	Thiếu tôn trọng thầy, cô	1	0.8	15	12.5	104	86.7	1.1	13
8	Không nhiệt tình tham gia các hoạt động tập thể của lớp, trường	27	22.5	30	25	63	52.5	1.7	1
9	Vi lợi ích riêng, ít giúp đỡ lẫn nhau và không quan tâm tới lợi ích của tập thể	26	21.7	32	26.7	62	51.7	1.7	1
10	Không trung thực	13	10.8	18	15	89	74.2	1.4	10
11	Chỉ chào các thầy cô trực tiếp dạy mình	28	23.3	30	25	62	51.7	1.7	1
12	Vi phạm luật giao thông	29	24.2	29	24.2	62	51.7	1.7	1

13	Nói tục, chửi bậy	32	26.7	25	20.8	63	52.5	1.7	1
14	Hút thuốc	15	12.5	13	10.8	92	76.7	1.4	10
15	Uống rượu, bia	0	0	8	6.7	112	93.3	1.1	13
16	Ý thức học tập kém, lười học	26	21.7	22	18.3	72	60	1.6	7

Bảng 2.4: Đánh giá của lực lượng giáo dục về mức độ hành vi vi phạm đạo đức, nội quy trường học, vi phạm pháp luật

STT	Hành vi	Mức độ đánh giá của các LLGD						Điểm TB	Xếp bậc
		Rất phổ biến		Phổ biến		Ít phổ biến			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Vi phạm quy chế thi cử	11	11,1	18	18,2	70	70,7	1,4	6
2	Gây gổ đánh nhau	8	8,1	26	26,3	65	65,7	1,4	6
3	Bỏ giờ, trốn học	12	12,1	15	15,2	72	72,7	1,4	6
4	Không chấp hành các quy định, nội quy của trường, lớp.	19	19,2	20	20,2	60	60,6	1,6	1
5	Cờ bạc	0	0	3	3	96	97	1	14
6	Trộm cắp	0	0	4	4	95	96	1	14
7	Thiếu tôn trọng thầy, cô	1	1	3	3	95	96	1,1	13
8	Không nhiệt tình tham gia các hoạt động tập thể của lớp, trường	15	15,2	22	22,2	62	62,6	1,5	2
9	Vì lợi ích riêng, ít giúp đỡ lẫn nhau và không quan tâm tới lợi ích của tập thể	10	10,1	15	15,2	74	74,7	1,4	6
10	Không trung thực	9	9,1	16	16,2	74	74,7	1,3	11
11	Chỉ chào các thầy cô trực tiếp dạy mình	16	16,2	22	22,2	61	61,6	1,5	2
12	Vi phạm luật giao thông	15	15,2	21	21,2	63	63,6	1,5	2

13	Nói tục, chửi bậy	13	13,1	15	15,2	71	71,7	1,4	6
14	Hút thuốc	8	8,1	6	6,1	85	85,9	1,2	12
15	Uống rượu, bia	0	0	3	3	96	97	1	14
16	Ý thức học tập kém, lười học	16	16,2	17	17,2	66	66,7	1,5	2

Nhìn vào bảng số liệu tình hình vi phạm đạo đức, nội quy, pháp luật của học sinh từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020 cho thấy: vi phạm trong học sinh diễn ra dưới rất nhiều hình thức, phổ biến nhất vẫn là những hành vi: nói tục, chửi bậy; không chấp hành các quy định, nội quy của trường, lớp; chỉ chào các thầy cô trực tiếp dạy mình.

Đáng lưu ý là bạo lực học đường đang có xu hướng gia tăng với rất nhiều nguyên nhân khác nhau: đùa giỡn, bênh vực bạn, vì một lời nói khích, một va chạm nhỏ đều có thể dẫn đến đánh nhau, và không ít trường hợp do giành giật “người yêu”, thậm chí do “ghen” cũng dẫn đến thiếu kiềm chế và đánh nhau. Nhiều vụ học sinh đánh nhau theo kiểu băng nhóm, lôi kéo bạn bè và gia đình tham gia để giải quyết mâu thuẫn; có trường hợp còn sử dụng hung khí được nhà trường phát hiện và xử lý kịp thời... Các vụ học sinh vi phạm đạo đức, nội quy trường học có liên quan rất nhiều đến học lực của các em: học sinh có hành vi vô lễ với thầy cô, trốn tiết, bỏ học có đến 80% học sinh học lực TB trở xuống (*theo báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 của trường THPT KTVT*).

Về việc trộm cắp máy tính, tiền của các bạn khác cũng đã xảy ra. Điển hình trong năm học 2018-2019 có em L.T.H trường THPT KTVT lấy trộm xe đạp điện của bạn đem đi bán. Khi bị phát hiện và hỏi tại sao lại làm vậy thì em đó nói rằng thấy bạn để quên chìa khóa trong ổ điện thì nảy lòng tham lấy đem bán lấy tiền tiêu vặt. Khi trao đổi với mẹ của em thì được biết “bố mẹ em H đi làm suốt ngày không có nhiều thời gian quan tâm đến em. Hơn nữa bố em rất nóng tính có thể đánh con rất dữ vì bất kì lỗi gì, em rất sợ bố nhưng mẹ thì lại thường bao che những lỗi của con nên mới có sự việc trên xảy ra”. Thực tế hiện nay việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường chủ yếu là họp phụ huynh theo định kỳ, gửi phiếu điểm kèm theo sổ liên lạc. Việc trao đổi qua thư từ, điện thoại, mạng xã hội, hội phụ huynh còn rất ít hoặc sử dụng không hiệu quả, mặc

dù đó là những hoạt động hàng ngày, giúp cho việc trao đổi thông tin giữa gia đình và nhà trường được thường xuyên, kịp thời, huy động được nhiều lực lượng tham gia công tác giáo dục.

2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân từ đó phát huy điểm mạnh tìm ra biện pháp, hạn chế điểm yếu để thực hiện công tác quản lý đạt mục tiêu giáo dục.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Các nội dung khảo sát về thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT hiện nay bao gồm: Thực trạng nhận thức về vai trò, ý nghĩa, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá của giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT

- Khảo sát công tác quản lý giáo dục đạo đức gồm: công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và công tác kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT

2.2.3. Phương pháp khảo sát

2.2.3.1. Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi.

- Để đánh giá thực trạng quản lý giáo dục đạo đức; luận văn phân loại phiếu như sau:

Phiếu số 1- Phụ lục 1: Xin ý kiến của cán bộ giáo viên về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức.

Phiếu số 2- Phụ lục 2: Lấy ý kiến của học sinh về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức.

Phiếu số 3- Phụ lục 3: Xin ý kiến của các lực lượng giáo dục khác về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức.

2.2.3.2. Phương pháp khảo sát bằng phỏng vấn sâu

Trong luận văn tiến hành phỏng vấn các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức và pháp luật cho học sinh (công an, tổ dân phố, hội phụ nữ,...) một số giáo viên,

học sinh để thu thập thêm minh chứng về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT

2.2.3.3. Phương pháp nghiên cứu các tài liệu và kết quả giáo dục đạo đức.

Nghiên cứu tổng hợp các minh chứng từ các tài liệu, văn bản và kết quả giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT

2.2.4. Đối tượng khảo sát

Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh

- Cán bộ quản lý: 04 người
- Giáo viên: 80 người
- Học sinh: 120 người
- Lực lượng giáo dục khác: 15 người

2.2.5. Xử lý kết quả

Các kết quả điều tra, phỏng vấn và các tài liệu liên quan được xử lý theo phương pháp thống kê với thang đánh giá cụ thể

2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay

2.3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò, ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

Để tìm hiểu thực trạng nhận thức về vai trò và ý nghĩa của giáo dục đạo đức, chúng tôi phát phiếu điều tra trên 84 cán bộ giáo viên, 120 học sinh và 15 người thuộc các lực lượng giáo dục khác thu được kết quả như sau:

Bảng 2.5: Bảng thực trạng nhận thức về vai trò, ý nghĩa của GDĐĐ

Mức độ	CBGV		HS		Các LLGD khác	
	SL	%	SL	%	SL	%
Rất cần thiết	74	84.8	56	46.7	8	57.1
Cần thiết	10	15.2	58	48.3	4	28.6
Không cần thiết	0	0	6	5	3	14.3
Tổng	84	100	120	100	15	100

Qua bảng trên cho thấy, nhận thức về mức độ cần thiết giáo dục đạo đức cho học sinh nhà trường của cán bộ, giáo viên đánh giá “rất cần thiết” và “cần thiết” chiếm 100% số CBGV được hỏi. Cô giáo T.T.T.L cho rằng: “Nếu không nhận thức và đánh giá đúng về vai trò của đạo đức thì không thể có sự phát triển bền vững của xã hội. Khi đạo đức đã xuống cấp thì dù có tài giỏi đến mấy cũng trở nên vô nghĩa. Con người không hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức thì càng dễ dàng vi phạm, làm những việc trái với đạo đức con người, gây những ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển chung của xã hội. Vì vậy cần phải hiểu rõ vai trò của đạo đức khi giáo dục cho học sinh trong nhà trường.”

Đối với học sinh có 94,7% các em đánh giá ở mức độ “rất cần thiết” và “cần thiết”. Khi được hỏi “tại sao các em cho rằng cần thiết phải hiểu rõ vai trò, ý nghĩa của giáo dục đạo đức”, học sinh N.T.KH cho rằng “theo em chúng ta đang sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật vì vậy việc hiểu rõ vai trò, ý nghĩa của giáo dục đạo đức sẽ giúp học sinh tuân thực hiện được các chuẩn mực đạo đức, không vi phạm pháp luật”.

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn bà Ph.Th.L phụ huynh học sinh “tại sao bà cho rằng không cần thiết phải hiểu rõ vai trò, ý nghĩa của giáo dục đạo đức trong nhà trường” bà Ph.Th.L cho biết “học sinh có thể tự học kiến thức và hình thành được đạo đức con người nếu các con thấy cần thiết qua các kênh thông tin, qua gia đình, không nhất thiết phải được giáo dục quá nhiều cho các em ở trong nhà trường”. Quan điểm của bà L cũng có những điểm hợp lý, tuy nhiên giáo dục có 2 con đường tự phát hoặc tự giác, nếu giáo dục theo con đường tự giác có mục đích, kế hoạch thì hiệu quả sẽ cao hơn.

2.3.2. Thực trạng nhận thức về mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

Để tìm hiểu về việc thực hiện mục tiêu giáo dục chúng tôi phát phiếu điều tra trên 95 người thuộc lực lượng giáo dục và 120 học sinh thu được kết quả như sau:

Bảng 2.6: Kết quả thực hiện mục tiêu GDĐĐ HS

Thứ tự	Mục tiêu	Số lượng	%
1	Trang bị cho học sinh những kiến thức cần thiết về đạo đức	12	5,4
2	Hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh,	19	

	tích cực loại bỏ những hành vi tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống đạo đức hàng ngày.		8,7
3	Tạo điều kiện HS phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và cơ hội thuận lợi cho HS thực hiện tốt quyền bổn phận của mình	5	2,2
4	Tất cả các ý trên	179	83,7
Tổng		215	100

Qua bảng trên cho thấy, phần lớn giáo viên và học sinh nhận thức đúng mục tiêu giáo dục đạo đức (83,7%). Tuy nhiên, vẫn có một số giáo viên cho rằng hoạt động giáo dục đạo đức chỉ cung cấp kiến thức (10,3%) cho học sinh, quan niệm này chưa đầy đủ bởi vì giáo dục nói chung, giáo dục đạo đức-giáo dục pháp luật nói riêng đều nhằm phát triển cho người học cả 3 mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Bên cạnh đó chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để làm rõ thực trạng và nguyên nhân của thực trạng. Kết quả thu được như sau: Giáo viên H.T.T (Giáo viên chủ nhiệm lâu năm) cho rằng “chức năng của nhà trường là dạy học và dạy đạo đức vậy thì chỉ cần cung cấp kiến thức còn việc hình thành hành vi pháp luật cần có gia đình thường xuyên giám sát và đôn đốc học sinh”. Mặt khác, cô N.T.A (Phó hiệu trưởng nhà trường) lại cho rằng “Nhà trường cần chú trọng hình thành hành vi đạo đức và tránh những hành vi vi phạm pháp luật cho học sinh, chỉ có thông qua nhà trường mới là con đường ngắn nhất hình thành cho học sinh các chuẩn mực đạo đức”

2.3.3. Thực trạng nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

GDDĐ cho học sinh được xây dựng có tính hệ thống từ giáo dục Tiểu học đến giáo dục THPT. Hiện nay, các nhà trường đã đổi mới các hoạt động giáo dục, trong đó đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, qua đó góp phần giáo dục kỹ năng sống. Các trường phổ thông đã tăng cường các hoạt động kết nối tri thức từ bài học trong chương trình giáo dục phổ thông với kinh nghiệm thực tiễn nhằm giải quyết các tình huống, các vấn đề trong cuộc sống. Các cuộc thi Vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học

sinh trung học, cuộc thi Giao thông thông minh...đã thu hút nhiều học sinh tham gia. Từ các sân chơi tri thức, học sinh tích lũy cho mình các tri thức kinh nghiệm bổ sung cho các tri thức hàn lâm học trong sách vở. Được tham gia các hoạt động thực tiễn trong cuộc sống, học sinh rèn các kỹ năng sống như: giao tiếp, thuyết trình, làm việc theo nhóm, ra quyết định, kiên định

Để đánh giá được thực trạng nội dung, chương trình GDĐĐ cho học sinh tôi đã tiến hành khảo sát, điều tra các LLGD gồm 95 người và 120 học sinh, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.7: Đánh giá của học sinh về thực trạng nội dung GDĐĐ HS

STT	Nội dung	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Điểm TB	Xếp bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống	17	14.5	102	84.8	1	0.7	2.13	5
2	Tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước	16	13.3	101	84.2	3	2.5	2.11	7
3	Văn hóa ứng xử, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống	19	15.8	99	82.2	3	2.6	2.13	5
4	GD ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công	21	17.2	99	82.8	0	0	2.18	2
5	Giáo dục nền nếp, ý thức kỷ luật, tác phong và tư tưởng	20	16.8	99	82.2	1	1	2.16	3
6	GD truyền thống lịch sử quê	20	16.5	98	81.9	2	1.6	2.15	4

	hương đất nước								
7	Giáo dục tích hợp sống và làm việc theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh	28	23.5	91	75.6	1	0.9	2.23	1

Bảng 2.8: Đánh giá của các lực lượng giáo dục về thực trạng nội dung giáo dục đạo đức học sinh

STT	Nội dung	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Điểm TB	Xếp bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống	16	16.3	83	83.7	0	0	2.16	4
2	Tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước	16	16.5	83	83.5	0	0	2.16	4
3	Văn hóa ứng xử, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống	16	16.5	82	82.8	1	0.7	2.15	6
4	GD ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công	14	13.8	85	86.2	0	0	2.14	7
5	Giáo dục nền nếp, ý thức kỷ luật, tác phong và tư tưởng	28	28.2	71	71.8	0	0	2.28	2

6	GD truyền thống lịch sử quê hương đất nước	25	25.5	74	74.5	0	0	2.25	3
7	Giáo dục tích hợp sống và làm việc theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh	32	31.9	67	68.1	0	0	2.32	1

Nhìn vào bảng kết quả cho thấy các LLGD và học sinh đánh giá những nội dung quan trọng nhất là: Tích hợp giáo dục cho học sinh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chiếm 2,22 đến 2,34; giáo dục truyền thống lịch sử của quê hương đất nước chiếm 2,16 đến 2,27; giáo dục nền nếp, ý thức kỷ luật, tác phong và tư tưởng 2,18 đến 2,31. Điều này cho thấy trong những năm gần đây, các LLGD và HS nhà trường rất quan tâm đến nội dung này. Kết quả cũng cho thấy đa số HS nhà trường đã thực hiện tốt các nội quy của trường, lớp, có ý thức học tập rèn luyện.

Giáo dục kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử và kỹ năng sống cũng được học sinh và các LLGD đánh giá là nội dung quan trọng 2,13 đến 2,19 trong đó còn bị đánh giá là ít quan trọng chiếm 2,1%. Điều này cho thấy việc phối kết hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội trong việc tuyên truyền giáo dục cho học sinh nhà trường về giáo dục kỹ năng sống phải đặc biệt giáo dục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt ra mục tiêu, khả năng ứng phó, kiểm chế và kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, qua việc thực hiện qui định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết giúp đỡ nhau cần phong phú và đa dạng hơn.

Giáo dục ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công được đánh giá điểm trung bình từ 2,16 đến 2,20; Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống được đánh giá điểm trung bình từ 2,13 đến 2,15. Vì vậy cần tăng cường giáo dục bảo vệ của công và đạo đức truyền thống.

Tuyên truyền, giáo dục cho học sinh các chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước 2,09 đến 2,23 trong đó số học sinh bị đánh giá là ít quan trọng chiếm

3,3%. Điều này cho thấy việc phối kết hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội trong việc tuyên truyền giáo dục cho học sinh nhà trường về chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhiều hơn nữa. Đặc biệt, vấn đề này cần các giáo viên và các nhà quản lý giáo dục đạo đức cần quan tâm thêm trong việc xây dựng nội dung phong phú hơn để giáo dục đạo đức cho học sinh.

2.3.4. Thực trạng hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh THPT trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

Ngoài nội dung chương trình, thì hình thức tổ chức cũng là yếu tố quyết định đến chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh. Để đạt được mục tiêu giáo dục, thì hình thức tổ chức, phương pháp dạy học cần phải phù hợp với nội dung chương trình, với đối tượng người học. Việc đa dạng hóa hình thức, phương pháp sẽ giúp thu hút người học, phát huy tính sáng tạo của người học. Để đánh giá giá thực trạng các hình thức tổ chức dạy học, tác giả đã tiến hành dùng phiếu điều tra, xin ý kiến của 99 là các LLGD khác và 120 học sinh. Với câu hỏi: nhà trường đã giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua những hình thức giáo dục nào? Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.9: Thực trạng sử dụng các hình thức GDDĐ cho học sinh

TT	Các hình thức GDDĐ	HS			LLGD		
		Số lượng	Tỉ lệ %	Thứ bậc	Số lượng	Tỉ lệ %	Thứ bậc
1	Thông qua môn giáo dục công dân	101	84,2	1	95	95,6	1
2	Chào cờ, sinh hoạt lớp	83	69,2	4	73	73,9	6
3	Hoạt động phong trào của Đoàn Thanh Niên	75	62,5	5	78	78,3	5
4	Các buổi giao lưu nghe nói chuyện về pháp luật	65	54,2	7	67	67,4	8
5	Tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật	58	48,3	8	70	70,7	7
6	Qua các hoạt động trải nghiệm	94	78,3	2	90	90,2	3

7	Qua các môn học	8	56,7	6	93	93,5	2
8	Qua sách báo, phim tài liệu, mạng internet	91	75,8	3	89	89,1	4

Kết quả điều tra trên cho thấy, nhà trường đã đa dạng hóa các hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh. Tuy nhiên, theo đánh giá của cả cán bộ, giáo viên và học sinh thì hình thức giáo dục thông qua môn giáo dục công dân là chủ đạo (học sinh chọn 84,2%; giáo viên chọn 95,7%). Sau đó, đối với giáo viên và các LLGD khác là học tập qua các môn học (93,5%). Còn đối với HS thì hình thức hiệu quả thứ hai lại là thông qua sách các hoạt động trải nghiệm. Các hình thức là giao lưu nói chuyện pháp luật và tham gia các cuộc tìm hiểu về pháp luật lại ít được quan tâm, xếp thứ hạng 7 và 8. Qua việc khảo sát cho thấy, môn học giáo dục công dân vẫn đóng vai trò chủ đạo trong giáo dục đạo đức.

Qua trao đổi với học sinh, các em cho rằng các nội dung giáo dục đạo đức thông qua các môn học chưa rõ nét, các hoạt động phong trào của đoàn thanh niên chỉ mang tính lồng ghép, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật chỉ mang tính hình thức, nội dung lồng ghép trong các buổi chào cờ và sinh hoạt lớp còn đơn điệu và tẻ nhạt... Đối với học sinh, học sinh mạng internet là hoạt động đánh giá là hiệu quả. Tuy nhiên, đây cũng là môi trường thông tin đa chiều, nên vấn đề quản lý các trang mạng cũng rất cần được quan tâm.

2.3.5. Thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

Nội dung chương trình, phương pháp dạy học là những yếu tố vô cùng quan trọng trong dạy học và giáo dục. Song để đạt được kết quả cao, cần phải có mối quan hệ tổng hòa giữa chương trình, phương pháp dạy và phương pháp của người học. Phương pháp học cần phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, và đôi khi cả với đặc điểm của từng cá nhân. Để có được những đánh giá, nhận xét về phương pháp học tập của học sinh, từ đó đưa ra những phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả. Tôi đã tiến hành điều tra 120 học sinh và các LLGD gồm 99 người và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.10: Kết quả khảo sát về các phương pháp GDDĐ cho học sinh

ST T	Phương pháp	Rất thường xuyên				Thường xuyên				Không thường xuyên				Điể m	Xếp thứ tự
		HS		LLGD		HS		LLGD		HS		LLGD			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nói chuyện về đạo đức	24	20	42	42	81	68	52	53	15	13	5	5	484	11
2	Tranh luận, thảo luận về đạo đức	25	21	15	15	82	68	76	77	13	11	8	9	457	13
3	Nêu yêu cầu để học sinh thực hiện	82	68	68	69	32	27	31	31	6	5	0	0	582	1
4	Phát động thi đua	84	70	61	62	33	28	38	38	3	3	0	0	580	2
5	Nêu gương người tốt, việc tốt	75	63	58	59	45	38	40	40	0	0	1	1	570	7
6	Giáo dục truyền thống thông qua sân khấu hóa	39	33	34	34	71	59	50	51	10	8	15	15	486	9
7	Sự gương mẫu của GV và cán bộ, nhân viên	77	64	58	59	43	36	41	41	0	0	0	0	573	5
8	Tổ chức nề nếp sinh hoạt để học sinh thực hiện	91	76	45	46	29	24	54	55	0	0	0	0	574	4
9	Tạo tình huống để học sinh giải quyết	48	40	32	32	46	38	51	52	26	22	16	16	476	12
10	Phát huy vai trò tự quản	41	34	30	30	63	53	61	62	16	13	8	8,1	485	10

ST T	Phương pháp	Rất thường xuyên				Thường xuyên				Không thường xuyên				Điể m	Xếp thứ tự
		HS		LLGD		HS		LLGD		HS		LLGD			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
	của tập thể học sinh														
11	Nhắc nhở, động viên	79	66	56	57	41	34	43	43	0	0	0	0	573	5
12	Khen thưởng, kỷ luật	64	53	67	68	56	47	32	32	0	0	0	0	569	8
13	Phê phán hành vi, biểu hiện xấu.	76	63	62	63	44	37	37	37	0	0	0	0	576	3
14	Mời báo cáo viên	16	13	18	18	49	41	58	59	55	46	23	23	394	14

Bảng 2.10 cho thấy các biện pháp GDDD được nhà trường thường xuyên sử dụng đó là: *Nêu yêu cầu để học sinh thực hiện* (xếp thứ 1); *phát động thi đua* (xếp thứ 2); *phê phán hành vi, biểu hiện xấu* (xếp thứ 3); *tổ chức nề nếp sinh hoạt để học sinh thực hiện* (xếp thứ 4). Các biện pháp còn ít được quan tâm sử dụng là: *Nói chuyện về đạo đức* (xếp thứ 11); *tạo tình huống để học sinh giải quyết tranh luận* (xếp thứ 12); *thảo luận về đạo đức* (xếp thứ 13); *mời báo cáo viên* (xếp thứ 14).

Như vậy, nhà trường đã sử dụng các phương pháp dạy học tích cực nhưng ít có sự gia công, đổi mới nên một số phương pháp chưa đạt hiệu quả cao. Các phương pháp có tính năng động, có ảnh hưởng trực tiếp và tác động mạnh tới cá nhân học sinh lại chưa được quan tâm sử dụng nhiều. Vì thế chưa tạo được hứng thú, chưa kích thích được học sinh nỗ lực phấn đấu và chưa khơi dậy được ý thức tự giác, tự tu dưỡng rèn luyện của học sinh, chưa tạo ra được môi trường và bầu không khí GDDD sống động, lôi cuốn học sinh tích cực tham gia vào hoạt động này.

Bảng 2.11: Mức độ đánh giá các lực lượng tham gia GDDHHS

TT	Lực lượng tham gia	Mức độ			Tổng điểm	Đ TB	Xếp bậc
		Rất tốt	Tốt	Chưa			

						tốt				
		SL	%	SL	%	SL	%			
1	BGH	69	31,5	150	68,5	0	0	507	2,3	3
2	Đoàn TN	91	41,6	128	58,4	0	0	529	2,4	2
3	Đội ngũ giáo viên	118	53,9	101	46,1	0	0	556	2,5	1
4	Phối hợp nhà trường và phụ huynh học sinh	57	26	144	65,8	18	8,2	477	2,2	4
5	Các lực lượng xã hội khác	49	22,4	135	61,6	35	16	452	2,1	5

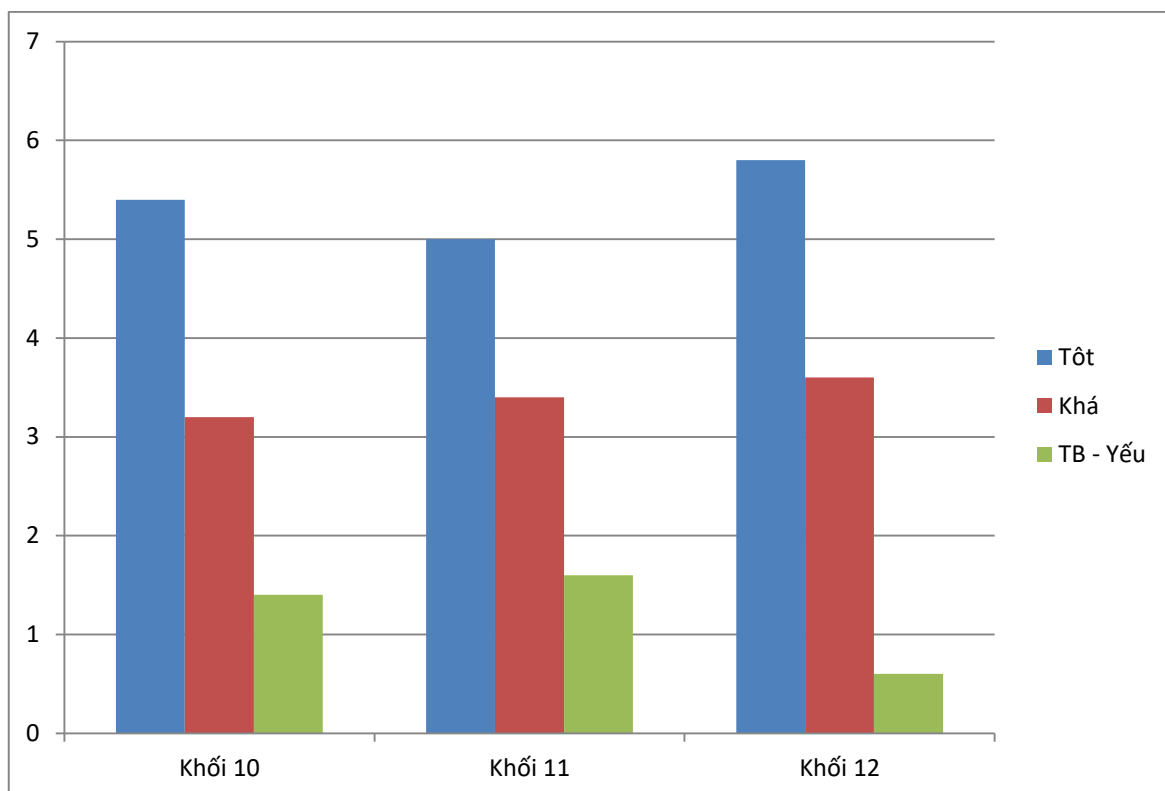
Qua kết quả trên cho thấy:

Lực lượng chính tham gia giáo dục đạo đức là đội ngũ giáo viên và Đoàn thanh niên với ĐTB 2.5. Để làm rõ kết quả này, chúng tôi phỏng vấn sâu cô giáo H.T.H.L chủ nhiệm 11A1 được biết “Giáo viên có nhiều điều kiện thuận lợi trong giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh như lồng ghép trong các môn học hay tổ chức các hoạt động”. Phỏng vấn thầy giáo Đ.G.S được biết “Giáo viên là lực lượng trực tiếp thực hiện hoạt động giáo dục và là lực lượng chính trong nhà trường”.

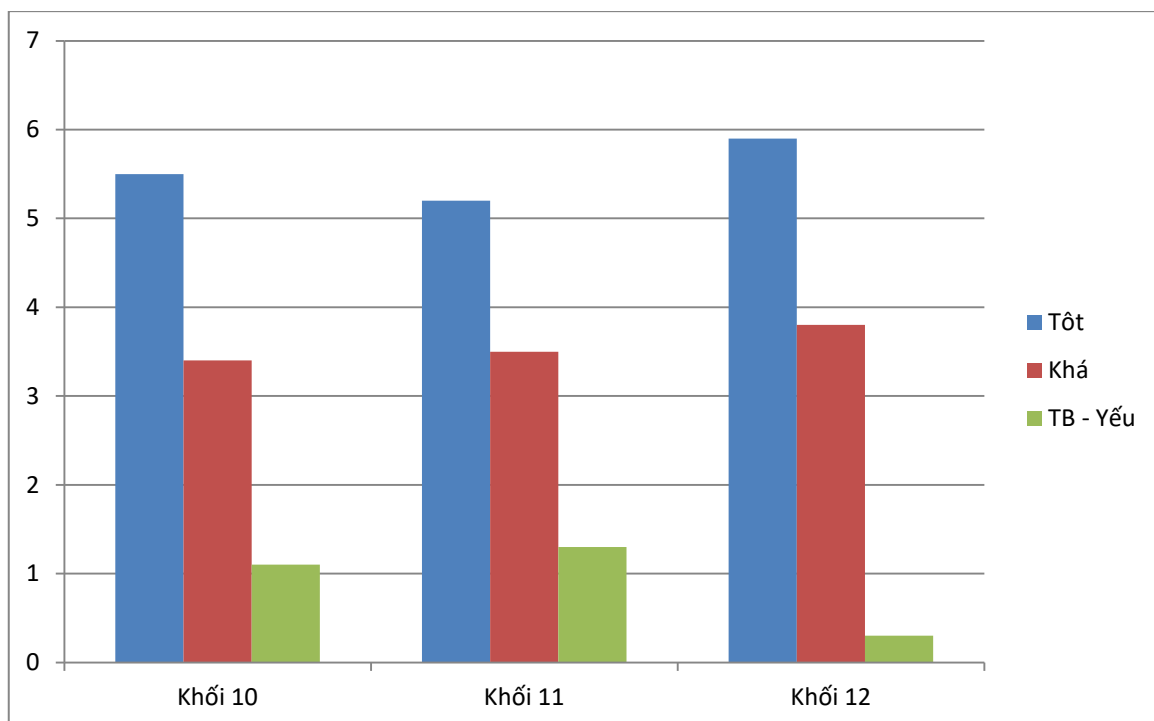
Lực lượng xếp vị trí thứ 2 là “Bí thư ĐTN”. Trong thực tế hoạt động Đoàn thường lồng ghép với các hoạt động giáo dục. Vì vậy, trong các buổi sinh hoạt Đoàn thường lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức thông qua hình thức kể chuyện, nêu gương, các hình thức hoạt động như trò chơi... Trong bảng trên cho thấy, BGH đứng thứ 3 trong 5 lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh. Bởi vì, BGH không phải là người tham gia trực tiếp mà là người quản lý, chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức.

2.3.6. Thực trạng đánh giá, xếp loại công tác giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

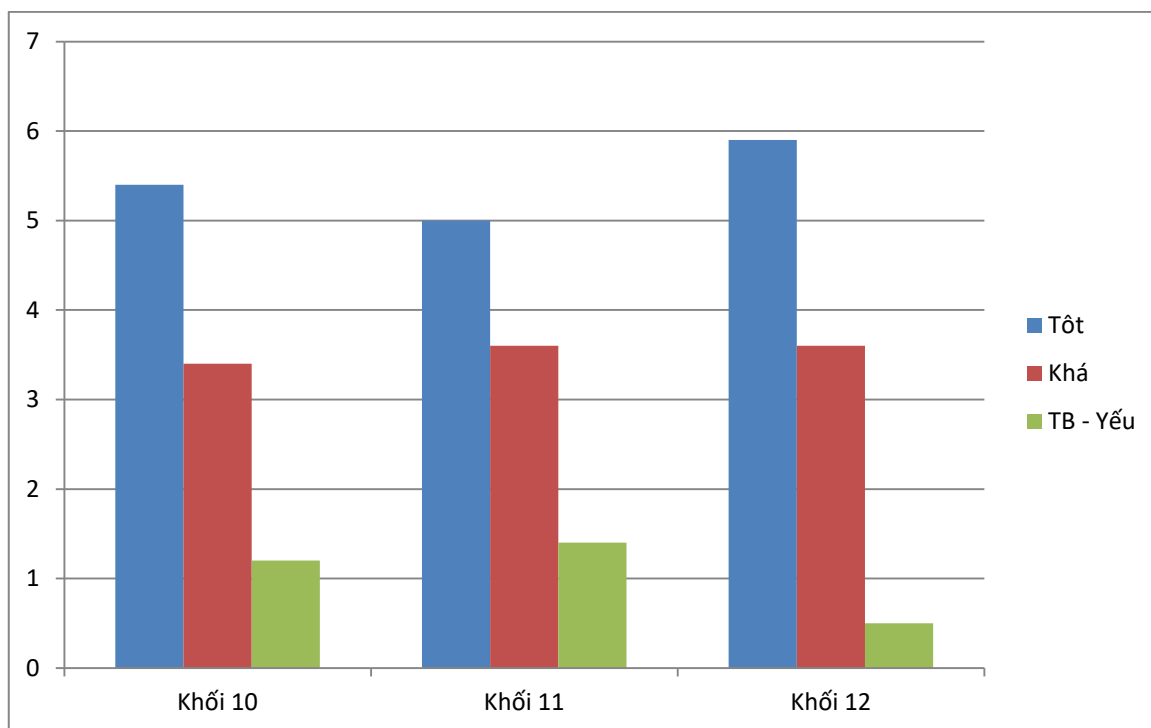
Một minh chứng cho thực trạng về hành vi đạo đức của học sinh là kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh qua các năm học 2016 - 2017; 2017 - 2018; 2018 - 2019. Kết quả được thể hiện ở biểu đồ



Biểu đồ 2.1: Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh các khối năm học 2016 - 2017



Biểu đồ 2.2: Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh các khối năm học 2017 - 2018



Biểu đồ 2.3: Kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh các khối năm học 2018 - 2019

Qua điều tra khảo sát thực trạng đạo đức cho học sinh qua các năm học cho thấy được sự tương quan giữa nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh trường THPT KTVT không có sự thay đổi nhiều, đặc biệt tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm trung bình – yếu còn nhiều.

Để có được những đánh giá, nhận xét về kết quả đạo đức cũng như kết quả học tập của học sinh, từ đó đưa ra những phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả. Tôi đã tiến hành điều tra 120 học sinh của ba khối và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.12: Kiểm tra mức độ hình thành nội dung GDĐĐ HS

STT	Nội dung	Mức độ hình thành					
		Biết		Hiểu		Vận dụng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống	11	9.2	35	29.2	74	61.7
2	Tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước	27	22.5	30	25.0	63	52.5
3	Văn hóa ứng xử, kỹ năng giao tiếp, kỹ	15	12.5	41	34.2	64	53.3

	năng sống						
4	GD ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công	14	11.7	43	35.8	63	52.5
5	Giáo dục nền nếp, ý thức kỷ luật, tác phong và tư tưởng	16	13.3	31	25.8	73	60.8
6	GD truyền thống lịch sử quê hương đất nước	16	13.3	38	31.7	66	55
7	Giáo dục tích hợp sống và làm việc theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh	13	10.8	35	29.2	72	60

Kết quả trên cho thấy, kết quả giáo dục ở mức độ vận dụng các nội dung là trên 50%. Trong đó nội dung “Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống” được đánh giá cao nhất ở mức độ vận dụng cao nhất 61,7%. Điều này phù hợp với thực tế thành phố Việt Trì và tình hình nhà trường trong thời gian qua. Theo báo cáo của Sở giáo dục tỉnh Phú Thọ trong 3 năm qua số học sinh vi phạm hạnh kiểm khá, tốt tăng lên, các hoạt động giáo dục đa số đạt được kết quả tốt.

Qua kết quả trên cho thấy, việc tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đã có những tác động đáng kể đến học sinh nhưng kết quả chưa cao. Như vậy cần có chung tay góp sức của các lực lượng giáo dục để nâng cao kết quả giáo dục đạo đức cho các em học sinh lứa tuổi THPT.

2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay

2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

Hoạt động lập kế hoạch có chức năng quan trọng trong quản lý vì muốn thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra đều phải dựa vào kế hoạch ban đầu.

Khảo sát về công tác xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật với LLGD 99 người và học sinh 120 em chúng tôi thu được kết quả ở bảng sau:

Bảng 2.13: Mức độ lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

STT	Lập kế hoạch	Mức độ						Xếp thứ
		Không có		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		
		SL	%	SL	%	SL	%	
1	Kế hoạch cho cả năm học	2	1.09	19	8.7	198	90.22	3
2	Kế hoạch cho từng học kỳ	0	0	17	7.61	202	92.39	2
3	Kế hoạch cho từng tháng	0	0	14	6.52	205	93.48	1
4	Kế hoạch cho từng tuần	2	1.09	26	11.96	190	86.96	4
5	Kế hoạch cho các ngày lễ kỷ niệm	0	0	31	14.13	188	85.87	5

Qua bảng trên đã cho thấy nhà trường, phụ huynh cũng đã thường xuyên chú ý tới kế hoạch ngắn hạn cho từng học kỳ từ 18,7% đến 18,8%; kế hoạch từng tháng chiếm tỷ lệ phần trăm 18,8%; kế hoạch từng tuần từ 18,3% đến 18,9%. Nhưng nhà trường chưa tập trung vào kế hoạch dài hạn theo năm học từ 18,5% đến 18,8%; Kế hoạch cho các ngày lễ, kỷ niệm từ 18,2% đến 18,7%. Chính vì thế mà hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh hiện nay vẫn chưa cao và đạt hiệu quả tuyệt đối. Trên thực tế, qua trao đổi, nghiên cứu đã cho thấy kế hoạch của nhà trường chưa được xây dựng, chỉ đạo thường xuyên, cũng chưa xác định rõ mục tiêu, nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh.

2.4.2. Thực trạng về tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức

Khảo sát về việc triển khai kế hoạch GDĐĐ cho học sinh tôi thu được kết quả thể hiện ở bảng 2.10

Bảng 2.14: Triển khai kế hoạch công tác GDĐĐ cho học sinh

STT	Tổ chức thực hiện kế hoạch	Ý kiến tán thành
-----	----------------------------	------------------

		HS		LLGD		Tổng hợp	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Kịp thời, đầy đủ, khoa học.	67	55,8	68	68,7	135	61,6
2	Không kịp thời.	53	44,2	31	31,3	84	38,4
3	Đồng bộ.	58	48,3	68	68,7	126	57,5
4	Không đồng bộ	62	51,7	31	31,3	93	42,5
5	Đúng kế hoạch.	78	65	73	73,7	151	68,9
6	Không đúng kế hoạch.	42	35	26	26,3	68	31,1
7	Có điều chỉnh linh hoạt, hợp lý.	65	54,2	66	66,7	131	59,8
8	Máy móc theo kế hoạch đã định.	55	45,8	33	33,3	88	40,2
9	Cụ thể, thiết thực.	66	55	67	67,7	133	60,7
10	Chung chung.	54	45	32	32,3	86	39,3
11	Chú trọng triển khai hơn kế hoạch chuyên môn.	15	12,5	2	2	17	7,8
12	Không chú trọng triển khai bằng kế hoạch chuyên môn.	105	87,5	97	98	202	92,2

Từ bảng kết quả trên chúng tôi thấy việc triển khai kế hoạch công tác GDĐĐ cho học sinh của nhà trường, bên cạnh những ưu điểm đã đạt được của các ý kiến cho rằng việc triển khai kế hoạch có 61,6% là kịp thời, đầy đủ, khoa học; 59,8% điều chỉnh linh hoạt, phù hợp trong quá trình triển khai; 57,5% đồng bộ; 68,9% đúng kế hoạch; 60,7% là cụ thể, thiết thực. Nhưng cũng nhiều ý kiến cho rằng việc triển khai kế hoạch còn có những hạn chế như: 38,4% chưa kịp thời; 42,5% không đồng bộ; 31,1% không đúng kế hoạch; 40,2% máy móc theo kế hoạch đã định; 39,3% chung chung và có đến 92,2% ý kiến trả lời là kế hoạch GDĐĐ không được

chú trọng triển khai bằng kế hoạch chuyên môn. Đây vừa là những hạn chế trong khâu triển khai kế hoạch lại vừa là những hệ quả tất yếu có tính dây chuyền từ công đoạn xây dựng kế hoạch.

BGH tiến hành triển khai kế hoạch cho công tác GDĐĐ chủ yếu là qua phát bảng kế hoạch, tập trung nghe phổ biến, các hình thức khác như quan hệ thống bảng tin, qua chương trình truyền thanh, lễ phát động và đăng ký thực hiện kế hoạch, triển khai kế hoạch gắn với sinh hoạt của các bộ phận, đoàn thể và việc phối kết hợp các hình thức triển khai chưa được quan tâm thực hiện. Vì thế kế hoạch chưa được quán triệt một cách thấu đáo, chưa thật sự thường trực và thấm sâu trong từng bộ phận, đoàn thể, từng cá nhân cán bộ, giáo viên, học sinh; chưa tạo được sự chú ý và quyết tâm thực hiện kế hoạch.

2.4.3. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh

Khảo sát về công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức với LLGD 99 người và học sinh 120 của ba khối tôi thu được kết quả ở bảng sau:

Bảng 2.15: Chỉ đạo thực hiện kế hoạch quản lý GDĐĐ cho học sinh

STT	Công tác chỉ đạo	Mức độ đánh giá						Điểm TB	Xếp bậc
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Có sự chỉ đạo, phân công cụ thể công tác GDĐĐ cho tập thể CBQL, GVCN, ĐTN.	160	73,1	59	26,9	0	0	2,7	1
2	Phối hợp, huy động hết sự tham gia của tập thể CBQL, GV và tập thể HS	70	31,9	148	67,6	1	0,5	2,3	5
3	Có nội dung GDĐĐ rõ ràng cho tập thể học sinh	102	46,6	108	49,3	9	4,1	2,4	4

4	Tập thể CBQL được giao độc lập hoạt động	105	47,9	114	52,0	0	0	2,5	3
5	Tập thể học sinh được giao độc lập hoạt động	16	7,3	137	62,6	66	30,1	1,8	7
6	Có sự phối hợp chặt chẽ giữa NT – GD – XH	57	26,0	155	70,8	7	3,2	2,2	6
7	Có sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo cấp trên	158	72,1	61	27,9	0	0	2,7	2
8	Kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh.	7	3,2	136	62,1	76	34,7	1,7	8

Kết quả điều tra cho thấy công tác chỉ đạo giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT thường được quan tâm chỉ đạo trực tiếp đến những đối tượng chủ chốt là CBQL, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn thanh niên (*xếp thứ 1*); các nhà trường chưa chủ động mà chủ yếu có sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo cấp trên (*xếp thứ 2*); tiếp theo công tác chỉ đạo do tập thể CBQL (*xếp thứ 3*); Có nội dung GDĐĐ rõ ràng cho tập thể học sinh (*xếp thứ 4*). Bảng trên cũng cho thấy chỉ đạo cho tập thể học sinh được giao độc lập hoạt động (*xếp thứ 7*); có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường – Gia đình – Xã hội (*xếp thứ 6*); kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh (*xếp thứ 8*). Đây là những điểm hạn chế trong GDĐĐ cho học sinh trường THPT. Vì muốn tạo ra sức mạnh tổng hợp và tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh trong và ngoài nhà trường quản lý GDĐĐ cho học sinh thì cần phải có sự phối hợp tốt giữa tập thể sư phạm và tập thể học sinh; giữa gia đình, nhà trường và xã hội đồng thời phải chú ý chỉ đạo chặt chẽ khâu kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh.

2.4.4. Thực trạng về công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức

Để hiểu rõ hơn về thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch GDĐĐ cho học sinh THPT Kỹ thuật Việt Trì. Kết quả điều tra 219 người gồm các LLGD và học sinh được thể hiện như sau:

Bảng 2.16: Mức độ thực hiện các phương thức đánh giá kết quả GDĐĐ

STT	Các nội dung được đánh giá	Mức độ thực hiện						Điểm trung bình	Xếp thứ
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Thường xuyên	36	16,4	108	49,3	75	34,2	1,82	8
2	Theo học kỳ	56	25,6	94	42,9	69	31,5	1,94	7
3	Theo năm học	86	39,3	75	34,2	58	26,5	2,1	3
4	Có nội dung tiêu chí rõ ràng	75	34,2	79	36,1	65	29,7	2	5
5	ĐG đầy đủ các mặt, khách quan, vô tư	106	48,4	78	35,6	35	16	2,3	1
6	Chú trọng đến học tập các môn văn hóa	75	34,2	99	45,2	45	20,5	2,1	3
7	Chú trọng đến việc thực hiện nề nếp học tập	69	31,5	85	38,8	65	29,7	2	5
8	Phối hợp tự đánh giá của học sinh với tập thể HS, giáo viên chủ nhiệm, nhà trường	88	40,2	86	39,3	45	20,5	2,2	2

Kết quả trên cho thấy: việc đánh giá kết quả giáo dục GDĐĐ cho học sinh nhà trường “ĐG đầy đủ các mặt, khách quan, vô tư” có kết quả cao (*xếp thứ 1*); “Phối hợp tự đánh giá của học sinh với tập thể HS, giáo viên chủ nhiệm, nhà trường” có số ĐTB xếp thứ 2; “Chú trọng đến học tập các môn văn hóa” với số ĐTB xếp thứ 3. Chứng tỏ việc đánh giá kết quả GDĐĐ theo học kỳ, năm học, có tiêu chí rõ ràng và đánh giá thường xuyên được đội ngũ CBQL, GV quan tâm chú trọng nhất, đánh giá một cách khách quan, thẳng thắn nhằm đưa công tác GDĐĐ cho học sinh ngày càng đi vào thực tiễn và hiệu quả hơn.

Một số nội dung có điểm trung bình thấp: Thường xuyên, học kỳ Đã phản ánh các hoạt động này đã được các trường thực hiện nhưng chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Việc kiểm tra, đánh giá phần lớn là kiểm tra, đánh giá được các mặt chính có tính chất định lượng như việc lập và thực hiện kế hoạch, hồ sơ sổ sách, việc chấp hành kỷ cương - nề nếp, kết quả xếp loại thi đua, xếp loại hạnh kiểm... Còn mặt định tính rất phức tạp của lĩnh vực GDĐĐ thì chưa chú ý đến.

Điều này phản ánh việc GDĐĐ cho học sinh THPT KTVT nên sử dụng lời khen, chê. Đánh giá ngay tại thời điểm thực hiện sẽ giúp người học có thể “sửa sai” và tham gia điều chỉnh các hoạt động được kịp thời và hiệu quả hơn. Cần phải khắc phục những mặt hạn chế này thì kết quả đánh giá sẽ đảm bảo công bằng, chính xác hơn. Qua đó HS mới phát huy được ý thức tự rèn luyện, nâng cao nhân cách, giúp người quản lý trong nhà trường nâng cao trách nhiệm của qua công tác kiểm tra, đánh giá.

Nói tóm lại các nhà trường thường thiên về kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn, chất lượng dạy và học, chưa thực sự quan tâm, đầu tư cũng như có kế hoạch, biện pháp kiểm tra, đánh giá thỏa đáng, thường xuyên đối với hoạt động GDĐĐ cho học sinh. Nội dung kiểm tra, tiêu chuẩn đánh giá các hoạt động này còn chung chung, chưa tạo nên được tác động mạnh nhằm nâng cao chất lượng GDĐĐ cho học sinh.

2.4.5. Thực trạng đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường gia đình và xã hội

Kết quả khảo sát về hiệu quả phối hợp thực hiện giữa CBQL 5 người, GVCN 21 người và CMHS người trong nhà trường:

Bảng 2.17: Hiệu quả phối hợp với CMHS và các LLGD trong nhà trường

Hiệu quả	CBQL	GVCN
-----------------	-------------	-------------

thực hiện	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tốt	1	20	10	47.6
Khá	3	60	8	38.1
TB	1	20	3	14.3

Số liệu trên cho thấy ý kiến của CBQL và GVCN cùng đánh giá ở mức độ khá với tỉ lệ 38.1% đến 60%, như vậy có sự khác biệt ý giữa 2 nhóm đối tượng. Sự khác biệt trên có thể do khác nhau về đặc thù nhiệm vụ của 2 đối tượng. CBQL trực tiếp thực hiện việc phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường để xây dựng môi trường lành mạnh, tạo điều kiện cho công tác GD đạo đức HS được thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất. Vì vậy, ý kiến tự đánh giá của CBQL về nội dung này dựa trên cơ sở thực tế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nên có độ tin cậy cao.

Tìm hiểu những ưu điểm cũng như hạn chế về nội dung trên, tác giả trao đổi trực tiếp với Hiệu trưởng ở trường, được biết: việc chủ động phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường rất được quan tâm. Cụ thể hằng năm nhà trường tổ chức đầy đủ các buổi hội nghị CMHS để trao đổi, tìm ra những giải pháp tích cực nhằm phối hợp chặt chẽ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ở trường. Bên cạnh đó, công tác phối hợp vẫn còn gặp khó khăn, các buổi họp CMHS thường dự không đầy đủ, một bộ phận gia đình do điều kiện kinh tế khó khăn nên phải đi làm xa ít có điều kiện phối hợp với nhà trường. Phụ huynh còn tư tưởng giao phó cho nhà trường, ít quan tâm đến việc giáo dục các em và cho rằng những cuộc họp đó không quan trọng. Vì vậy, nhà trường cần có sự đầu tư nhiều hơn nữa về nội dung, hình thức tổ chức đại hội nhằm tạo bầu không khí thân mật, gần gũi, gắn kết giữa nhà trường với gia đình, tạo được niềm tin ở CMHS đối với nhà trường là điều cần thiết.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương cùng các ban ngành đoàn thể, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động tập thể, tham gia công tác xã hội khi có yêu cầu như dự mít ting ngày quốc tế phòng chống ma túy 26/6,

mit ting nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác ngày 19/5, tham gia chiến dịch mùa hè xanh...Tuy nhiên, việc phối hợp với các lực lượng bên ngoài nhà trường để xây dựng tốt môi trường giáo dục cũng chưa thật tốt, vẫn còn nhiều địa điểm gần trường còn kinh doanh các trò chơi giải trí không lành mạnh mà chưa có biện pháp giải quyết triệt để. Điều đó làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đạo đức ở nhà trường. Nội dung, hình thức phối hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS cũng chưa được phong phú. Từ những cơ sở đó cho thấy công tác phối hợp ba môi trường giáo dục cũng chưa thật chặt chẽ, hiệu quả chưa như mong muốn.

2.5. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì

2.5.1. Ưu điểm

Bảng 2.18: Những ưu điểm trong quản lý GDĐĐ

TT	Các tiêu chí đánh giá	Ý kiến tán thành		Xếp bậc
		Số lượng	%	
1	Quan tâm đến công tác GDĐĐ .	179	81,7	1
2	Xây dựng được kế hoạch GDĐĐ khoa học, hợp lý.	39	17,8	11
3	Làm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ vai trò của việc GDĐĐ cho học sinh và trách nhiệm đối với công tác này.	48	21,9	10
4	Chỉ đạo sát sao hoạt động GDĐĐ cho học sinh của giáo viên chủ nhiệm. Bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên chủ nhiệm có phẩm chất tốt có đủ năng lực.	83	37,9	7
5	Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên trong công tác GDĐĐ cho học sinh.	84	38,4	6
6	Lựa chọn được nội dung GDĐĐ phù hợp.	130	59,4	4

7	Lựa chọn được hình thức GDĐĐ phù hợp, hấp dẫn.	115	52,5	5
8	Chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp giữa các bộ phận, đoàn thể trong trường và sự phối hợp của nhà trường với gia đình và xã hội trong GDĐĐ cho học sinh.	73	33,3	8
9	Kiểm tra, đánh giá chặt chẽ.	51	23,3	9
10	Tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp.	157	71,7	2
11	Quản lý tốt hoạt động tự quản của học sinh.	136	62,1	3

Từ việc lấy ý kiến nhận xét của cán bộ, giáo viên và phụ huynh về một số tiêu chí cơ bản đánh giá hoạt động quản lý công tác GDĐĐ cho học sinh, chúng tôi thấy những ưu điểm chính của quản lý trường THPT KTVT thể hiện cụ thể như:

Việc lập kế hoạch GDĐĐ được tiến hành một cách đầy đủ, đảm bảo được các nội dung GDĐĐ cho học sinh thông qua các hoạt động dạy học và giáo dục luôn được quan tâm, có sự lựa chọn, sắp xếp, bố trí nhân sự khá hợp lý. Đồng thời xác định được điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, quỹ thời gian cho việc thực hiện kế hoạch. Việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch được thực hiện tốt. Điều đó thể hiện lãnh đạo nhà trường có sự nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động GD đạo đức học sinh trên quan điểm giáo dục toàn diện.

Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch GD đạo đức có chú trọng việc phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia công tác GD đạo đức cho HS.

Phát huy khá tốt vai trò của GVCN, Đoàn thanh niên trong các hoạt động GD.

Chương trình, kế hoạch của Đoàn thanh niên luôn gắn kết với kế hoạch của nhà trường. Điều đó thể hiện sự nhất quán trong nhận thức và hành động trong việc tổ chức các hoạt động GD đạo đức của nhà trường

Tuy nhiên, những ưu điểm này chưa thật sự được đánh giá cao, chưa phát huy được hết tác dụng của nó. Bên cạnh đó, còn có những điểm yếu

2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.5.2.1. Hạn chế

Bảng 2.18: Những hạn chế trong quản lý GDĐĐ học sinh

STT	Các tiêu chí đánh giá	Hạn chế		
		Ý kiến tán thành		Xếp thứ bậc
		Số lượng	(%)	
1	Chưa quan tâm đến công tác GDĐĐ	40	18.3	11
2	Chưa xây dựng được kế hoạch GDĐĐ khoa học, hợp lý.	180	82.2	1
3	Chưa làm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ vai trò của việc GDĐĐ cho học sinh và trách nhiệm đối với công tác này.	171	78.1	2
4	Chưa chỉ đạo sát sao hoạt động GDĐĐ cho học sinh của GVCN. Bồi dưỡng được đội ngũ GVCN có phẩm chất tốt có đủ năng lực.	136	62.1	5
5	Chưa phát huy vai trò của ĐTN trong công tác GDĐĐ cho học sinh.	135	61.6	6
6	Chưa lựa chọn được nội dung GDĐĐ phù hợp.	89	40.6	8
7	Chưa lựa chọn được hình thức GDĐĐ phù hợp, hấp dẫn.	104	47.5	7
8	Chưa chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp giữa các bộ phận, đoàn thể trong trường và sự phối hợp của NT - GD - XH trong GDĐĐ cho học sinh	146	66.7	4
9	Chưa kiểm tra, đánh giá chặt chẽ.	168	76.7	3
10	Chưa tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp.	62	28.3	10
11	Quản lý tốt hoạt động tự quản của học sinh.	83	37.9	9

Kết quả thu được ở bảng 2.16 cho thấy những hạn chế trong công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì chủ yếu là: chưa xây dựng được kế hoạch GDĐĐ khoa học, hợp lý (82,2%) - xếp thứ 1; chưa làm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ vai trò của việc GDĐĐ cho học sinh và trách nhiệm đối với công tác này (78,1%) - xếp thứ 2; công tác kiểm tra đánh giá chưa chặt chẽ (76,7%) - xếp thứ 3. Các hạn chế khác có tỷ lệ người được hỏi ý kiến tán thành thấp hơn, đó là: chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp giữa các bộ phận, đoàn thể trong trường và sự phối hợp của nhà trường - gia đình - xã hội trong GDĐĐ cho

học sinh xếp thứ 4 với 66,5% ý kiến tán thành; Chỉ đạo chưa sát sao, hiệu quả hoạt động GDĐĐ cho học sinh của giáo viên chủ nhiệm và chưa làm tốt công tác bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên chủ nhiệm (63,1%) - xếp thứ 5. Bên cạnh đó không phải tất cả các tiêu chí khác là hoàn toàn tốt, nhưng về cơ bản đã đạt được yêu cầu từ mức trung bình trở lên và có triển vọng tốt.

2.5.2.2. Nguyên nhân

Bảng 2.19: Nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý GDĐĐ

TT	Nguyên nhân của những hạn chế	Ý kiến tán thành		Xếp thứ bậc
		SL	%	
1	Chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu và tính chất của công việc.	187	85,4	5
2	Nhận thức của một bộ phận cán bộ giáo viên về vai trò, nhiệm vụ của công tác GDĐĐ cho học sinh chưa đầy đủ.	171	78,1	7
3	Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường còn nhiều thiếu thốn.	148	67,6	10
4	Nhận thức của cán bộ quản lý về vai trò, tầm quan trọng của GDĐĐ trong nhà trường chưa thật sâu sắc, chưa quan tâm đúng mức đến công tác này.	180	82,2	6
5	Cán bộ quản lý chưa quán xuyến toàn bộ các yếu tố ảnh hưởng và những diễn biến phức tạp của công tác GDĐĐ cho học sinh và hoạt động quản lý công tác này.	160	73,1	9
6	Thiếu văn bản pháp quy về công tác GDĐĐ kết hợp với GDPL; tính pháp quy của hoạt động GDĐĐ không cao như hoạt động chuyên môn.	194	88,6	3
7	Một số gia đình chưa, thiếu quan tâm tới giáo dục đạo đức cho con em.	189	86,3	4
8	Sự quan tâm, phối hợp của các lực lượng xã hội trong GDĐĐ cho học sinh chưa chặt chẽ, đồng bộ.	165	75,3	8

TT	Nguyên nhân của những hạn chế	Ý kiến tán thành		Xếp thứ bậc
		SL	%	
9	Mặt trái của đời sống xã hội ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục, đạo đức và công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh.	195	89	2
10	Quan niệm sống, nhận thức, tình cảm và hành vi đạo đức của con người mới, của học sinh thế kỷ XXI có những biến đổi phức tạp theo chiều hướng không tích cực.	198	90,4	1

Qua thực tế tìm hiểu công tác quản lý hoạt động của các trường THPT KTVT và qua kết quả điều tra chúng tôi thấy: BGH nhà trường trong quá trình quản lý tổng thể và đặc biệt là trong quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh đã gặp phải không ít những khó khăn, trở ngại dẫn đến việc mặc dù đã quan tâm và có nhiều cố gắng để làm tốt công tác này nhưng nhà trường vẫn không tránh khỏi còn những tồn tại, hạn chế mà nguyên nhân của những hạn chế đó chủ yếu là do: Mặt trái của đời sống xã hội ảnh hưởng đến môi trường giáo dục, đạo đức, ý thức pháp luật và công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh; sự biến đổi sâu sắc về quan niệm sống, nhận thức, tình cảm, thái độ, hành vi đạo đức, lối sống của con người, nhất là của học sinh THPT thời kỳ hội nhập, mở cửa. Những nguyên nhân này lại tiếp tục kéo theo, chi phối đến hàng loạt những nguyên nhân (khó khăn, thách thức) khác ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh của các trường.

Việc thiếu các văn bản pháp quy cho công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cũng là một nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến những khó khăn cho người quản lý công tác này.

Bên cạnh đó còn rất nhiều nguyên nhân khác cần được tìm cách giải quyết như: Nhận thức của một bộ phận cán bộ giáo viên về vai trò, nhiệm vụ của công tác GDĐĐ cho học sinh chưa đầy đủ dẫn đến sự chỉ đạo khó thống nhất, việc thực hiện bị buông lỏng, thiếu trách nhiệm; sự quan tâm, phối hợp của các lực lượng xã hội trong GDĐĐ cho học sinh chưa chặt chẽ, đồng bộ và một số gia đình chưa, hoặc

thiếu quan tâm tới giáo dục đạo đức cho con em dẫn đến không những sức mạnh tổng hợp không được phát huy mà còn làm cho công tác này gặp rất nhiều khó khăn.

Ngoài những nguyên nhân khách quan căn bản trên không thể không kể đến những nguyên nhân chủ quan như:

Sự tác động tiêu cực của môi trường xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến việc GD đạo đức cho HS. Những tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm, ma túy, băng đĩa đồi trụy, chơi bời lêu lổng, uống rượu bia, quậy phá... hàng ngày tác động tới nhận thức, hành vi của HS, phá vỡ niềm tin, tình cảm và thói quen tốt của các em. Đây là những nguyên nhân đẩy các em vào con đường sử dụng những chất gây nghiện, vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội. Những hành vi của người lớn vi phạm pháp luật, ứng xử thiếu văn hóa, dẫn HS đến quan niệm sai lệch và không nhận thức được tác hại và trách nhiệm về hành vi của mình. HS dễ dàng bị sa ngã nếu chúng ta buông lỏng sự chăm lo giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội.

Sự thiếu quan tâm và phối hợp chưa nhiệt tình từ một bộ phận CMHS đối với việc GD con cái phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả GD đạo đức của nhà trường.

Các trường còn hạn chế về nguồn kinh phí, đây cũng là trở ngại lớn trong việc tổ chức các hoạt động GD đạo đức cho HS.

Những hạn chế nêu trên đã tác động rất lớn đến hoạt động quản lý GDĐĐ cho HS. Vì vậy, việc tìm ra các giải pháp để khắc phục những hạn chế, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý công tác GDĐĐ cho HS là một vấn đề hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay ở các trường THPT nói chung và trường THPT KTVT nói riêng

Tiểu kết chương 2

Kết quả nghiên cứu thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT và quản lý giáo dục đạo đức cũng cho thấy:

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho HS ngay từ đầu năm học, kế hoạch từng tháng theo các đợt thi đua chủ điểm, theo hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, kế hoạch chưa thực sự thể hiện như một chương trình hành động cụ thể, thiết thực bao gồm tất cả các yếu tố cần thiết của một kế hoạch, chương trình hành động một cách chi tiết như: công tác tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, thi đua khen thưởng mà mới chỉ ra các việc làm cần thực hiện, thời gian hoàn thành.

Các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức quản lý cho CBQL và GV trong trường được về kiến thức GDĐĐ cho học sinh còn ít. Các CBQL còn khá ngỡ ngàng khi thực hiện hoạt động quản lý công tác này, bộc lộ nhiều hạn chế trong công tác quản lý GDĐĐ cho học sinh.

Nhà trường mới chỉ quan tâm chú trọng đến yếu tố giáo dục từ nhà trường còn việc phối hợp các lực lượng cùng tham gia và chuẩn bị CSVC cho các hoạt động chưa thật sự được quan tâm. Sự phối hợp giữa các lực lượng chưa đồng bộ.

Vì vậy để khắc phục những hạn chế tồn tại, cần có những giải pháp mang tính đồng bộ, toàn diện. Từ tư tưởng nhận thức của CBGV, đến những giải pháp cụ thể. Trên cơ sở đó đề tài đã xây dựng một số biện pháp quản lý GDĐĐ cho học sinh THPT được đề tài trình bày tại chương 3.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KỸ THUẬT VIỆT TRÌ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

3.1. Những nguyên tắc đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu

Mục tiêu được coi là cái đích của mọi hoạt động. Cái đích của hoạt động giáo dục, hoạt động QLGD chính là mục tiêu giáo dục. Việc lựa chọn, xác định được các mục tiêu từ đó tìm được các biện pháp thực hiện phù hợp với các mục tiêu, đạt được mục tiêu là một nguyên tắc quan trọng và cũng là điều mà tất cả các nhà giáo dục và QLGD mong muốn. Vì vậy khi xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục cần dựa trên những mục tiêu giáo dục, đảm bảo tính phù hợp và khả năng thực hiện đạt được các mục tiêu

Bên cạnh việc xác định mục tiêu cho hoạt động thì việc dùng mục tiêu đó để định hướng xuyên suốt trong quá trình hoạt động giáo dục diễn ra cũng quan trọng không kém. Chúng ta còn phải chú ý tới những mục tiêu GD phù hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội; xu thế hội nhập với phát triển GD&ĐT của địa phương trong giai đoạn hiện nay, đảm bảo tính kế thừa và phát triển. Đặc biệt, các biện pháp quản lý giáo dục của người CBQL cấp cơ sở khi đưa ra còn phải chú ý đến mục tiêu giáo dục cụ thể của từng nhà trường và dung hoà giữa các mục tiêu đó

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

Những biện pháp đưa ra cần đảm bảo tính đồng bộ, phải tác động vào các yếu tố của quá trình quản lý GDĐT cho học sinh. Quá trình GDĐT cho học sinh chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó bao gồm các yếu tố chủ quan và khách quan. Vì vậy, việc đưa ra các biện pháp quản lý GDĐT cho học sinh phải có tính thống nhất, có tính khoa học nhằm phát huy tốt những ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố đó.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi, hiệu quả

Muốn đề xuất các biện pháp QLGD có hiệu quả phải căn cứ vào đặc điểm của nhà trường, sát hợp với điều kiện từng địa phương, từ tất cả các phương diện đảm bảo việc thực hiện như: con người, điều kiện về cơ sở vật chất, cách thức quản lý, hình thức tổ chức thực hiện các hoạt động, điều kiện môi trường...

Khi xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện thì điều kiện thực tế, tình hình cụ thể luôn được coi là căn cứ khoa học và thực tiễn. Xác định rõ con người chính là đối tượng của giáo dục, QLGD nên các biện pháp quản lý phải có tính khả thi cao, phải quan tâm tới đặc điểm, sự phát triển tâm lý lứa tuổi HS của mỗi cấp học, bậc học, ngoài ra là sự tác động của các yếu tố bên ngoài đến sự hình thành phát triển nhân cách của các em trong những điều kiện kinh tế văn hoá, xã hội cụ thể.

Mỗi tập thể sẽ chịu tác động và ảnh hưởng của từng biện pháp quản lý, nó có thể ảnh hưởng lâu dài đến cả một thế hệ và tạo nên diện mạo nhân cách của thế hệ đó. Vì vậy cần phải tính toán khoa học, tiến hành thực nghiệm để kiểm định, xác định tính khả thi và thiết thực của từng biện pháp trong điều kiện cho phép trước khi đưa ra các biện pháp QLGD cụ thể.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông

Người quản lý phải có tình thương đối với học sinh nhưng phải tỏ ra nghiêm túc, biết trân trọng mặt tốt, tích cực của học sinh dù là nhỏ, biết động viên khích lệ kịp thời, đưa ra yêu cầu vừa sức thúc đẩy sự tiến bộ đồng thời phải thường xuyên uốn nắn, điều chỉnh từ những nhận thức những sai lầm ban đầu của học sinh.

Người quản lý chỉ đạo tốt hoạt động của tập thể nhà trường, tập thể chi đoàn, phát huy tốt vai trò của Đoàn thanh niên, giáo viên chủ nhiệm trong tổ chức hoạt động, ..., coi đó là môi trường quan trọng và là phương tiện mạnh mẽ để hình thành nhân cách cho học sinh cũng như phát huy sở trường, năng khiếu của mỗi cá nhân, các mối quan hệ, giao lưu được xây dựng đúng đắn trong tập thể. Luôn ủng hộ sáng kiến của trò, song cũng phải biết thuyết phục, chờ đợi từ bỏ cách làm sai của các em. Từng bước xây dựng chế độ tự quản trong từng tập thể.

Khi xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, phương pháp, phương tiện giáo dục đạo đức cho học sinh cần phải tính đến đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm cá nhân về mặt nhận thức, yêu cầu, hứng thú

3.2. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay

3.2.1. Biện pháp 1: Tổ chức nâng cao nhận thức về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho cán bộ - giáo viên - học sinh và phụ huynh trong bối cảnh hiện nay

3.2.1.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp

Việc tổ chức nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ - giáo viên, học sinh và CMHS là yếu tố vô cùng quan trọng, ảnh hưởng lớn đến giáo dục toàn diện của nhà trường và chất lượng GDĐĐ học sinh. Nếu làm tốt việc này thì các lực lượng chủ yếu sẽ huy động được vào công tác GDĐĐ cho HS, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như trong hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp, từ đó sẽ thực hiện tốt được các mục tiêu đề ra

Làm cho đội ngũ có cách nhìn nhận sâu sắc hơn như: CBQL, GV, CMHS, tổ chức Đoàn thể nhà trường về tầm quan trọng và sự cấp thiết của công tác quản lý GDĐĐ cho HS trong giai đoạn hiện nay. Qua đó đội ngũ CBQL, GV, CMHS, Đoàn thanh niên sẽ có tinh thần trách nhiệm ngày càng nâng cao và cùng tham gia tích cực vào các hoạt động, qua đó góp phần nâng cao chất lượng GDĐĐ cho HS, xây dựng và củng cố chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường, từ đó HS sẽ có ý thức hơn trong việc tự giáo dục và vươn lên trong học tập và rèn luyện đạo đức.

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp

Các lực lượng trong và ngoài nhà trường nâng cao được ý thức, tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh. Giúp họ hiểu được công tác giáo GDĐĐ cho HS là nhiệm vụ của toàn xã hội và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong nhà trường theo mục tiêu xây dựng những phẩm chất đạo đức mới của con người Việt Nam trong giai đoạn CNH - HĐH đất nước.

Cán bộ quản lý, cán bộ chủ chốt và các lực lượng trong nhà trường phải quán triệt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, các quy định, quy chế của

ngành, hướng dẫn của các cơ quan QLGD về công tác giáo dục đạo đức, giáo dục tư tưởng, chính trị cho học sinh trong trường phổ thông, để có định hướng cho công tác này trong từng năm học với các hình thức hoạt động phong phú, đa dạng và thiết thực.

3.2.1.3. Cách tiến hành biện pháp

+ Đối với BGH

Phải nắm vững các văn bản của sở, bộ GD&ĐT trên về công tác quản lý GDĐĐ cho HS, quán triệt trong CB-GV-NV, học sinh và CMHS một cách đầy đủ, kịp thời; chỉ đạo, vận động các lực lượng trong nhà trường cùng tham gia thực hiện công tác này có hiệu quả hơn.

Xây dựng kế hoạch quản lý GDĐĐ HS cho theo từng tháng, kỳ và cả năm học đảm bảo tính khả thi. Muốn vậy Hiệu trưởng phải nắm vững thực trạng đạo đức của HS, nhận thức của các lực lượng trong và ngoài nhà trường về công tác giáo dục đạo đức cho HS, chất lượng giáo dục của nhà trường, những thuận lợi và khó khăn, những mặt mạnh và yếu, những biện pháp quản lý đã thực hiện; nắm vững về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THPT. Kết hợp với GVCN và Đoàn TNCS trong nội dung này.

Tổ chức hội thảo, hội nghị về công tác GDĐĐ cho HS, bố trí hợp lý về thời gian, con người, địa điểm, nội dung, hình thức và cách thức tiến hành. Thành phần tham dự gồm CB-GV-NV, ban đại diện CMHS; đại diện chính quyền địa phương và các đoàn thể. Từ đó những hình thức và giải pháp thích hợp sẽ được đề ra để giáo dục và quản lý công tác GDĐĐ HS trong nhà trường. Tổ chức Hội nghị cán bộ công chức đầu năm học, ký giao ước thi đua giữa Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn và CB-GV-NV nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn nhà trường tổ chức tốt các cuộc vận động phong trào thi đua trong năm học như cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử, nói không với vi phạm

đạo đức nhà giáo”, tiếp tục nâng cao công tác quản lý và chất lượng giáo dục của nhà trường.

HS cần được nhà trường trang bị những hiểu biết cơ bản về đạo đức, chuẩn mực đạo đức mà xã hội yêu cầu cũng như: vị trí, vai trò, chức năng của đạo đức trong đời sống, ý thức chấp hành nội quy trong nhà trường, phương pháp rèn luyện và tu dưỡng đạo đức; thực hiện tốt các chính sách và pháp luật, nhiệm vụ của học sinh theo điều lệ trường trung học, luật giáo dục. Những nội dung này phải được chuyển tải đến học sinh một cách mềm dẻo, linh hoạt, tránh khô cứng, máy móc. Công tác giáo dục đạo đức cho học sinh phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, được tiến hành trong các buổi chào cờ đầu tuần; trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm; trong giảng dạy môn giáo dục công dân và các môn văn hóa khác.

+ Đối với ĐTN

Phải nắm bắt kịp thời chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước; các kế hoạch, chương trình hành động của Đoàn cấp trên để xây dựng chương trình hành động trong năm học với nội dung và hình thức sinh hoạt thiết thực, hấp dẫn đoàn viên, thanh niên nhằm góp phần tích cực giáo dục đạo đức cho học sinh; quản lý tốt các hoạt động phong trào để nâng cao đạo đức cho HS.

+ Đối với giáo viên

Phải có ý thức trách nhiệm giáo dục đạo đức và quản lý HS thông qua công tác giảng dạy, đồng thời gương mẫu trong lời nói, việc làm, mẫu mực trong ứng xử, giao tiếp. Đối với GVCN, là người có vai trò rất lớn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh, phải có nhận thức đúng đắn về mục tiêu giáo dục hiện nay với tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình và biết vận dụng các phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh. GVCN phải thường xuyên lưu ý, nhắc nhở học sinh; kịp thời phổ biến và quán triệt trong học sinh về chỉ đạo của ngành và nhà trường.

+ Đối với CMHS

Hiệu trưởng có kế hoạch tổ chức họp CMHS vào đầu năm học (cũng như giữa năm và cuối năm). Một trong những nội dung quan trọng trong các cuộc họp này là sự phối hợp giữa nhà trường và CMHS để giáo dục đạo đức cho học sinh, triển khai những văn bản có liên quan đến công tác giáo dục đạo đức, cung cấp

thêm một số kiến thức về những vấn đề tâm lý lứa tuổi và phương pháp để giáo dục con cái. Qua đó làm cho CMHS hiểu rằng nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho học sinh là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó có vai trò rất to lớn và quan trọng của gia đình.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

CBQL, GV cần nắm rõ các văn bản về chủ trương, đường lối và nghị quyết của Đảng, những định hướng phát triển của ngành giáo dục, địa phương và của các cơ quan quản lý giáo dục. Phải có sự quan tâm, lãnh chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường, sự phối hợp hành động và ủng hộ của chi bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ, giáo viên là tiền đề cho việc nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức học sinh. Vấn đề tổ chức tốt bộ máy trong nhà trường phải đi đôi với việc đảm bảo kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục đạo đức.

3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục trung học phổ thông và đặc điểm riêng của trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì

3.2.2.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp

Giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh cũng như các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương thấy rõ tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng toàn diện, coi trọng công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống; trong đó, chú trọng hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật, truyền thống lịch sử, văn hóa, lòng tự hào dân tộc, đạo lý uống nước nhớ nguồn cho HS;

Xây dựng môi trường giáo dục trong nhà trường lành mạnh, nói không với tiêu cực và các tệ nạn xã hội bằng các biện pháp như: giáo dục tư tưởng, nếp sống văn hóa, tác phong cho HS, phát triển các ước mơ, hoài bão, lý tưởng và phát huy lòng tự hào dân tộc, ý thức chấp hành pháp luật

Giáo dục kiến thức văn hoá, khoa học: Trên nền tảng giáo dục đạo đức học sinh, nhà trường giáo dục kiến thức văn hoá các môn học cho học sinh, với nhiều hình thức nội khoá và ngoại khoá phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT KTVT

3.2.2.2. Nội dung của biện pháp

Triển khai thực hiện chỉ thị 05-CT/TT về “ Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”

Tăng cường giáo dục đạo đức thông qua các môn học dựa trên cơ sở nội dung GDĐĐ trong chương trình THPT, chương trình môn học, GDNGLL, hướng nghiệp và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh nhà trường

Xây dựng kế hoạch GDĐĐ học sinh thông qua công tác chủ nhiệm, thông qua giáo dục thể chất; an toàn giao thông; quốc phòng – an ninh, các hoạt động giáo dục lao động, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp dạy nghề và các hội thi khác

Tổ chức họp phụ huynh HS, sử dụng số liên lạc giữa nhà trường và gia đình HS và phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường để GDĐĐ HS

3.2.2.3. Cách tiến hành biện pháp

Người quản lý yêu cầu GV, GVCN, ĐTN lập kế hoạch GDĐĐ theo lĩnh vực phụ trách, theo tháng, tuần một cách khoa học, với những nội dung cụ thể như:

+ Đối với ĐTN

Xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động “đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong học sinh.

Triển khai tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh” trong nhà trường, cho HS thực hiện đăng ký việc làm cụ thể.

Xây dựng các chương trình ngoại khóa gắn với chủ đề, chủ điểm năm học, thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua cho HS

+ Đối với GV

Trong quá trình dạy học cần tích hợp thêm các nội dung GDĐĐ học sinh vào các môn học như:

Môn Ngữ văn giúp HS phát triển ngôn ngữ trong giao tiếp, biết phân biệt cái xấu, tốt trong mỗi con người từ đó làm theo điều hướng thiện, loại bỏ những tâm niệm không tốt; giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau

Môn khoa học xã hội giúp học sinh hiểu được các phạm trù khác nhau trong xã hội, ứng xử trong cuộc sống; kiểm soát được các hành vi và hành động theo các chuẩn mực đạo đức

Các môn khoa học tự nhiên cần lồng ghép giáo dục học sinh về niềm tin vào khoa học, bài trừ mê tín dị đoan, xây dựng niềm đam mê nghiên cứu thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế, thí nghiệm thực hành

GV bộ môn thể dục, giáo dục quốc phòng xây dựng kế hoạch đảm bảo nội dung:

Giáo dục thể chất: Giáo dục học sinh ý thức tập thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe. Tổ chức tốt Hội khỏe phù đồng cấp trường, câu lạc bộ TDTT, đảm bảo học sinh tập thể dục giữa giờ nghiêm túc.

Giáo dục quốc phòng an ninh: Triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục quốc phòng của Sở GD&ĐT. Thông qua học tập, rèn luyện xây dựng cho học sinh ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự, ý thức sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc

Giáo dục đạo đức học sinh cần phối hợp chặt chẽ với Đoàn thanh niên nhà trường trong công tác GD truyền thống, GDDD, GD chính trị tư tưởng và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao.

Phối hợp với Hội chữ thập đỏ trong công tác tổ chức các hoạt động từ thiện nhân đạo; Phối hợp với Hội cựu chiến binh trong công tác GD tác phong và nếp sống anh bộ đội cụ Hồ

Phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội ngoài nhà trường để GDDD HS, đặc biệt là phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh

+ Đối với GVCN

Nắm chắc tình hình lớp chủ nhiệm, liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh trong công tác giáo dục các em. Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch hoạt động GD NGLL cụ thể, rõ ràng và khả thi, phù hợp với đặc điểm của lớp mình phụ trách để giáo dục học sinh có hiệu quả. Phối hợp có hiệu quả với các đoàn thể trong nhà trường để giáo dục toàn diện các em

Sử dụng Sổ liên lạc điện tử và quản lý điểm trực tuyến để phối hợp kịp thời với CMHS giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật của các em. Phải thông báo kịp

thời cho CMHS biết và cùng phối hợp giáo dục những HS vi phạm nội quy của trường

Ngoài sổ liên lạc, Nhà trường có các hình thức thông tin hai chiều linh hoạt với CMHS, đồng thời yêu cầu CMHS có trách nhiệm thường xuyên chủ động phối hợp với GVCN trong việc giáo dục đạo đức, ý thức, tinh thần học tập, tránh tình trạng “Khoán trắng” cho nhà trường

+ Đối với lãnh đạo

Tăng cường hơn nữa việc kiểm tra việc xây dựng kế hoạch GDĐĐ của các LLGD để nhắc nhở kịp thời, sau khi các kế hoạch đã được thông qua trong cuộc họp cần chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch, đồng thời giám sát việc thực hiện, nếu thấy điểm nào chưa phù hợp thì điều chỉnh

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đoàn thanh niên cần phải tăng cường giáo dục thế giới quan khoa học, tăng cường giáo dục tư tưởng cách mạng, nâng cao lòng yêu nước, tăng cường ý thức lao động và tự lao động (động cơ, thái độ đúng đắn, chăm chỉ, nỗ lực vươn lên...) cho HS thông cuộc vận động “*đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” để giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong và lối sống cho học sinh.

Các hoạt động giáo dục lòng thương yêu, hành vi ứng xử có văn hoá trong học đường được tăng cường

Thông qua các môn học giáo viên phải giáo dục được các giá trị chân thiện mỹ trong tâm hồn các em, giúp các em biết yêu cái tốt, ghét cái xấu, xây dựng niềm tin khoa học và bản thân luôn có ý thức hoàn thiện bản thân, trau dồi nhân phẩm hướng đến hình thành nhân cách người Việt Nam trong thời đại mới

Giáo viên chủ nhiệm nắm chắc tình hình lớp chủ nhiệm, liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh trong công tác giáo dục các em, xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch hoạt động GD NGLL cụ thể, rõ ràng và khả thi, phù hợp với đặc điểm của lớp mình phụ trách để giáo dục học sinh có hiệu quả. Phối hợp có hiệu quả với các đoàn thể trong nhà trường để giáo dục toàn diện các em

Thực hiện tốt công tác liên lạc nhà trường gia đình thông qua phiếu liên lạc, sổ liên lạc điện tử, liên hệ qua điện thoại và trao đổi trực tiếp với phụ huynh

Các bộ môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, y tế học đường và ĐTN nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức học sinh thông qua bộ môn, lĩnh vực mình phụ trách.

Có kế hoạch phối hợp thực hiện cụ thể trong các buổi tuyên truyền, giáo dục pháp luật, giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ

Kế hoạch không được mang tính chủ quan, phải được xây dựng trên tinh thần tập thể, bám sát thực tiễn, phù hợp với đặc điểm học sinh trường THPT KTVT và mục tiêu giáo dục.

Kế hoạch phải có tính kế thừa, sáng tạo, sử dụng được đúng năng lực của từng người, nâng cao được chất lượng GDĐĐ và phải nhận được sự nhất trí cao của tập thể hội đồng sư phạm.

3.2.3. Biện pháp 3: Quản lý, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh

3.2.3.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp

Quản lý bộ máy và xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực, có chất lượng để thực hiện công tác quản lý GDĐĐ cho HS chính là giai đoạn hiện thực hóa những ý tưởng đã được kế hoạch hóa để đưa hoạt động GDĐĐ đến mục tiêu đã định. Đây chính là sự bố trí một cách khoa học những cán bộ, giáo viên chuyên trách, những bộ phận giúp việc phù hợp, những hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên một cách hợp lý để mỗi người đều thấy hài lòng và hào hứng với nhiệm vụ được giao, tạo nên sự cộng hưởng của các lực lượng tham gia, hướng tới việc hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra

Một trong các yếu tố góp phần hết sức quan trọng trong việc GDĐĐ cho HS là xây dựng môi trường giáo dục, xây dựng cảnh quan, môi trường sư phạm thân thiện với học sinh, để nhà trường thật sự là “nhà trường”, là ngôi nhà thứ hai của các em và tự đúng nghĩa của nó là mang yếu tố giáo dục, để mỗi ngày đến trường là một niềm vui đối với các em

Nhằm tạo ra bộ phận vận hành một cách có trách nhiệm và hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT trong nhà trường. Thông qua bộ máy tổ

chức này để giúp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức cho học sinh.

3.2.3.2. Nội dung của biện pháp

Xây dựng tập thể sư phạm gương mẫu, xác định tổ chức chuyên trách quản lý GDĐĐ cho HS và thành phần của tổ chức, các cá nhân phải đoàn kết, thống nhất, yêu nghề và thương yêu học sinh.

Quản lý cơ sở vật chất, chú trọng đến xây dựng cảnh quan nhà trường khang trang, sạch sẽ, trường ra trường, lớp ra lớp. Sắp xếp, chỉnh trang bộ mặt, khung cảnh của nhà trường làm sao cho toàn trường đều toát lên ý nghĩa giáo dục đối với học sinh. Mỗi một công trình xây dựng trong nhà trường đều mang tính giáo dục, tác động đến tình cảm thẩm mỹ, đến lòng yêu trường, yêu lớp của học sinh, tạo cho học sinh có cảm giác thoải mái khi học tập cũng như tham gia các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Các em sẽ cảm thấy có sự gắn bó thân thiết với ngôi trường thân yêu, có ý thức bảo vệ, gìn giữ.

Xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực, nền nếp trong công tác chuyên môn cũng như các hoạt động giáo dục khác, tạo nên bầu không khí hòa thuận, có tính giáo dục trong mỗi lớp học và toàn nhà trường, hình thành nên nét văn hóa riêng của nhà trường. Từ đó xây dựng nhà trường có nền nếp tốt: mang tính mô phạm; không có dư luận xấu, phê phán cái thiếu đạo đức trong giáo dục, có phong trào thi đua sôi nổi đúng thực chất.

Xây dựng các thành viên trong nhà trường có mối quan hệ tốt đẹp: giữa lãnh đạo với GV, giữa GV với HS, giữa học sinh với nhau, những mối quan hệ phải đúng mực và hài hòa. GV tận tụy với công việc, thương yêu và tôn trọng học sinh. Học sinh lễ phép, biết yêu mến và tin tưởng thầy cô; đối với nhau thì đoàn kết, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, không oán ghét, đánh nhau, không nói tục chửi thề; không tham gia vào tệ nạn xã hội, không vi phạm trật tự xã hội, an toàn giao thông; xây dựng nhà trường không có bạo lực học đường.

3.2.3.3. Cách tiến hành biện pháp

+ Đối với Hiệu trưởng.

Các bộ phận và các cá nhân cần được bố trí sắp xếp cho đúng người, đúng việc, phát huy tối đa năng lực, quyền hạn từng người; đồng thời bố trí, sắp xếp các nguồn lực, xác lập cơ chế phối hợp giữa các bộ phận. Từ đó xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho HS ngay từ đầu năm học đảm bảo nội dung, biện pháp, thời gian, chỉ tiêu cho phù hợp

Những cán bộ giáo viên tham gia quản lý GDĐĐ phải được đào tạo chuyên sâu về công tác quản lý HS

Đầu tư kinh phí để cải tạo cảnh quan nhà trường: trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh, trang trí phòng học và trong khu vực trường, trưng bày các khẩu hiệu, nội quy nhà trường; xây dựng tường rào, công ngõ an toàn. Trong điều kiện kinh phí hạn hẹp, các trường có thể kêu gọi sự đóng góp, hỗ trợ từ các lực lượng xã hội.

Các hoạt động lao động vệ sinh trường lớp, vệ sinh môi trường cần được thường xuyên tổ chức.

Tổ chức khai giảng năm học mới thật sự có ý nghĩa theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, chú trọng cả phần “Lễ” và “Hội” để tạo ấn tượng đầu năm học cho học sinh.

Xây dựng các tiêu chí thi đua cho GV và HS, nội quy nhà trường, nhiệm vụ của học sinh trên cơ sở điều lệ trường trung học và nội dung quản lý giáo dục .

Cùng kết hợp với cộng đồng xây dựng môi trường lành mạnh chung quanh trường, tạo điều kiện giáo dục học sinh. Kết hợp với lực lượng công an địa phương giải tỏa các điểm thường xuyên tụ tập đông người như: hàng quán trước cổng trường, điểm vui chơi giải trí và truy cập Internet xung quanh trường theo đúng quy định của ngành chức năng. Việc này phải thực hiện cương quyết, không để kéo dài.

Tổ chức các phong trào thi đua trong học sinh thường xuyên, liên tục trong năm học, bảo đảm tính công bằng, phù hợp với điều kiện nhà trường.

Quản lý, xây dựng đội ngũ GVCN, tạo điều kiện cho GVCN xây dựng lớp thành những tập thể vững mạnh, tạo nên phong trào thi đua học tốt ở các lớp.

Trong CB-GV-NV cần được xây dựng thành khối đoàn kết. Làm tốt cuộc vận động của ngành theo chủ đề năm học

+ Đối với cán CB-GV-NV.

CB-GV nhà trường phải gương mẫu về mọi mặt, không ngừng tự hoàn thiện nhân cách của mình, là tấm gương cho học sinh noi theo. Tuy CB-GV không phải là hình mẫu tương lai của các em học sinh, nhưng những ưu điểm, những giá trị của họ sẽ là mục tiêu mà học sinh phấn đấu thực hiện được. Bất cứ lúc nào, ở đâu cũng có thể tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh. Khi có một CB-GV-NV lưu ý nhắc nhở trực tiếp học sinh về mặt hạnh kiểm tức là hiệu trưởng đã triển khai được và vận động các thành viên trong nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh.

+ Đối với tổ chức ĐTN.

Đoàn trường là lực lượng nòng cốt trong nhiều hoạt động. Trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, Đoàn trường được coi là lực lượng tham gia nhiều.

Đoàn TNCS cần chủ động phối hợp với GVCN, GVBM tổ chức tốt phong trào thi đua học tập, thực hiện chương trình rèn luyện đoàn viên trong “Năm xung kích” và “Bốn đồng hành” do Trung ương Đoàn phát động. Chủ động thành lập tổ “Thanh niên xung kích” thành phần bao gồm những Đoàn viên, thanh niên ưu tú có nhiệm vụ kín đáo giám sát một số học sinh chậm tiến bộ về tình hình học tập, rèn luyện ở lớp và ở địa phương, qua đó phản ánh về Đoàn thanh niên để có biện pháp tác động, giáo dục kịp thời.

Hàng tuần, hằng tháng tổ chức tốt các buổi sinh hoạt Đoàn, tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh. Các hoạt động thường xuyên đổi mới về hình thức, nội dung cho phù hợp với tâm lý lứa tuổi, với điều kiện nhà trường, để các buổi sinh hoạt tạo sự hứng thú, thật sự lôi cuốn Đoàn viên thanh niên tham gia.

Giáo dục tinh thần yêu nước, giáo dục ước mơ, hoài bão cho Đoàn viên thanh niên. Nội dung giáo dục ước mơ, hoài bão cho học sinh hiện chiếm tỉ lệ thấp. Đoàn trường là tổ chức có thể thực hiện tốt nhiệm vụ này. Là lực lượng gần gũi với thanh niên, các cán bộ đoàn có điều kiện tiếp xúc, trao đổi, qua đó giúp học sinh nâng cao dần nhận thức, chống lại các tiêu cực, đấu tranh chống lại cái sai, ủng hộ cái đúng. Một mặt Đoàn trường còn có khả năng là chất xúc tác để học sinh thực hiện những yêu cầu do nhà trường đưa ra.

Hoạt động xã hội chính là một môi trường để rèn luyện và giáo dục con người. Vì vậy, thông qua các hoạt động xã hội, học sinh có điều kiện và cơ hội quan hệ, tiếp xúc. Qua đó sự giao tiếp giữa các em càng đa dạng hơn, càng làm phát triển phong phú các phẩm chất nhân cách, hình thành kỹ năng ứng xử, giao tiếp có văn hóa, cá tính được bộc lộ, đạo đức học sinh được hoàn thiện hơn.

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Nhà trường, đứng đầu là Hiệu trưởng giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh. Hiệu trưởng tổ chức được một đội ngũ cán bộ, giáo viên có tri thức khoa học sư phạm, cùng với các lực lượng giáo dục có sự tham gia của cấp ủy và Hội đồng giáo dục địa phương, xây dựng môi trường giáo dục thống nhất giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Đội ngũ CB-GV-NV của nhà trường đạt chuẩn theo quy định, gương mẫu, đoàn kết, thống nhất, yêu nghề và thương yêu học sinh, giữ vững hình ảnh tốt đẹp về người thầy; tạo ra các giá trị cho nhà trường, cùng hướng đến một mục tiêu chung về giáo dục nói chung và công tác giáo dục đạo đức học sinh nói riêng

3.2.4. Biện pháp 4: Quản lý, đổi mới công tác chủ nhiệm lớp

3.2.4.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp.

GVCN ở trường THPT nói chung và trường THPT KTVT nói riêng có vị trí đặc biệt quan trọng và có vai trò rất to lớn trong công tác giáo dục nhà trường. Đổi mới công tác chủ nhiệm lớp từ việc Quản lý của lãnh đạo đến việc thực hiện của GV hiện nay đã đem lại nhiều kết quả tích cực. Đổi mới từ việc lập kế hoạch đến bồi dưỡng năng lực, nâng cao kỹ năng cho đội ngũ GVCN. Quản lý việc GVCN tổ chức các nội dung triển khai, đổi mới nội dung đánh giá, kiểm tra để đảm bảo sự thành công đổi mới phương pháp chủ nhiệm lớp.

Nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho HS và chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường thì cán bộ quản lý, giáo viên đề xuất các biện pháp quản lý, đổi mới phương pháp chủ nhiệm lớp dựa trên các nội dung giáo dục kỹ luật tích cực ở trường THPT

3.2.4.2. Nội dung của biện pháp

Hiệu trưởng nâng cao nhận thức và hiểu biết về công tác chủ nhiệm lớp ở cấp THPT bằng nghiên cứu tài liệu, lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác chủ nhiệm lớp định kỳ và đột xuất

GVCN cần hiểu rõ những đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục, xác định đúng mục tiêu giáo dục học sinh THPT; nắm chắc kế hoạch, nhiệm vụ giáo dục, dạy học của nhà trường.

GVCN tìm hiểu và nắm vững đặc điểm tình hình học sinh trong lớp chủ nhiệm. Tiến hành phân loại đối tượng học sinh, nắm rõ hoàn cảnh học sinh, kết hợp tốt với gia đình và địa phương trong công tác giáo dục đạo đức cho HS.

GVCN tìm hiểu đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh như: đạo đức, tình trạng sức khỏe, năng lực và động cơ học tập, quan hệ của học sinh với cha mẹ, anh chị em trong gia đình, với thầy cô và xã hội. Việc tìm hiểu các đặc điểm tâm lý lứa tuổi HS là rất cần thiết, bên cạnh đó GVCN phải xác định được nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

GVCN phải có nghệ thuật sư phạm, xây dựng và phối hợp tốt các mối quan hệ trong nhà trường và địa phương trên cơ sở nắm vững kiến thức về lý luận dạy học

Tìm hiểu thêm những tiềm năng, thế mạnh của địa phương, xã hội có tác động trực tiếp đến hoạt động GDĐĐ HS trong nhà trường để vận dụng những hiểu biết đó một cách linh hoạt và sáng tạo vào công tác chủ nhiệm

Cộng tác chặt chẽ và thường xuyên với CMHS, chủ động phối hợp với giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên, các tổ chức có liên quan trong hoạt động giáo dục đạo đức học sinh.

Xây dựng, củng cố và phát huy những truyền thống tốt đẹp của lớp. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với HS, tạo được sự yêu quý và tôn trọng từ HS

3.2.4.3. Cách tiến hành biện pháp

+ Đối với Hiệu trưởng.

Thực hiện tốt việc quản lý GVCN, đánh giá được những giáo viên có đầy đủ năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức. GVCN phải là người có khả năng công

tác quần chúng, vì họ thường xuyên tiếp xúc với học sinh và CMHS. Phân công GVCN phải hợp lý, phù hợp với thực tế nhà trường.

Thành lập tổ chủ nhiệm do Hiệu trưởng trực tiếp quản lý, chỉ đạo. Mỗi tháng họp tổ chủ nhiệm một lần để nắm toàn bộ tình hình chủ nhiệm của các lớp. Tạo điều kiện, giúp đỡ GVCN làm tốt những nhiệm vụ được giao. Chia tổ chủ nhiệm thành 3 nhóm ở 3 khối lớp, chọn giáo viên có kinh nghiệm làm nhóm trưởng.

Có kế hoạch cụ thể về công tác quản lý giáo viên chủ nhiệm; hướng dẫn xây dựng chương trình và kế hoạch làm việc của GVCN bao gồm: việc điều tra tình hình học sinh về mọi mặt; ổn định tổ chức lớp; lập chương trình kế hoạch công tác cho cả năm, từng học kỳ, từng tháng chú ý các mặt giáo dục, giúp học sinh chậm tiến, phối hợp với gia đình, với Đoàn TNCS. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ GVCN những yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác chủ nhiệm.

Thường xuyên thu nhận thông tin, phản ánh của HS về tình hình lớp, qua đó đánh giá được về tình hình diễn biến đạo đức của học sinh do GVCN cung cấp, có biện pháp kịp thời nhằm ngăn chặn những tình huống xấu xảy ra.

Thường xuyên kiểm tra hồ sơ chủ nhiệm, dự các tiết sinh hoạt lớp của GVCN; kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở GVCN về công tác giáo dục đạo đức học sinh, kiểm tra việc tự quản của HS.

Đối với các cá nhân GVCN, HS hay tập thể điển hình mà có nhiều đóng góp xuất sắc cho các hoạt động của nhà trường thì cần khen thưởng kịp thời, bên cạnh đó cá nhân hay tập thể nào vi phạm thì có biện pháp xử lý

Tăng cường, nâng cao chất lượng các buổi tập huấn để bồi dưỡng kỹ năng cho công tác chủ nhiệm, đặc biệt đối với chương trình giáo dục phổ thông hiện nay sắp thay đổi.

Việc viết sáng kiến kinh nghiệm, làm đề tài khoa học về công tác GDĐĐ cần được chú trọng hơn với GV tham gia công tác chủ nhiệm lớp, các sáng kiến kinh nghiệm, đề tài khoa học đạt giải cao thì có mức khen thưởng phù hợp. Sáng kiến, đề tài có tính thực tiễn cao nên vận dụng phù hợp vào đơn vị

+ Đối với GVCN:

Tiến hành nghiên cứu và xác lập hồ sơ học sinh: học bạ, sổ điểm, phiếu liên lạc. Để có những thông tin xác lập hồ sơ học sinh, GVCN phải tiến hành điều tra tình hình học sinh vào đầu năm học, chú ý đến hoàn cảnh học sinh, điều kiện học tập, giao tiếp của các em.

Trao đổi với HS để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng xu hướng sở thích của các em. Thông qua GV bộ môn để nắm bắt thêm về tình hình của lớp để kịp thời chấn chỉnh, xử lý.

Trao đổi với Ban giám hiệu, Đoàn trường, CMHS để có thêm những thông tin về học sinh; báo cáo trung thực, kịp thời cho ban giám hiệu về tình hình đạo đức của học sinh. GVCN dự kiến nội dung hoạt động của Ban đại diện CMHS của lớp, đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ của gia đình trong việc GD đạo đức cho học sinh.

Trong năm học, GVCN đến nhà học sinh ít nhất một lần để nắm thông tin, chú ý đến các HS có hoàn cảnh đặc biệt; thuyết phục CMHS tham gia dự họp đầy đủ. Sử dụng sổ liên lạc làm cầu nối giữa gia đình HS và nhà trường, xử lý thông tin phản hồi kịp thời, có hiệu quả. Phối hợp với CMHS để kịp thời giải quyết những tình huống phát sinh

GVCN không ngừng trau dồi đạo đức nhà giáo, luôn xứng đáng là tấm gương cho HS noi theo, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn của trường, sở, bộ về công tác chủ nhiệm lớp

GVCN cho HS viết nhật kí lớp học, qua đó, GVCN nắm bắt những thông tin, tâm tư, nguyện vọng của học sinh, để GVCN có biện pháp tư vấn, giúp đỡ kịp thời cho học sinh nhằm gắn kết tình cảm thầy trò, từ đó giáo viên chủ nhiệm có thể cảm hóa học sinh dễ dàng hơn.

GVCN phối hợp với các tổ chức Đoàn thể khác để tăng cường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa có chủ đề, chủ điểm, phát huy vai trò tập thể và cá nhân, giáo dục phát triển toàn diện cho HS, tham gia các hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa nhân văn

GVCN phải xây dựng kế hoạch tổ chức buổi sinh hoạt lớp theo chủ đề, chủ điểm, gắn với bài học đạo đức Hồ Chí Minh: đảm bảo tính hấp dẫn, thu hút được

nhều HS tham gia hoạt động, dành nhiều thời gian cho HS tự điều khiển, phát huy những giá trị tích cực của đạo đức

Thông qua các hoạt động tập thể, ngoài giờ lên lớp giúp HS biết gắn mục tiêu của cá nhân với mục tiêu của tập thể, từ đó phải thường xuyên nâng cao ý thức cá nhân, ý thức hướng nghiệp. Trong mỗi hoạt động đó, GVCN phải tìm ra được cá nhân điển hình từng nhóm HS, những HS này có thể không phải là bí thư, lớp trưởng mà là người có khả năng lôi kéo được người khác vào hoạt động, tạo được sự hứng thú, sẵn sàng tham gia hoạt động GD.

HS cần phải rèn luyện đạo đức trong các môi trường khác như: gia đình và xã hội, GVCN cần phối hợp với địa phương và gia đình giúp HS tự rèn luyện đạo đức trong các môi trường khác nhau, thông qua các phương tiện thông tin để liên hệ, hướng dẫn CMHS tiến hành các phương pháp GD, quản lý hoạt động tự rèn luyện của HS khi ở nhà.

Hàng tháng, các chủ đề hoạt động ngoài giờ lên lớp phải đổi mới về nội dung, hình thức và được GVCN tổ chức sinh động, hấp dẫn từ đó các em sẽ hiểu rõ hơn về những nội dung GDĐĐ trong nhà trường, có điều kiện để rèn luyện phẩm chất đạo đức.

+ Đối với giáo viên, các đoàn thể và CMHS:

Giáo viên bộ môn, các đoàn thể tích cực hỗ trợ GVCN trong công tác giáo dục đạo đức học sinh, thực hiện đầy đủ chức năng cố vấn cho hoạt động tự quản của HS, phản ánh kịp thời với GVCN về tình hình lớp. Trong việc đánh giá xếp loại hạnh kiểm, khen thưởng và kỷ luật học sinh thì cùng với GVCN để có sự đánh giá toàn diện nhất.

Đoàn TNCS tổng hợp kết quả thi đua theo tuần, tháng, phản ánh kịp thời các trường hợp học sinh vi phạm nội quy cho GVCN.

CMHS cần thường xuyên liên hệ với GVCN, qua đó nắm tình hình học tập, rèn luyện của con em.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Sự quan tâm đến công tác chủ nhiệm lớp của Ban giám hiệu nhà trường, đứng đầu là Hiệu trưởng, là tiền đề quan trọng để thực hiện giải pháp. Hiệu trưởng lựa

chọn và bồi dưỡng đội ngũ GVCN có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt, có tâm huyết với công tác giáo dục đạo đức học sinh.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và cơ chế làm việc và phối hợp giữa GVCN và các bộ phận trong và ngoài nhà trường; có đầu tư kinh phí và có chế độ đãi ngộ, động viên để đội ngũ GVCN toàn tâm, toàn ý phục vụ sự nghiệp giáo dục của nhà trường

Giáo viên, tổ chức đoàn thể và CMHS

3.2.5. Biện pháp 5: Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho học sinh và phản hồi thông tin để cải tiến

3.2.5.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp

Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho HS là nội dung quan trọng. Cùng với xu thế phát triển, chương trình giáo dục phổ thông thay đổi thì công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá phẩm chất chính trị đạo đức, lối sống và rèn luyện của HS cần được đổi mới về hình thức và nội dung, có tiêu chí cụ thể rõ ràng cho từng mặt hoạt động; đồng thời cũng xây dựng những qui định nhằm hạn chế những tiêu cực ảnh hưởng tới quá trình QLGDĐĐ cho học sinh góp phần tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng rèn luyện giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT nói riêng

Đánh giá khách quan, chính xác kết quả GDĐĐ của học sinh để có biện pháp điều chỉnh hoạt động giáo dục giúp cho hoạt động GDĐĐ đạt kết quả tốt nhất; nhận các thông tin phản hồi hoặc các ý kiến góp ý từ các LLGD để điều chỉnh công tác thi đua, khen thưởng và kiểm tra đánh giá xếp loại ĐĐ cho HS

Giúp học sinh hình thành và rèn luyện một số thói quen cần thiết cho việc học tập, rèn luyện nếp sống sinh hoạt tập thể, phòng tránh những tệ nạn xã hội và có khả năng thích ứng với cuộc sống muôn màu muôn vẻ đang diễn ra

Phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập, rèn luyện đạo đức; phát hiện, tôn vinh những tập thể, cá nhân điển hình và mô hình mới, nhân tố mới tiêu biểu trong tu dưỡng đạo đức

3.2.5.2. Nội dung của biện pháp

Thành lập các bộ phận để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá việc GDĐĐ HS, đảm bảo đủ các bộ phận như: Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Giáo viên chủ nhiệm. Làm căn cứ để xây dựng chế độ khen thưởng phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế nhằm khuyến khích động viên GV đạt thành tích tốt trong công tác GDĐĐ cho HS

Công tác thi đua, khen thưởng được đổi mới cả về nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng. Phong trào thi đua được tổ chức sâu rộng, bám sát nhiệm vụ GDĐĐ; khích lệ, động viên HS có những tiến bộ trong rèn luyện ĐĐ

Đối với HS việc đánh giá kết quả rèn luyện có tiêu chí, tiêu chuẩn, qui trình đánh giá đảm bảo vừa đầy đủ, toàn diện. Đảm bảo theo qui chế đánh giá, xếp loại học sinh THPT, vừa đảm bảo linh hoạt, có tính mới phù hợp với tình hình thực tế

Cán bộ quản lý, giáo viên nắm được tình hình rèn luyện, những mặt tích cực, thái độ và hành vi đạo đức của các em thông qua việc đánh giá kết quả GDĐĐ của học sinh, từ đó đưa ra được những biện pháp khắc phục những hạn chế trong công tác GDĐĐ cho HS; đánh giá được hiệu quả của các biện pháp quản lý cũng như các biện pháp GDĐĐ cho học sinh. Đồng thời căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức của học sinh cũng giúp các em tự đánh giá bản thân, hình thành thói quen tự đánh giá về kỹ năng sống của mình.

Thu nhận các thông tin phản hồi để cải tiến các nội dung khen thưởng và đánh giá phù hợp với thực tiễn

Xây dựng chuẩn đánh giá kết quả GDĐĐ của HS trường THPT KTVT; xây dựng quy trình, phương pháp đánh giá; thiết kế công cụ đánh giá; hướng dẫn các trường triển khai đánh giá.

3.2.5.3. Cách tiến hành biện pháp

Trước hết cần xác định mục tiêu, nội dung chuẩn cần đánh giá, lựa chọn phương pháp, kỹ thuật đánh giá và sau cùng là hướng dẫn, tổ chức các lực lượng trong nhà trường cùng triển khai đánh giá.

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung GDĐĐ, các nội quy, quy chế quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ngành Giáo dục - Đào tạo địa phương, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo các bộ phận có liên quan xác định các mặt và các nội

dung cần đánh giá. Đánh giá kết quả GDĐĐ không thể chỉ dựa trên kết quả lĩnh hội những kiến thức về PL, những kiến thức về con người xã hội mà chủ yếu phải dựa vào sự biểu hiện ra bên ngoài, thể hiện ở lối sống, ở hành vi trong quan hệ ứng xử của các em với người khác, với xã hội và tự nhiên.

Vì vậy, khi đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh cần đánh giá về mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

Nhận thức về GDĐĐ được đánh giá theo tiêu chí: nhận thức tầm quan trọng của mối liên hệ giữa đạo đức và pháp luật đối với mỗi con người, các thói quen cần rèn luyện và cách thức rèn luyện hành vi pháp luật, có thể chia thành 3 mức độ:

Mức độ 1: HS có nhận thức đúng tầm quan trọng của đạo đức - pháp luật, đầy đủ các thói quen cần rèn luyện và cách thức rèn luyện các hành vi pháp luật.

Mức độ 2: HS có nhận thức đúng tầm quan trọng của đạo đức - pháp luật nhưng chưa đầy đủ các thói quen và cách thức rèn luyện hành vi pháp luật.

Mức độ 3: HS có nhận thức chưa đúng tầm quan trọng của đạo đức - pháp luật, chưa đầy đủ các thói quen và cách thức rèn luyện hành vi pháp luật.

Thái độ đối với các thói quen được đánh giá theo tiêu chí: tán thành, ủng hộ; phân vân lưỡng lự; phản đối phủ nhận và có thể chia thành 3 mức độ là tích cực, trung tính, tiêu cực.

Hành vi thực hiện các thói quen của học sinh được đánh giá theo tiêu chí: đã có thói quen đáp ứng yêu cầu rèn luyện, vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn, có cách ứng xử linh hoạt hợp lý; động cơ của hành vi đúng sai, ý nghĩa như thế nào.

Tổ chức cho CBQL, GV, HS thảo luận, góp ý kiến về nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh, sau đó hoàn thiện, xây dựng thành bản “quy định” được coi là công cụ để đánh giá. Cuối cùng là phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên biết để thực hiện. Tốt nhất là xây dựng phiếu đánh giá kết quả GDĐĐ của học sinh phản ánh đầy đủ các yêu cầu về nội dung, tiêu chí và mức độ đánh giá.

** Xây dựng quy trình và tổ chức các lực lượng đánh giá:*

Đánh giá kết quả GDĐĐ của học sinh được thực hiện theo học kỳ, là cơ sở để đánh giá hạnh kiểm học sinh nên quy trình cũng thực hiện như việc đánh giá hạnh kiểm học sinh. Theo phiếu đánh giá, học sinh tự liên hệ bản thân mình trong quá trình

rèn luyện với các tiêu chí quy định, tự đánh giá việc GDĐĐ của mình trên các mặt hoạt động, sau đó tập thể lớp và GVCN đánh giá, cuối cùng Hội đồng hợp đánh giá (gồm: BGH, Bí thư chi đoàn, GVCN, GV) quyết định trên cơ sở kết hợp việc đánh giá của lớp với đánh giá của các tổ chức đoàn thể và các bộ phận khác có liên quan.

Để thực hiện các công việc trên phải có sự thống nhất, phối hợp giữa các bộ phận chức năng có liên quan trong việc quản lý GDĐĐ cho học sinh. Cụ thể hoá được các mặt rèn luyện của HS để tạo điều kiện cho việc đánh giá được khách quan, thuận lợi và công bằng.

Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế của nhà trường, thông tin góp ý để xây dựng các tiêu chí khen thưởng rõ ràng, công khai, nghiêm túc; việc khen thưởng kịp thời ghi nhận những thành tích và cố gắng của các cá nhân có tính động viên cao và trao thưởng tại Hội nghị tổng kết học kì hoặc năm học

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Phải xác định rõ các kiến thức ĐĐ cần giáo dục, yêu cầu mức độ đạt được cho học sinh từng khối lớp. Từ đó xác định được các tiêu chuẩn đánh giá để có cơ sở kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ ở HS.

Việc đánh giá cần có sự thống nhất giữa các lớp trong toàn trường trên cơ sở thống nhất các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá. Việc đánh giá cần được xác định rõ mục tiêu, không chỉ lượng giá kết quả mà chủ yếu là tìm kiếm cơ sở điều chỉnh các tác động giáo dục sao cho hợp lý nhất, đạt hiệu quả cao nhất.

Kiểm tra đánh giá cần gắn với khuyến khích động viên và uốn nắn. Nhưng chủ yếu là khuyến khích động viên những học sinh có kết quả rèn luyện tốt, uốn nắn những sai sót trong rèn luyện để các em có thể có được kỹ năng ở mức hoàn thiện nhất.

3.2.6. Biện pháp 6: Quản lý, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong bối cảnh hiện nay

3.2.6.1. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp

GDĐĐ cho HS là trách nhiệm của toàn xã hội, do đó tất yếu phải tiến hành xã hội hóa GD trong lĩnh vực GD đạo đức học sinh. Xã hội hóa GD là sự huy động, thu hút, phối hợp tất cả các thành phần xã hội cùng chăm lo công tác GD đạo đức cho học sinh. Thực chất của Xã hội hóa GD trong lĩnh vực này là tăng cường sự

phối hợp 3 môi trường: Nhà trường - gia đình - xã hội. Trong đó nhà trường phải giữ vai trò trung tâm, nòng cốt

Quản lý, phối hợp các LLGD trong và ngoài trường như: cán bộ quản lý, GV, các tổ chức đoàn thể và sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm lôi cuốn được lực lượng xã hội to lớn tham gia vào sự nghiệp GDĐĐ cho học sinh nhà trường.

Nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho HS trường THPT KTVT, từ đó góp phần nâng cao chất lượng GDĐĐ cho HS toàn tỉnh

3.2.6.2. Nội dung biện pháp

Quản lý, tăng cường sự phối hợp của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường cùng tham gia hoạt động GDĐĐ cho HS

+ Đối với Ban Giám hiệu nhà trường:

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nghiên cứu, nắm vững yêu cầu, nội dung, phương pháp của hoạt động GDĐĐ cho học sinh

Chủ động lập kế hoạch GDĐĐ cho học sinh và hướng dẫn cho các bộ phận kế hoạch riêng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch

Trực tiếp tổ chức chỉ đạo hoạt động GDĐĐ, chỉ đạo các cán bộ và GVCN làm công tác GDĐĐ cho HS để thống nhất các hoạt động giáo dục đạo đức của nhà trường

Phối hợp với công an phường để bàn giải pháp ngăn ngừa các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường

+ Đối với các LLGD:

GVCN và giáo viên bộ môn phối hợp với Đoàn thanh niên để tổ chức các hoạt động GDĐĐ và đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cho HS

Công đoàn nhà trường phối hợp với Ban nữ công nhà trường để giáo dục nữ sinh chậm tiến

Đoàn trường: Phối hợp với đoàn cấp trên để triển khai thực hiện các phong trào, các hoạt động xã hội, văn hóa nghệ thuật mang tính giáo dục, tổ chức các cuộc thi, hoạt động sáng tạo, sinh hoạt câu lạc bộ,...

Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội khác trong giáo dục đạo đức cho học sinh:

Nhà trường và các lực lượng xã hội địa phương cần phối hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi nguồn lực, biến quá trình giáo dục học sinh thành nhiệm vụ của toàn dân. Đây là việc thực hiện “Cộng đồng hóa trách nhiệm” đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi trong việc QL GDĐĐ cho học sinh. Các lực lượng xã hội bao gồm: các đoàn thể chính trị, các tổ chức, đơn vị kinh tế, các tổ chức, các đơn vị kinh doanh, các cơ quan chức năng xã hội khác. Nội dung của phối hợp:

Phối hợp với tổ chức Đảng trong việc chỉ đạo toàn dân tham gia giáo dục thế hệ trẻ;

Tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục ý thức bảo vệ xã hội, giữ gìn trật tự, an ninh;

Phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam để làm tốt công tác khuyến học, hòa giải, giáo dục cá biệt, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong học sinh;

Phối hợp Đoàn thanh niên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, lý tưởng, đấu tranh phòng chống các hiện tượng tiêu cực xã hội, góp phần lành mạnh hóa xã hội;

Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức, đơn vị kinh tế trong việc xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và tạo điều kiện cho học sinh làm quen với thực tế

3.2.6.3. Cách tiến hành biện pháp

Cùng với việc xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, BGH phải chỉ đạo các bộ phận thường xuyên phối hợp với gia đình học sinh, giúp gia đình nâng cao nhận thức chăm sóc, GD học sinh một cách chu đáo, tạo điều kiện thuận lợi cho HS học tập, rèn luyện. Đồng thời các lực lượng xã hội cùng với nhà trường giúp đỡ, hỗ trợ các gia đình xây dựng các tấm gương điển hình văn hóa như: cha mẹ mẫu mực, con cái chăm ngoan, gia đình đạt gia đình văn hóa từ đó thúc đẩy các thành viên trong gia đình làm tốt chức năng GD con em họ.

Lãnh đạo nhà trường, các tổ chức đoàn thể cùng với chính quyền địa phương ra sức xây dựng môi trường giáo dục tích cực. Xây dựng cộng đồng xã hội có lối sống lành mạnh, tạo ra nhiều giá trị tích cực, đề cao các giá trị xã hội chân chính.

Môi trường xã hội là yếu tố quan trọng góp phần để phát triển nhân cách tốt đẹp cho HS.

Nhà trường phải thu hút các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục đạo đức HS bằng các nội dung và hình thức phối hợp như sau:

- Đề nghị và phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan tham gia vào việc sưu tầm, cung cấp tư liệu, biên soạn các tài liệu có tác dụng GD đạo đức HS. Cần cung cấp nhiều tài liệu về lịch sử văn hóa địa phương, những kinh nghiệm xã hội, những giá trị chuẩn mực trong xã hội và trong cuộc sống, quan hệ ứng xử tốt đẹp trong cộng đồng...

- Cùng với các ngành chức năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho HS. Cụ thể:

+ Ngành y tế: Để tăng kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên, GD giới tính, vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ môi trường...

+ Ngành công an: Giúp học sinh có những tri thức về pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội, qua đó có những hành động cụ thể với bản thân, gia đình và nhà trường....

+ Quân đội, đặc biệt là lữ đoàn 297 đơn vị kết nghĩa với nhà trường: GD về truyền thống quân đội nhân dân, về lịch sử đấu tranh dân tộc, giúp HS có thêm ý thức trách nhiệm với các thế hệ đi trước, làm tốt vai trò của một công dân trong thời bình

+ Ngành văn hóa thông tin: tham gia GD thể chất , GD văn hóa -thẩm mỹ cho HS thông qua các hoạt động như thi đấu TDTT, văn nghệ, triển lãm, tham quan , vui chơi , giải trí...

+ Đoàn trường: phối hợp với các LLGD khác để tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể theo chủ điểm như: văn nghệ, thể dục thể thao, cắm trại, hoạt động xã hội, dã ngoại về nguồn ...)bàn giao sinh hoạt hè cho xã phường nhằm tiếp tục giáo dục truyền thống, lý tưởng của Đoàn thông qua các hoạt động

+ Ban đại diện CMHS: phối hợp cùng nhà trường tổ chức các buổi hội thảo nhằm bàn bạc các biện pháp nâng cao hiệu quả GD đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho HS.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Hiệu trưởng cần chỉ đạo thực hiện công tác Xã hội hóa GD là một cách thường xuyên có kế hoạch sẽ huy động được sức mạnh của toàn xã hội chăm lo GDĐĐ cho HS.

- Xây dựng được môi trường giáo dục: nhà trường - gia đình - xã hội thật sự lành mạnh, đảm bảo tính tích cực phục vụ tốt cho công tác giáo dục đạo đức học sinh.

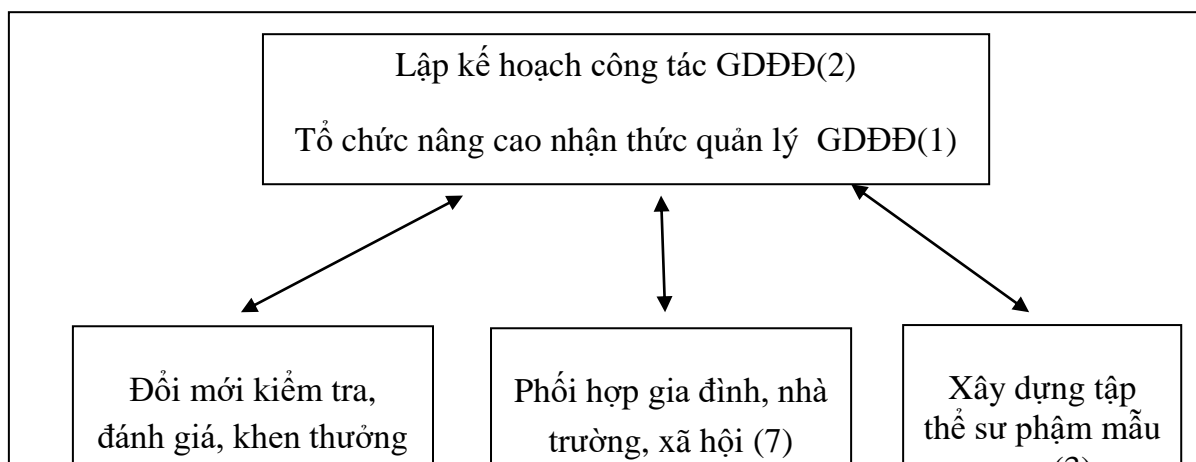
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Mỗi biện pháp nâng cao chất lượng quản lý, GDĐĐ đều có những vị trí, vai trò riêng, chúng tạo nên một hệ thống các biện pháp có tính logic, khoa học để giải quyết thực trạng của GDĐĐ hiện nay trong trường THPT Kỹ thuật Việt Trì. Không có biện pháp nào là đảm bảo tính hoàn mỹ, mỗi biện pháp đều có ưu, khuyết điểm nhất định, nhưng để giải quyết vấn đề thì phải biết vận dụng và phối hợp một cách khoa học các biện pháp, phụ thuộc công việc, điều kiện và con người cụ thể mà ta cần thực hiện. Do đó các biện pháp GDĐĐ luôn có mối quan hệ chặt chẽ, tương hỗ cho nhau

Biện pháp này được thực hiện tốt sẽ tạo tiền đề để các biện pháp khác thực hiện có hiệu quả. Vì vậy, phải đảm bảo được tính nhất quán, đồng bộ trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp đã nêu trong trường THPT Kỹ thuật Việt Trì.

Biện pháp “ *Lập kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì*” là cơ sở cho hoạt động GDĐĐ cho học sinh, ba biện pháp kế tiếp theo đó là định hướng và xác định những việc cần làm để quản lý công tác GDĐĐ cho học sinh, ba biện pháp sau là tạo điều kiện để công tác GDĐĐ cho học sinh được thuận lợi đạt kết quả tốt.

Giữa các biện pháp sẽ có mối quan hệ được thể hiện qua biểu đồ sau:



Sơ đồ 3.1: Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học phổ thông Kỹ thuật Việt Trì

Các biện pháp nêu trên có tác động qua lại, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý. Nếu các nhà quản lý vận dụng tốt thì tác động của các biện pháp sẽ là tích cực, nếu thực hiện không khéo thì tác động sẽ trở thành tiêu cực đến kết quả của quá trình thực hiện QL hoạt động GDĐĐ học sinh.

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp quản lý được đề xuất

Bất kỳ một đề tài khoa học nào cũng thường được tiến hành đánh giá tính chân thực thông qua lấy ý kiến chuyên gia hoặc trải qua thử nghiệm. Song thời gian nghiên cứu có hạn, chúng tôi tiến hành kiểm chứng tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý GDĐĐ cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì bằng phương pháp lấy ý kiến của các CBQLGD và các giáo viên, các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý và giáo dục đạo đức.

3.4.1. Mục đích

Đánh giá tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp đề xuất.

3.4.2. Đối tượng thăm dò ý kiến

Trung cầu bằng phiếu hỏi các đối tượng: Ban Giám hiệu, lãnh đạo các phòng chức năng, Giáo viên chủ nhiệm lớp, Ban chấp hành Đoàn trường và một số cán bộ giảng dạy.

3.4.3. Cách thức tiến hành

Qua trung cầu ý kiến của 4 cán bộ quản lý và giáo viên có thâm niên công tác trên 15 năm với câu hỏi: “Xin đồng chí cho biết ý kiến của mình về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý công tác GDĐĐ cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì được nêu ra dưới đây”. Kết quả được như sau:

Cụ thể, kết quả đạt được thể hiện ở bảng 3.1

Bảng 3.1: Khảo sát tính cấp thiết của các biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

STT	Các biện pháp	Tính cấp thiết						Điểm TB	Xếp thứ tự
		Rất cấp thiết		Cấp thiết		Không cấp thiết			
		SL	%	S	%	SL	%		
1	Tổ chức nâng cao nhận thức về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho cán bộ - giáo viên - học sinh và phụ huynh trong bối cảnh hiện nay	45	81,8	10	18,2	0	0	2,82	3
2	Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	42	76,4	12	21,8	1	1,8	2,74	7

STT	Các biện pháp	Tính cấp thiết						Điểm TB	Xếp thứ tự
		Rất cấp thiết		Cấp thiết		Không cấp thiết			
		SL	%	S L	%	SL	%		
3	Quản lý, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh	47	85,6	8	14,4	0	0	2,85	1
4	Quản lý, đổi mới công tác chủ nhiệm lớp.	45	81,8	10	18,2	0	0	2,82	3
5	Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho học sinh và phản hồi thông tin để cải tiến	43	78,2	11	20,0	1	1,8	2,75	6
6	Tăng cường quản lý cơ sở vật chất và các điều kiện đáp ứng yêu cầu giáo dục đạo đức cho học sinh	45	81,8	10	18,2	0	0	2,82	3
7	Quản lý, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội	47	85,6	8	14,4	0	0	2,85	1

Bảng 3.2: Khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì

STT	Các biện pháp	Tính khả thi (%)	Điểm	Xếp
-----	---------------	------------------	------	-----

		Rất khả thi		Khả thi		Không khả thi		m TB	thứ tự
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức nâng cao nhận thức về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho cán bộ - giáo viên - học sinh và phụ huynh trong bối cảnh hiện nay	9	16,4	42	76,4	4	7,3	2,02	5
2	Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	17	20,9	38	69,1	0	0	2,30	1
3	Quản lý, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh	10	18,0	45	81,8	0	0	2,18	3
4	Quản lý, đổi mới công tác chủ nhiệm lớp.	11	20,0	44	80,0	0	0	2,20	2
5	Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho học sinh và phản hồi thông tin để cải tiến	11	20	43	78,2	1	1,8	2,16	3
6	Tăng cường quản lý cơ sở vật chất và các điều kiện đáp ứng yêu cầu giáo dục đạo đức cho học sinh	3	7,2	45	80,1	2	3,6	1,73	7

7	Quản lý, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội	4	8,4	48	87,3	2	3,6	1,89	6
---	---	---	-----	----	------	---	-----	------	---

3.4.4. Kết quả khảo nghiệm

Qua kết quả khảo nghiệm cho thấy 7 biện pháp đề xuất đều được các chuyên gia đánh giá có tính cấp thiết là rất cao với điểm trung bình từ 2,74 đến 2,85; tính khả thi có điểm trung bình 1,85 đến 2,3. Từ kết quả khảo nghiệm trên, có thể đưa ra một số nhận xét như sau: Xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh và đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức của học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì là hai biện pháp được đánh giá có tính cấp thiết cao hơn và cần được thực hiện ngay, bên cạnh đó tăng cường quản lý cơ sở vật chất và các điều kiện đáp ứng yêu cầu giáo dục đạo đức cho HS trường THPT KTVT cũng được đánh giá là cấp thiết phục vụ cho công tác giáo dục GDDĐ. Tuy nhiên khi đánh giá mức độ khả thi thì kết quả lại đánh giá cao là lập kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì, tăng cường quản lý cơ sở vật chất và các điều kiện đáp ứng yêu cầu giáo dục đạo đức cho học sinh. Tiếp theo là nâng cao vai trò, vị trí và chất lượng giảng dạy môn Giáo dục công dân trong nhà trường. Những biện pháp này vừa có tính cấp thiết và tính khả thi cao. Tuy nhiên các biện pháp còn lại về mức độ cấp thiết và mức độ khả thi đều được đánh giá cần thiết và thực hiện được.

Như vậy, việc tiến hành khảo nghiệm các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức học sinh trường THPT KTVT đã thu được kết quả rất cần thiết và có khả thi từ các chuyên gia được thể hiện ở bảng 3.1 và 3.2, kết quả khảo nghiệm các biện pháp cho thấy những biện pháp trên nếu có đủ thời gian, điều kiện để được thử nghiệm đồng bộ với học sinh một khối lớp thì kết quả giáo dục đạo đức đạt được sẽ rất cao.

Tiểu kết chương 3

Tiếp tục đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ mà toàn ngành đang quyết tâm thực hiện. Trong đó tăng cường quản lý công tác GD đạo đức cho HS là việc làm có tính cấp thiết.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước về công tác này đều nhằm mục đích nâng cao chất lượng đạo đức của thế hệ trẻ, phát triển nhân cách của các thế hệ công dân. Các phương pháp và hình thức tiến hành công tác GD đạo đức cho HS phải dựa trên cơ sở khoa học về Giáo dục học, tâm lý học và các khoa học có liên quan. Trong quản lý công tác GD đạo đức cho HS cần phải nắm vững lý luận về khoa học quản lý, phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Có như vậy việc đề xuất các giải pháp quản lý về công tác này mới có cơ sở đảm bảo.

Nhận thức đúng về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của GDĐĐ cho HS trong giai đoạn hiện nay đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của các LLGD trong và ngoài nhà trường về cơ bản là đúng đắn. Đa số học sinh sẽ rất hứng thú đối với các hoạt động ngoại khóa mang tính giáo dục, từ đó tích cực tham gia vào các hoạt động triển khai nội dung GDĐĐ. Các hình thức tổ chức hoạt động giáo

dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật được sử dụng khá đa dạng và phong phú.

Việc triển khai các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường THPT KTVT đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Bên cạnh đó vẫn còn một số những hạn chế còn bộc lộ như: các hình thức GDĐĐ chưa thực sự phát huy tính đa dạng, các nội dung giáo dục còn nghèo nàn, chưa phong phú, chưa thực sự phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của các em. Thực trạng quản lý giáo dục đạo đức luật cho học sinh trường THPT KTVT cho thấy những hạn chế yếu kém cần thiết phải có những biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả đã đề xuất 7 giải pháp quản lý công tác GD đạo đức HS cho học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay, chúng đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp được các chuyên gia đánh giá khá cao, có thể vận dụng vào thực tiễn quản lý. Các giải pháp sẽ giúp cho đội ngũ nhà giáo và CBQL xác định đúng hơn tầm quan trọng của công tác này ở nhà trường để xây dựng kế hoạch hoàn chỉnh và có sự quan tâm đúng mức trong việc giáo dục đạo đức học sinh. Từ đó giúp cho nhà giáo và cán bộ QLGD thấy được vai trò, trách nhiệm của mình đối với mục tiêu của công tác này, để ngoài việc dạy chữ cho tốt hơn còn phải lưu tâm, hết lòng giáo dục thể hệ trẻ phát triển toàn diện cả tài lẫn đức, đó là những nét nhân cách của con người Việt Nam trong thời đại mới.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT có vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình đào tạo nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng ở trường THPT KTVT trong bối cảnh hiện nay. Giáo dục đạo đức là quá trình lâu dài, phức tạp đòi hỏi có sự quan tâm của BGH đến từng cán bộ giáo viên và cán bộ quản lý của nhà trường. Vì vậy nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ HS trường THPT KTVT là việc làm cấp thiết. Có thể rút ra một số kết luận như sau:

- Quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS THPT có vai trò rất lớn trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách HS. Đây là hoạt động vô cùng cần thiết để giúp học sinh có nhận thức đúng đắn để hoàn thiện đạo đức cho cá nhân. Ngoài ra, từ việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành của hoạt động giáo dục đạo đức giúp HS tạo thống nhất giữa nhận thức và hành động, hình thành cho HS những hành vi cơ bản, từ đó biết vượt qua các khó khăn thử thách, hạn chế được những rủi ro trong cuộc sống

- Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh THPT là sự tác động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên của chủ thể quản lý đến các hoạt động giáo dục học sinh THPT nhằm đạt được mục đích, hiệu quả giáo dục. Trang bị cho học sinh THPT trình độ tri thức pháp lý, một ý thức đạo đức nhất định để từ đó có những hành động đúng đắn, tôn trọng pháp luật và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật.

- Nhận thức của các LLGD về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của GDĐĐ cho học sinh THPT đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh về cơ bản là rất quan trọng. Các em đều rất hứng thú đối với các hoạt động để nâng cao chất lượng đạo đức thông qua các hoạt động ngoại khóa, tích cực chủ động tham gia vào việc thiết kế và triển khai các nội dung giáo dục đạo đức, các hình thức tổ chức hoạt động GDĐĐ được sử dụng khá đa dạng và phong phú.

- Việc triển khai các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo học sinh THPT KTVT đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, trong quản lý một số hạn chế vẫn còn bộc lộ như: chưa thực sự phát huy được tính đa dạng của các hình thức GDĐĐ; nội dung giáo dục chưa phong phú, phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của các em; một số CB, GV chưa thực sự dành hết tâm huyết cho các hoạt động GDĐĐ cho học sinh; các hoạt động giáo dục kỹ năng sống chưa thực hiện một cách đồng bộ nên hiệu quả giáo dục đạt được chưa cao. Thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trường THPT KTVT cho thấy những hạn chế yếu kém cần thiết phải có những biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho học sinh.

- Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn tại trường THPT KTVT có thể đề xuất hệ thống gồm 6 biện pháp quản lý cụ thể:

+ *Tổ chức nâng cao nhận thức về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho cán bộ - giáo viên - học sinh và phụ huynh trong bối cảnh hiện nay*

+ *Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì*

+ *Quản lý, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh*

+ *Quản lý, đổi mới công tác chủ nhiệm lớp*

+ *Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho học sinh và phản hồi thông tin để cải tiến*

+ *Quản lý, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội*

- Tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp nêu trên được các chuyên gia đánh giá rất cao

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ

Xây dựng kế hoạch định kỳ, chỉ đạo, kiểm tra công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, đặc biệt là đối với học sinh các trường THPT trên địa bàn thành phố. Chú trọng công tác giáo dục đạo đức cho HS như công tác giáo dục kiến thức các môn văn hóa.

Đưa nội dung giáo dục đạo đức vào chương trình bồi dưỡng giáo viên hàng năm. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên về kiến thức, kỹ năng giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh.

Tổng hợp báo cáo, nhân rộng các phương pháp, cách làm hay; các mô hình quản lý việc giáo dục đạo đức cho học sinh tốt để các trường tham khảo, ứng dụng.

2.2. Đối với trường THPT KTVT

Tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức cho CB, GV về tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, nhà trường đưa công tác này làm một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong từng năm học.

Hàng năm cần tiến hành khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức của học sinh nhà trường để xác định những nội dung giáo dục đạo đức cần thiết phải giáo dục cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai công tác giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh của trường.

Tăng cường chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật cho học sinh.

Đội ngũ QL, các LLGD phải luôn tự học hỏi để nâng cao năng lực, thực hiện nếp sống văn minh, cùng xây dựng văn hóa giáo dục nhà trường thân thiện, là tấm gương để HS noi theo

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động giáo dục đạo đức; thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ về công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, từ đó rút kinh nghiệm nâng cao hiệu quả công tác này.

2.3. Đối với CMHS

CMHS quan tâm và dành nhiều thời gian hơn cho con cái, khi tâm sinh lý của con có sự thay đổi cần và kịp thời nắm bắt để có biện pháp giáo dục, uốn nắn kịp thời; tạo sự gần gũi, tình cảm để con cái có thể tâm sự khi gặp những vướng mắc trong cuộc sống.

Không nên vắng mặt trong các buổi họp phụ huynh thường niên của nhà trường, lắng nghe và nắm bắt tình hình rèn luyện đạo đức của con trong từng kì qua kết quả GVCN thông báo

Tham khảo thêm các kênh thông tin để nâng cao kiến thức về tâm lý giáo dục lứa tuổi học sinh THPT, từ đó lựa chọn biện pháp giáo dục phù hợp với con em của mình.

Phối hợp chặt chẽ với GVCN, các LLGD khác trong và ngoài nhà trường để nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện đạo đức của con mình; tích cực giáo dục con cái nếu có những biểu hiện lệch lạc, thiếu văn hóa

2.4. Đối với các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn thành phố

Đối với cơ quan, đoàn thể như: chính quyền địa phương, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, hội khuyến học, hội phụ nữ, hội phụ huynh, cộng đồng khu dân cư, cơ quan công an cần phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh; góp phần cùng các nhà trường thực hiện tốt phong trào thi đua: “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Tăng cường phối hợp với nhà trường làm tốt công tác “xã hội hóa giáo dục” trên các phương diện tài chính, cơ sở vật chất, tạo điều kiện tổ chức các hoạt động

ngoài giờ lên lớp để cùng nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức cho học sinh./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 29 – Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”*.
- [2]. Ban tư tưởng văn hoá trung ương (2007), *Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [3]. Ban tuyên giáo Trung ương (2011), *Tài liệu nghiên cứu Các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [4]. Ban tuyên giáo Trung ương (2017), *Hướng dẫn số 41-Thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề “Giáo dục đạo đức cách mạng trong thời kì đổi mới”*.
- [5]. *Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư 13/2012/TT- Bộ GDĐT ngày 6/4/2012 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về tiêu chuẩn trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học*.
- [7]. Báo cáo tổng kết năm học của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì trong năm học 2017 - 2018; 2018 – 2019; 2019 -2020.
- [8]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2009) *Tài liệu về hoạt động NGLL HS THPT*.
- [9]. Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX)
- [10]. Đăng Quốc Bảo (1998) *Một số khái niệm quản lý giáo dục*, Trường CBQL giáo dục và đào tạo, Hà Nội
- [11]. Lê Thị Bùng (chủ biên) (2007) *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- [12]. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2016), *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [13]. Phạm Khắc Chương (1995), *Một số vấn đề về giáo dục đạo đức và giáo dục đạo đức ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- [14]. Phạm Khắc Chương (chủ biên, 2007) *Đạo đức học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [15]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16]. Đỗ Văn Đoạt (2017), *Giáo trình tâm lý học quản lý*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

- [17]. Ngô Văn Hà (2008) *Quan điểm Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo*, Tạp chí GD-ĐT số 46/11-2008.
- [18]. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1996), *Vấn đề con người trong sự nghiệp CNH – HDH*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19]. Bùi Minh Hiền(2016), *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội
- [20]. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2016), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [21]. Bùi Minh Hiền(2017), *Quản lí giáo dục*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [22]. Trần Kiểm (2008) *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lí giáo dục*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [23]. Nguyễn Vũ Bích Hiền (2017), *Giáo trình văn hóa tổ chức*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội
- [24]. Trần Hậu Kiểm-Đoàn Đức Hiếu(2004) *Hệ thống phạm trù đạo đức cho sinh viên*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [25]. Hà Thế Ngữ-Đặng Vũ Hoạt (1998) *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [26]. *Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1962,
- [27]. *Hồ Chí Minh toàn tập-tập 11*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [28]. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [29]. Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ (2018), *Báo cáo tổng kết năm học 2017 - 2018*.
- [30]. Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ (2019), *Báo cáo tổng kết năm học 2018 - 2019*.
- [31]. Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ (2018), *Báo cáo tổng kết năm học 2019 - 2020*.
- [32]. Nguyễn Minh Tâm - Nguyễn Minh Đoan (2014) *Giáo trình Lí luận nhà nước và pháp luật*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.
- [33]. VI.Lênin (2005) tập 41 NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [34]. Nguyễn Duy Quý (2006) *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay-vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [35]. Thái Duy Tuyên (2004) *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh và học sinh)

Nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu khoa học về công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT Kỹ thuật Việt Trì trong bối cảnh hiện nay, kính mong Anh/chị/em vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu (x) vào các ô mà Anh/chị/em cho là thích hợp hoặc ghi câu trả lời ngắn về một số vấn đề được nêu ra trong phiếu dưới đây.

Câu 1: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá về những biểu hiện hành vi đạo đức, nội quy trường học, vi phạm pháp luật của học sinh THPT KTVT hiện nay

STT	Hành vi	Mức độ đánh giá		
		Phổ biến	Ít phổ biến	Chưa có
1	Vi phạm quy chế thi cử			
2	Gây gổ đánh nhau			
3	Bỏ giờ, trốn học			
4	Không chấp hành các quy định, nội quy của trường,			
5	Cờ bạc			
6	Trộm cắp			
7	Thiếu tôn trọng thầy, cô			
8	Ít tham gia các hoạt động tập thể của lớp, trường			
9	Vì lợi ích riêng, ít giúp đỡ lẫn nhau và không quan tâm tới lợi ích của tập thể			
10	Không trung thực			
11	Chỉ chào các thầy cô trực tiếp dạy mình			
12	Vi phạm luật ATGT			
13	Nói tục, chửi bậy			
14	Hút thuốc			
15	Uống rượu, bia			

Câu 2: Xin anh/chị/em cho biết mức độ cần thiết về giáo dục đạo đức cho học sinh THPT hiện nay?

Rất cần thiết Cần thiết Không cần thiết

Câu 3: Xin anh/chị/em cho biết những mục tiêu nào sau đây được sử dụng trong giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

TT	Mục tiêu	Đồng ý	Không đồng ý
1	Trang bị cho học sinh những kiến thức về chuẩn mực đạo đức và kiến thức pháp luật		
2	Hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực loại bỏ những hành vi tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống pháp luật hàng ngày		
3	Tạo cơ hội thuận lợi cho học sinh thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức		
4	Tất cả các nội dung trên		

Câu 4: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá về những nội dung được nhà trường sử dụng trong giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT và mức độ quan trọng của những nội dung này?

STT	Nội dung	Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng
1	Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống			
2	Tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước			
3	Văn hóa ứng xử, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống			
4	GD ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công			
5	Giáo dục nền nếp, ý thức kỷ luật, tác phong và tư tưởng			
6	GD truyền thống lịch sử quê hương đất nước			
7	Giáo dục tích hợp sống và làm việc theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh			

Câu 5: Xin anh/chi/em cho biết những hình thức nào dưới đây được nhà trường THPT KTVT sử dụng trong giáo dục đạo đức cho học sinh và mức độ sử dụng như thế nào?

TT	Các hình thức GDĐĐ kết hợp với GDPL	Mức độ sử dụng		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa sử dụng
1	Thông qua môn GDCD			
2	Chào cờ, sinh hoạt lớp			
3	Hoạt động phong trào của Đoàn Thanh Niên			
4	Các buổi giao lưu nghe nói chuyện về pháp luật			
5	Tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật			
6	Qua các hoạt động trải nghiệm			
7	Qua các môn học			
8	Qua sách báo, phim tài liệu, mạng internet			

Câu 6: Xin anh/chi/em cho biết những phương pháp nào dưới đây được nhà trường THPT KTVT sử dụng trong giáo dục đạo đức cho học sinh và mức độ sử dụng như thế nào?

S T T	Phương pháp	Mức độ sử dụng		
		Rất Thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên
1	Nói chuyện về đạo đức (<i>Phương pháp kể chuyện</i>)			
2	Tranh luận, thảo luận về đạo đức (<i>Phương pháp đàm thoại</i>)			
3	Nêu yêu cầu để học sinh thực hiện (<i>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</i>)			
4	Phát động thi đua (<i>Phương pháp dự án</i>)			
5	Nêu gương người tốt, việc tốt (<i>Phương pháp nêu gương</i>)			
6	Giáo dục truyền thống thông qua sân khấu hóa (<i>Phương pháp đóng vai</i>)			
7	Sự gương mẫu của GV và cán bộ, nhân viên (<i>Phương pháp nêu gương</i>)			
8	Tổ chức nề nếp sinh hoạt để học sinh thực hiện (<i>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</i>)			

S T T	Phương pháp	Mức độ sử dụng		
		Rất Thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên
9	Tạo tình huống để học sinh giải quyết (<i>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</i>)			
10	Phát huy vai trò tự quản của tập thể học sinh (<i>Phương pháp động não</i>)			
11	Nhắc nhở, động viên (<i>Phương pháp nêu gương</i>)			
12	Khen thưởng, kỷ luật (<i>Phương pháp nêu gương</i>)			
13	Phê phán hành vi, biểu hiện xấu. (<i>Phương pháp nêu gương</i>)			
14	Mời báo cáo viên (<i>Phương pháp thuyết trình</i>)			

Câu 7: Xin anh/chi/em cho biết mức độ hình thành nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT như thế nào?

ST T	Nội dung	Mức độ hình thành		
		Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức truyền thống			
2	Tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước			
3	Văn hóa ứng xử, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống			
4	GD ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công			
5	Giáo dục nề nếp, ý thức kỷ luật, tác phong và tư tưởng			
6	GD truyền thống lịch sử quê hương đất nước			
7	Giáo dục tích hợp sống và làm việc theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh			

Câu 8: Xin anh/chị/em cho biết đánh giá của mình về việc phối hợp giữa các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT như thế nào?

TT	Lực lượng tham gia	Mức độ		
		Rất tốt	Tốt	Chưa tốt
1	BGH			
2	Đoàn TN			
3	Đội ngũ giáo viên			
4	Phối hợp nhà trường và phụ huynh học sinh			
5	Các lực lượng xã hội khác			

Câu 9: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá của mình về ảnh hưởng của các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT như thế nào?

TT	Lực lượng tham gia	Mức độ		
		ảnh hưởng lớn	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	BGH			
2	Đoàn TN			
3	Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm			
4	Giáo viên bộ môn			
5	Tập thể lớp			
6	Chính quyền địa phương			
7	Hội cựu chiến binh			
8	Hội người cao tuổi			
9	Hội khuyến học			
10	Hội phụ nữ			
11	Hội phụ huynh			
12	Hội chữ thập đỏ			
13	Hội cựu chiến binh			
14	Các doanh nghiệp			
15	Bạn bè thân			
16	Ông bà, cha mẹ			
17	Cộng đồng khu dân cư			
18	Cơ quan công an			

Câu 10: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá về thực trạng xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

STT	Lập kế hoạch	Mức độ đánh giá		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không có
1	Kế hoạch cho cả năm học			
2	Kế hoạch cho từng học kỳ			
3	Kế hoạch cho từng tháng			
4	Kế hoạch cho từng tuần			
5	Kế hoạch cho các ngày lễ kỷ niệm			

Câu 11: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá về tổ chức triển khai kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

STT	Tổ chức thực hiện kế hoạch	Đồng ý	Không đồng ý
1	Kịp thời, đầy đủ, khoa học.		
2	Đồng bộ.		
3	Không kịp thời.		
4	Đúng kế hoạch.		
5	Không đúng kế hoạch.		
6	Máy móc theo kế hoạch đã định.		
7	Có điều chỉnh linh hoạt, hợp lý.		
8	Cụ thể, thiết thực.		
9	Chung chung.		
10	Chú trọng triển khai hơn kế hoạch chuyên môn.		
11	Không chú trọng triển khai bằng kế hoạch chuyên môn.		

Câu 12: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá công tác chỉ đạo triển khai kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

STT	Công tác chỉ đạo	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Có sự chỉ đạo, phân công cụ thể công tác			

	GDDĐ cho tập thể CBQL, GVCN, ĐTN.			
2	Phối hợp, huy động hết sự tham gia của tập thể CBQL, GV và tập thể học sinh			
3	Có nội dung GDDĐ rõ ràng cho tập thể học sinh			
4	Tập thể CBQL được giao độc lập hoạt động			
5	tập thể học sinh được giao độc lập hoạt động			
6	Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường – Gia đình – Xã hội			
7	Có sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo cấp trên			
8	Kiểm tra, đánh giá hoạt động GDDĐ cho học sinh.			

Câu 13: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá về quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kế hoạch giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

ST T	Các nội dung được đánh giá	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Thường xuyên			
2	Theo học kỳ			
3	Theo năm học			
4	Có nội dung tiêu chí rõ ràng			
5	ĐG đầy đủ các mặt, khách quan, vô tư			
6	Chú trọng đến học tập các môn văn hóa			
7	Chú trọng đến việc thực hiện nề nếp học tập			
8	Phối hợp tự đánh giá của học sinh với tập thể HS, giáo viên chủ nhiệm, nhà trường			

Câu 14: Xin anh/chị/em cho ý kiến đánh giá về những điểm mạnh của công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

TT	Các tiêu chí đánh giá	Đồng ý	Không đồng ý
1	Quan tâm đến công tác GDĐĐ		
2	Xây dựng được kế hoạch GDĐĐ khoa học, hợp lý.		
3	Làm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ vai trò của việc GDĐĐ cho học sinh và trách nhiệm đối với công tác này.		
4	Chỉ đạo sát sao hoạt động GDĐĐ cho học sinh của giáo viên chủ nhiệm. Bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên chủ nhiệm có phẩm chất tốt có đủ năng lực.		
5	Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên trong công tác GDĐĐ cho học sinh.		
6	Lựa chọn được nội dung GDĐĐ phù hợp.		
7	Lựa chọn được hình thức GDĐĐ phù hợp, hấp dẫn.		
8	Chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp giữa các bộ phận, đoàn thể trong trường và sự phối hợp của nhà trường với gia đình và xã hội trong GDĐĐ cho học sinh.		
9	Kiểm tra, đánh giá chặt chẽ.		
10	Tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp.		
11	Quản lý tốt hoạt động tự quản của học sinh.		

Câu 15: Xin anh/chị/em cho ý kiến về những hạn chế của công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

STT	Các tiêu chí đánh giá	Đồng ý	Không đồng ý
1	Quan tâm đến công tác GDĐĐ		
2	Xây dựng được kế hoạch GDĐĐ khoa học, hợp lý.		
3	Làm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ vai trò của việc GDĐĐ cho học sinh và trách nhiệm đối với công tác này.		
4	Chỉ đạo sát sao hoạt động GDĐĐ cho học sinh của GVCN. Bồi dưỡng được đội ngũ GVCN có phẩm chất tốt có đủ năng lực.		
5	Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên trong công tác GDĐĐ cho học sinh.		
6	Lựa chọn được nội dung GDĐĐ phù hợp.		
7	Lựa chọn được hình thức GDĐĐ phù hợp, hấp dẫn.		
8	Chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp giữa các bộ phận, đoàn thể trong trường và sự phối hợp của nhà trường - gia đình - xã hội trong cho học sinh		
9	Kiểm tra, đánh giá chặt chẽ.		
10	Tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp.		
11	Quản lý tốt hoạt động tự quản của học sinh.		

Câu 16: Xin anh/chị/em cho ý kiến về nguyên nhân những hạn chế của công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

STT	Nguyên nhân của những hạn chế	Đồng ý	Không đồng ý
1	Chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu và tính chất của công việc.		
2	Nhận thức của một bộ phận cán bộ giáo viên về vai trò, nhiệm vụ của công tác cho học sinh chưa đầy đủ.		
3	Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường còn nhiều thiếu thốn.		
4	Nhận thức của cán bộ quản lý về vai trò, tầm quan trọng của GDĐĐ trong nhà trường chưa thật sâu sắc, chưa quan tâm đúng mức đến công tác này.		
5	Cán bộ quản lý chưa quán xuyến toàn bộ các yếu tố ảnh hưởng và những diễn biến phức tạp của công tác GDĐĐ cho học sinh và hoạt động quản lý công tác này.		
6	Thiếu văn bản pháp quy về công tác GDĐĐ ; tính pháp quy của hoạt động GDĐĐ không cao như hoạt động chuyên môn.		
7	Một số gia đình chưa, thiếu quan tâm tới giáo dục đạo đức cho con em.		
8	Sự quan tâm, phối hợp của các lực lượng xã hội trong GDĐĐ cho học sinh chưa chặt chẽ, đồng bộ.		
9	Mặt trái của đời sống xã hội ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục, đạo đức và công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh.		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên)

Nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu khoa học về công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức kết hợp với giáo dục pháp luật ở trường THPT trong thành phố Việt Trì, kính mong thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu (x) vào các ô mà thầy (cô) cho là thích hợp hoặc ghi câu trả lời ngắn về một số vấn đề được nêu ra trong phiếu dưới đây.

Câu 17: Xin quý thầy(cô) cho ý kiến về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT KTVT?

ST T	Các biện pháp	Tính cấp thiết (%)			Tính khả thi (%)		
		Rất cấp thiết	Cấp thiết	Không cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Tổ chức nâng cao nhận thức về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho cán bộ - giáo viên - học sinh và phụ huynh trong bối cảnh hiện nay						
2	Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục đạo đức học sinh phù hợp với chương trình giáo dục THPT và đặc điểm riêng của trường THPT Kỹ thuật Việt Trì						
3	Quản lý, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực nhằm thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh						
4	Quản lý, đổi mới công tác chủ nhiệm lớp.						
5	Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kiểm tra đánh giá xếp loại đạo đức cho học sinh và phản hồi thông tin để cải tiến						
6	Tăng cường quản lý cơ sở vật chất						

	và các điều kiện đáp ứng yêu cầu giáo dục đạo đức cho học sinh						
7	Quản lý, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội						